

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT 5

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ TỈNH BẮC
GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN
NĂM 2050**

Bắc Giang 10- 2020

MỤC LỤC

Phần I	6
KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG	6
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	6
1. Điều kiện tự nhiên	6
2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	8
2.1. Về phát triển kinh tế	8
2.2. Đặc điểm văn hóa, xã hội.....	8
II. TÀI NGUYÊN DU LỊCH	10
1. Tài nguyên du lịch tự nhiên	10
2. Tài nguyên du lịch văn hóa.....	17
2.1. Các di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh:	18
2.2. Các loại hình dân ca, nghệ thuật trình diễn dân gian	22
2.3. Các làng bản, dân tộc.....	23
2.4. Các lễ hội truyền thống	25
2.5. Các làng nghề truyền thống	26
2.6. Các đặc sản, sản vật địa phương	26
Phần II.....	27
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG	27
I. THỰC TRẠNG MỘT SỐ YẾU TỐ CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG.....	27
1. Hiện trạng một số hạ tầng cơ sở.....	27
1.1. Hạ tầng giao thông.....	27
1.2. Hạ tầng điện, nước, viễn thông thụ động.....	27
1.3. Một số hạ tầng xã hội khác	28
2. Kết quả đầu tư hình thành các khu, điểm du lịch.....	28
2.1. Về đầu tư công.....	28
2.2. Thu hút đầu tư	29
2.3. Các khu, điểm du lịch được công nhận:	29
3. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ du lịch.....	30
3.1. Cơ sở lưu trú du lịch	30
3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật khác	31
4. Thực trạng lao động ngành du lịch.....	31
5. Thực trạng hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch khác.....	32
6. Thực trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch.....	33

7. Thực trạng liên kết, hợp tác du lịch.....	33
II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG.....	33
1. Về hình thành các không gian phát triển du lịch	33
2. Thực trạng sản phẩm du lịch.....	36
3. Thực trạng khách du lịch và thị trường khách du lịch	36
3.1. Số lượng khách du lịch đến tỉnh.....	36
3.2. Chi tiêu khách du lịch	37
4. Hiện trạng tổng thu từ khách du lịch.....	37
III. ĐÁNH GIÁ	38
1. Kết quả đạt được.....	38
2. Hạn chế.....	38
IV. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	42
1. Đánh giá yếu tố tác động từ tình hình quốc tế, khu vực, trong nước, mối liên hệ vùng có tác động đến phát triển du lịch của tỉnh.	42
1.1. Đánh giá yếu tố tác động từ tình hình quốc tế, khu vực tác động đến phát triển du lịch của tỉnh.....	42
1.2. Các yếu tố, điều kiện trong vùng, trong nước.....	44
1.3. Tác động của dịch Covid-19 đối với ngành du lịch Việt Nam nói chung và du lịch tỉnh Bắc Giang nói riêng.....	47
2. Dự báo xu thế phát triển ngành du lịch Việt Nam	48
3. Dự báo nhu cầu phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030.....	49
V. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC (SWOT)50	
1. Điểm mạnh (S)	50
2. Điểm yếu (W).....	51
3. Cơ hội (O)	51
4. Thách thức (T).....	52
Phần III.....	53
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.....	53
I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN	53
II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN	53
1. Mục tiêu tổng quát	53
2. Mục tiêu cụ thể.....	53
III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN	54
IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2030	54
1. Quy hoạch không gian phát triển du lịch.....	54

2. Quy hoạch phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm	58
2.1. Quy hoạch phát triển các khu du lịch Quốc gia:	58
2.2. Quy hoạch phát triển các khu, điểm du lịch cấp tỉnh.....	64
2.3. Quy hoạch khu chức năng dịch vụ tổng hợp sân golf và nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí đến năm 2030	65
2.4. Các khu, điểm du lịch cộng đồng.....	68
2.5. Quy hoạch các khu, điểm du lịch khác	68
3. Hệ thống lưu trú.....	70
4. Sản phẩm du lịch	70
4.1. Du lịch văn hóa - tâm linh:.....	70
4.2. Du lịch lịch sử - văn hóa	71
- Tiềm năng và cơ sở phát triển:	71
4.3. Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái.....	71
4.4. Du lịch vui chơi giải trí mua sắm.....	71
5. Các tuyến du lịch nội vùng và liên kết vùng	72
5.1. Tuyến du lịch liên tỉnh	72
5.2. Tuyến du lịch trong tỉnh.....	73
5.3 Tuyến du lịch chuyên đề	74
5.4. Các tuyến du lịch quốc tế, quốc gia.....	74
6. Các dự án kêu gọi đầu tư	75
V. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	76
1. Mục tiêu	76
2. Phương hướng	76
3. Phát triển hạ tầng	77
VI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH.....	77
1. Giải pháp về đổi mới cơ chế, chính sách.....	77
1.1.Cơ chế, chính sách về thuế.....	77
1.2. Cơ chế, chính sách về đầu tư, huy động vốn đầu tư, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	77
1.3. Chính sách hỗ trợ phát triển, thu hút đầu tư cơ sở lưu trú cao cấp.....	78
1.4. Chính sách hỗ trợ phát triển các nhà hàng đạt chuẩn phục vụ du lịch.....	78
1.5. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch cộng đồng	78
1.6. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất du lịch	79
2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư	79
3. Phát triển một số hạ tầng thiết yếu phục vụ du lịch	79
3.1. Hạ tầng giao thông kết nối	79

3.2. Hạ tầng điện, nước, viễn thông thụ động.....	80
4. Phát triển cơ sở vật chất phục vụ du lịch.....	80
5. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực	81
6. Giải pháp về tuyên truyền, quảng bá.....	81
7. Giải pháp ứng dụng khoa học, công nghệ	82
8. Thực hiện bảo tồn, phát triển nguồn tài nguyên du lịch.....	82
9. Giải pháp liên kết phát triển.....	83

Phần I

KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Bắc Giang nằm ở tọa độ địa lý từ 21⁰07' đến 21⁰37' vĩ độ Bắc; từ 105⁰53' đến 107⁰02' kinh độ đông, thuộc vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ.

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Tây và Tây Bắc giáp thành phố Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên;
- Phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh.

Bắc Giang có vị trí thuận lợi, liền kề vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc - trung tâm kinh tế quan trọng của miền Bắc và cả nước, tạo thuận lợi trong giao thông kết nối, phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa: Cách Thủ đô Hà Nội khoảng 50 km theo quốc lộ 1A và các điểm du lịch trọng điểm của vùng Đông Bắc như Lạng Sơn (110km) theo tuyến quốc lộ 1A, Quảng Ninh (130 km) theo quốc lộ 279, Hải Dương (70 km), Hải Phòng (130km) theo QL37 và Thái Nguyên (170km) theo QL17.

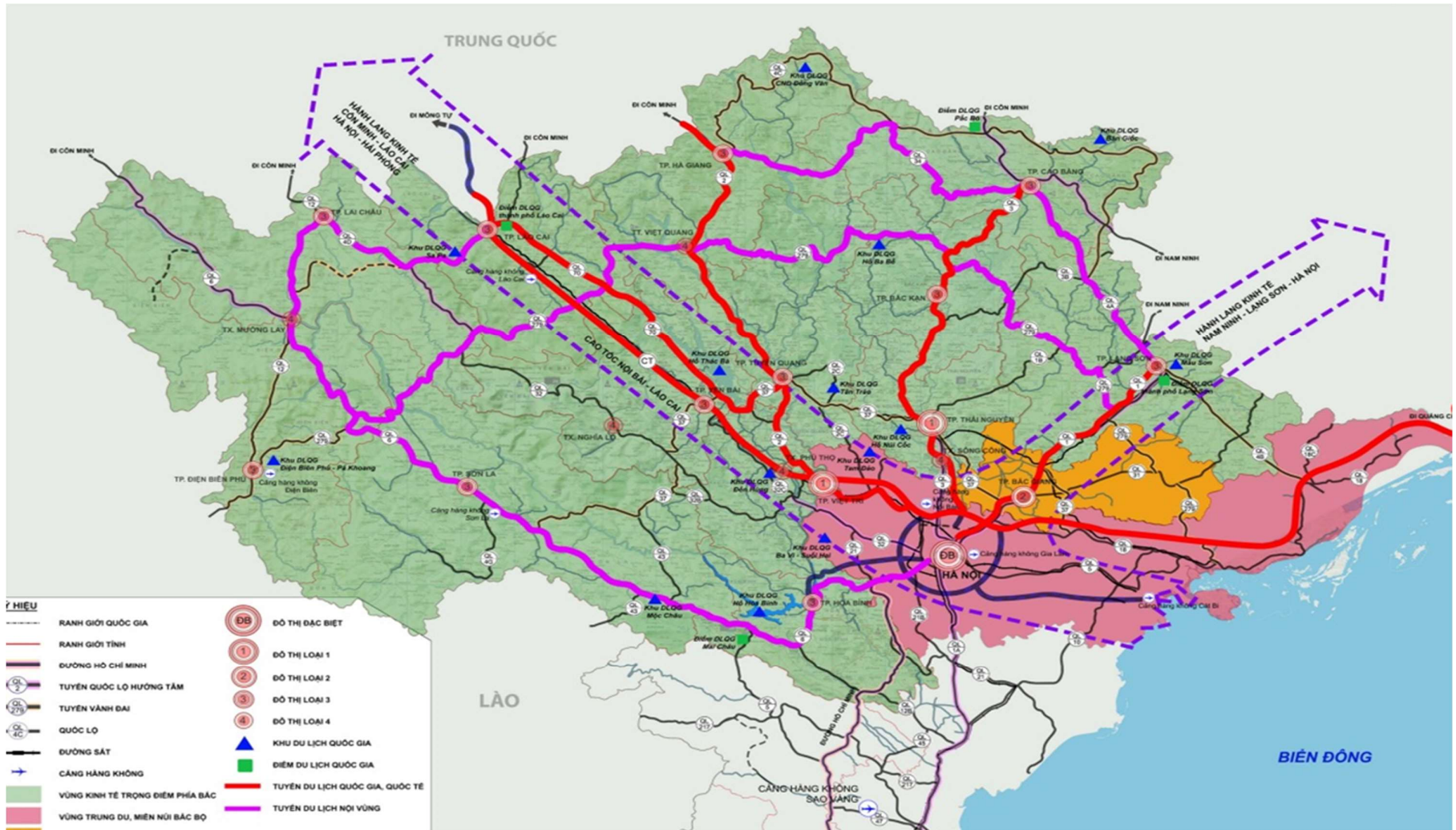
Nằm trên hành lang kinh tế phía đông của Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) liên kết thuận lợi với các trung tâm kinh tế, du lịch trong nước (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên) và các trung tâm kinh tế, du lịch vùng Đông Nam Trung Quốc (Bằng Tường, Nam Ninh).

Nằm trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, liền kề các trung tâm lớn, có khả năng kết nối thuận lợi với một số điểm du lịch trọng điểm như Mẫu Sơn (Lạng Sơn); Hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), Thác Bản Giốc (Cao Bằng), Hạ Long (Quảng Ninh), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương)...

Về mặt văn hóa, tâm linh Bắc Giang là một trong những địa phương gắn liền với Thiên phái Trúc Lâm, trong mối liên hệ gắn kết với Yên Tử - Quảng Ninh.

Vị trí địa lý của Bắc Giang tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các tour, tuyến du lịch gắn kết với các khu, điểm du lịch nổi tiếng của miền Bắc, cũng như nằm trên các tour, tuyến du lịch gắn với các tỉnh phía Nam của Trung Quốc.

Hình 1: Bản đồ vị trí liên hệ vùng tỉnh Bắc Giang



Địa hình tỉnh Bắc Giang có sự kết hợp giữa đồng bằng và đồi núi, thấp dần từ phía Bắc xuống phía Nam, độ cao và độ dốc trung bình giảm dần (từ gần 500 m xuống còn khoảng 100 m so với mặt nước biển), bị chia cắt bởi hệ thống sông, ngòi, hồ. Địa hình của tỉnh bao gồm 2 tiểu vùng là vùng trung du có đồng bằng xen kẽ chiếm 28% diện tích toàn tỉnh và vùng miền núi chiếm 72% diện tích toàn tỉnh. Sự kết hợp giữa vùng đồng bằng và vùng núi cao ban tặng cho Bắc Giang những cảnh quan núi rừng kỳ thú, hiểm trở, thác nước, cùng những thảm động thực vật phong phú. Những nguồn tài nguyên này có giá trị đối với phát triển đa dạng các loại hình du lịch như sinh thái, khám phá, du lịch mạo hiểm.

Bắc Giang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với 4 mùa rõ rệt. Mùa đông khô, lạnh từ tháng 11 năm trước tới tháng 1 năm sau; mùa hè nóng, mưa nhiều từ tháng 5 tới tháng 7; mùa xuân ẩm, ẩm từ tháng 2 đến tháng 4; mùa thu khí hậu ôn hòa từ tháng 7 đến tháng 10. Hàng năm Bắc Giang ít chịu ảnh hưởng của bão do nằm sâu trong đất liền, lại được chắn bởi các dãy núi thuộc 3 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam. Khí hậu Bắc Giang thuận lợi để phát triển các loại cây ăn quả, đặc biệt một số loại cây ăn quả như vải thiều, na, cam, bưởi. Bắc Giang đã hình thành vùng cây ăn quả quy mô lớn, nổi tiếng trong nước và quốc tế, có tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, tiêu biểu là vùng cây ăn quả huyện Lục Ngạn.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1. Về phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh có xu hướng tăng cao trong giai đoạn 2014-2019, tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn ở mức “hai con số”, đặc biệt, từ năm 2016 đến nay, tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước. Năm 2019, quy mô GRDP đạt gần 109 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 4,8 tỷ USD), gấp hơn 4 lần năm 2010, đứng thứ 16/63 tỉnh, thành phố; GRDP bình quân/người đạt 2.653 USD, gấp hơn 3 lần năm 2010, bằng 94,7% bình quân cả nước (năm 2010 bằng 69,2% cả nước). Cơ cấu ngành kinh tế về cơ bản chuyển dịch theo hướng tích cực, các ngành phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng ngày càng cao, ngành ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục giảm trong cơ cấu kinh tế; ngành CN - XD đã có sự phát triển mạnh, đặc biệt là ngành công nghiệp (tăng từ 24,1% năm 2010 lên 48,8% năm 2019). Tuy nhiên, ngành dịch vụ lại đang có xu hướng giảm trong cơ cấu kinh tế, xu thế này “ngược” với xu thế chung của cả nước, trong khi cả nước ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng khá cao thì ngành dịch vụ của tỉnh chiếm tỷ trọng thấp.

Với xu hướng phát triển “nóng” trong công nghiệp giai đoạn 2015-2019, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh tăng nhanh làm mờ nhạt đóng góp của ngành dịch vụ, trong đó có ngành du lịch trong quy mô GRDP của tỉnh. Tuy nhiên, với nhiều dự án thu hút đầu tư vào tỉnh, sự phát triển của ngành công nghiệp - xây dựng sẽ kéo theo thu hút nguồn nhân lực nước ngoài, nguồn nhân lực ngoại tỉnh đổ về làm việc tại tỉnh ngày càng tăng, là cơ hội để giới thiệu, quảng bá với người dân trong nước và quốc tế biết đến du lịch Bắc Giang, nhất là cơ hội phát triển loại hình du lịch công vụ, thăm thân trong thời gian tới.

2.2. Đặc điểm văn hóa, xã hội

Bắc Giang là tỉnh có dân số đông, đến năm 2019 dân số của tỉnh là 1.810,421 nghìn người. Dân số tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn với 1.603,051 nghìn người, chiếm 88,5%; dân số thành thị chỉ 207.370 người, chiếm 11,5%. Bắc Giang có 37 thành phần dân tộc, với 257.273 người dân tộc thiểu số, chiếm 14,26% dân số toàn tỉnh. Một số dân tộc thiểu số có dân số đông, sinh sống thành cộng đồng như Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Cao Lan, Sán Chí, Dao,... với nhiều nét văn hóa đặc sắc.

Bắc Giang là vùng đất cổ, có bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời. Bắc Giang hiện có 2.237 di tích lịch sử, văn hóa trải khắp trên địa bàn toàn tỉnh (trong đó 730 di tích được xếp hạng), có 12 di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc được Bộ VH-TT-DL đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁽¹⁾. Tiêu biểu, nổi bật đó là: (1) Di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Yên Dũng) - chốn tổ thiền phái Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập thế kỷ XIII, nơi lưu giữ kho Mộc bản với 3.050 bản đã được vinh danh là Di sản Tư liệu ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; (2) Di tích quốc gia đặc biệt chùa Bỏ Đà (huyện Việt Yên) - ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam và bảo vật quốc gia Bộ mộc bản kinh Phật khắc trên gỗ thị cổ nhất; (3) Di tích quốc gia đặc biệt Những điểm khởi nghĩa Yên Thế ghi dấu cuộc khởi nghĩa của người anh hùng dân tộc Hoàng Hoa Thám với 41 điểm di tích (cụm di tích) thuộc các huyện Yên Thế, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng; (4) Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Xương Giang ghi nhớ chiến công chói lọi trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc gắn với Thái tổ Cao Hoàng đế Lê Lợi, nghĩa quân Lam Sơn; (5) Chùa Quang Phúc, Đình Tiên Lục (huyện Lục Giang) có cây Dã Hương nghìn năm tuổi; (6) Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân (Khu 12); (7) Chùa Am Vãi (huyện Lục Ngạn) nằm trên sườn Đông Bắc đỉnh núi Am Ni với các di tích gốc thời Lý - Trần, được đặt tại khu vực có cảnh quan đẹp, linh thiêng, nằm trong hệ thống di tích Phật giáo Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử; (8) Đình Lỗ Hạnh được mệnh danh là đệ nhất kinh Bắc thế kỷ 16; (9) Lăng Dinh Hương là quần thể kiến trúc điêu khắc đá độc đáo thời Hậu Lê,...

Đặc biệt Bắc Giang còn là nơi gắn liền với Thiền phái Trúc Lâm do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập với hệ thống các di tích còn lưu giữ đến ngày nay như Chùa Vĩnh Nghiêm, Am Vãi, một số di tích đang được khảo cổ và định hướng phục dựng thời gian tới như chùa Hòn Tháp, Mã Yên, Bát Nhã, Hồ Bắc, Thanh Mai...

Nghệ thuật trình diễn dân gian của Bắc Giang rất đa dạng và phong phú như Quan họ, Ca trù, dân ca Cao Lan, dân ca Sán Chí,... là những loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc. Trong đó có 2 di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể: Quan họ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Ca trù được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

Bắc Giang là vùng đất cổ giàu truyền thống văn hóa với hơn 500 lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm, trong đó có những lễ hội được công nhận là di sản phi

¹ Gồm: Dân ca Quan họ; Ca trù; Nghi lễ Then người Tày, người Nùng tỉnh Bắc Giang; Dân ca Cao Lan xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn; Dân ca Sán Chí xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn; Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng; Lễ hội chùa Bỏ Đà; Lễ hội Thổ Hà, huyện Việt Yên; Lễ hội Đền Suối Mơ, huyện Lục Ngạn; Lễ hội Yên Thế, huyện Yên Thế; Lễ hội Đình Vòng, huyện Tân Yên; Lễ hội Y Sơn, huyện Hiệp Hòa).

vật thể Quốc gia như lễ hội Thổ Hà, lễ hội Yên Thế, lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm. Hầu hết các lễ hội trên địa bàn tỉnh còn mang đậm nét văn hóa truyền thống với nhiều trò chơi dân gian, các hoạt động thể thao ý nghĩa (đấu võ, vật, vật cầu nước...), kết hợp biểu diễn nghệ thuật dân gian như hát Quan họ, hát Ca trù, dân ca Sán Chí, hát Soong hao, hát Then,...

Bắc Giang cũng là nơi còn nhiều làng nghề truyền thống được lưu giữ, bảo tồn và phát triển đến ngày nay với các ngành nghề đa dạng và phong phú như nấu rượu làng Vân, Mây tre đan xã Tăng Tiến, làng bánh đa, kẹo lạc Thổ Hà (huyện Việt Yên); gốm làng Ngòi (huyện Yên Dũng); làng mỳ Chũ (huyện Lục Ngạn); làng bánh đa Kê, làng bún Đa Mai (TP Bắc Giang),...

II. TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

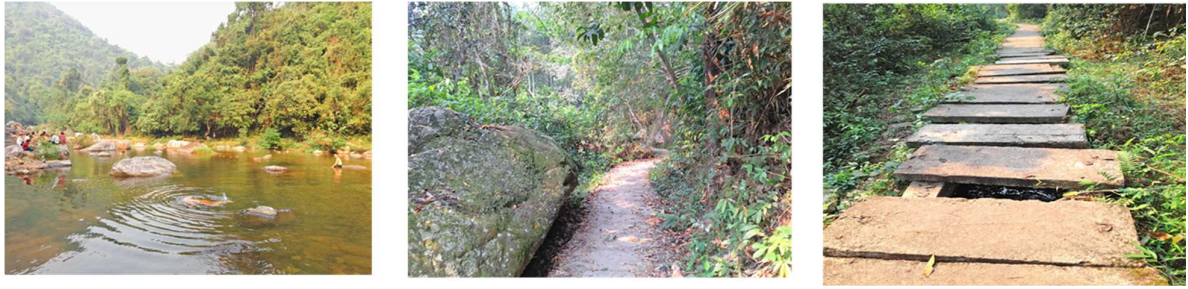
Địa hình Bắc Giang có sự kết hợp giữa vùng đồng bằng và vùng núi cao, với 145.835,82 ha đất lâm nghiệp, tạo nên những cảnh quan hấp dẫn, những đỉnh núi hiểm trở, thác nước, cùng những thảm động, thực vật phong phú, đặc hữu, có giá trị cao, là nguồn tài nguyên quý phát triển loại hình du lịch sinh thái, khám phá, du lịch thể thao và du lịch mạo hiểm. Một số điểm nổi bật:

(1) *Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử* (thuộc huyện Sơn Động và huyện Lục Nam), phía Đông tỉnh Bắc Giang, là dãy núi chính của vòng cung Đông Triều (từ Quảng Ninh qua Hải Dương - Bắc Giang). Khu bảo tồn có diện tích gần 12.265,1 ha² trong đó rừng tự nhiên là 11.766,24 ha, rừng trồng là 174,25 ha, đất trống là 324,63 ha. Được chia làm 2 phân khu, gồm: Phân khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (Phân khu Thanh Lục Sơn) và Phân khu bảo tồn thiên nhiên Khe Rỗ (phân khu Khe Rỗ), nằm ở độ cao từ 200m đến hơn 1.000m so với mặt biển và có địa hình cao dốc phức tạp, là khu vực tiếp giáp núi Yên Tử tỉnh Quảng Ninh, nơi đây có nhiều cảnh đẹp hấp dẫn như rừng nguyên sinh Khe Rỗ, thắng cảnh suối Nước Vàng, khu vực Đồng Thông...

(2) *Khu rừng nguyên sinh Khe Rỗ*: Thuộc xã Vĩnh An, huyện Sơn Động có diện tích 7.153ha trong đó diện tích rừng tự nhiên đến 5.092ha. Đây là khu rừng nguyên sinh còn giữ nguyên trạng nét hoang sơ tiêu biểu của cả vùng Đông Bắc Việt Nam, có nhiều cảnh quan đẹp như Vũng Tròn, cây Đa cổ thụ, thác Ba Tầng cùng nhiều dòng suối... Nơi đây có hệ động, thực vật phong phú gồm 786 loài thực vật và cây lấy gỗ; 226 loài động vật trong đó có 51 loài thú, 102 loài chim, 40 loài bò sát... Nhiều loài động vật quý hiếm có tên trong Sách đỏ như Voọc đen, Công đất, Gấu ngựa, Gấu chó, Khỉ mốc, Sơn Dương, Báo,...; nhiều loài thực vật quý hiếm như Pơmu, Thông tre, Thông làng, Thích xà là, Lát lim, Sa nhân, Ba kích... Hiện đã khai thác phục vụ du lịch, tại đây có 1 quầy dịch vụ, bãi đỗ xe tạm, nhà nghỉ.

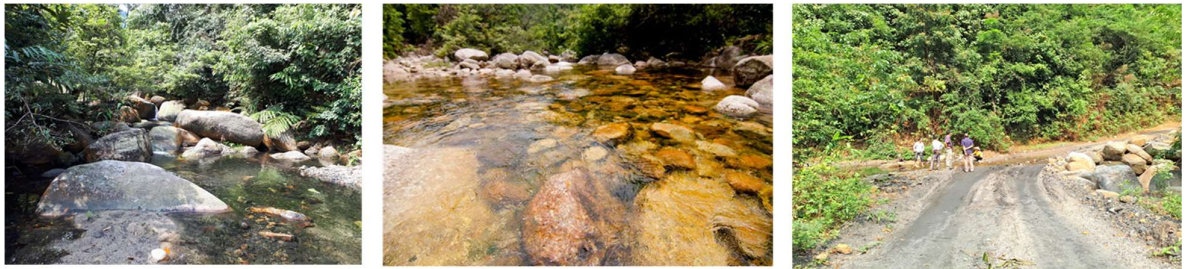
Hình 2: Một số hình hình khe Rỗ, huyện Sơn Động

² Theo Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



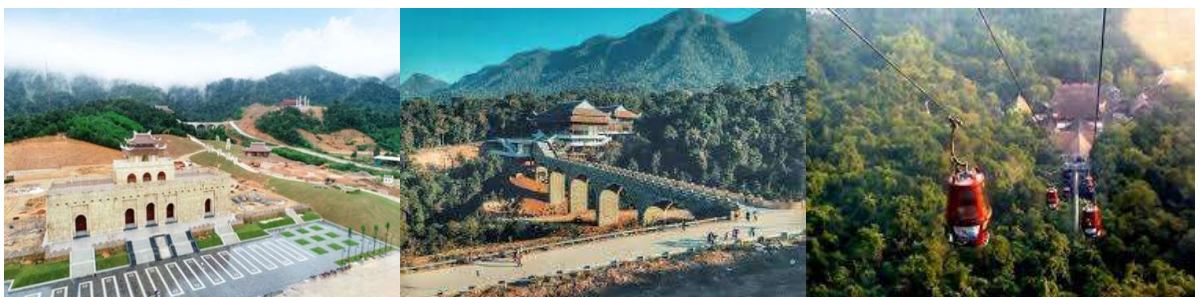
(3) *Thắng cảnh suối Nước Vàng*: Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, cách thành phố Bắc Giang chừng 60km. Nước Vàng là tên gọi của dòng suối chảy từ trên đỉnh dãy núi Phật Sơn, gồm khoảng 20 thác, ghềnh lớn, nhỏ, như thác Anh Vũ, thác Mây, thác Giót, thác Nước Vàng.... Tên Nước Vàng bắt nguồn từ màu nước quanh năm vàng óng như mật ong rừng rất kỳ lạ, hiếm thấy. Hiện đã thu hút khách du lịch, chủ yếu là khách nội địa, du lịch dã ngoại, leo núi, tắm thác. Tuy nhiên đường vào khó khăn, đường đất, dốc, khó đi, là tuyến đường duy nhất vừa phục vụ du lịch và vận chuyển, khai thác than; đây là khu vực có nhiều hầm khai thác than, khó khăn trong khai thác phát triển các hoạt động du lịch.

Hình 3: Một số hình ảnh suối Nước Vàng, huyện Lục Nam



(4) *Khu vực Đồng Thông*: Thuộc xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động; có cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, khí hậu thuận lợi. Địa hình đa dạng, thảm thực vật phong phú, vẫn còn lại những cánh rừng nguyên sơ chưa chịu tác động nhiều của con người, đây là nơi cư trú của người Dao với nhiều giá trị văn hóa truyền thống được lưu giữ qua thời gian. Tại đây đang đầu tư xây dựng Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử với quy mô 186,68 ha gồm nhiều hạng mục công trình như 4 ngôi chùa (chùa Trình, Hạ, Trung, Thượng), khu dịch vụ, khu nghỉ dưỡng, khu khách sạn, cáp treo,... đến nay giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác đón khách tham quan.

Hình 4: Một số hình ảnh Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, huyện Sơn Động



(5) *Cao nguyên Đồng Cao*: Xã Thạch Sơn, huyện Sơn Động. Là cao nguyên nhỏ, cách trung tâm huyện Sơn Động khoảng 20km, nằm ở độ cao gần 1000m so với mặt nước biển, khí hậu quanh năm mát mẻ cùng hệ thống đá độc đáo, hang Vua trong lòng núi, cảnh quan nguyên sơ, thanh bình, cùng sự mộc mạc, hồn hậu của người dân bản địa dưới chân núi. Đồng Cao hiện là điểm cắm trại, dã ngoại lý tưởng của du khách; hiện đã có đường bê tông mới được đầu tư kết nối từ QL. 31 đến tận cao nguyên.

Hình 5: Một số hình ảnh Đồng Cao, huyện Sơn Động



(6) *Dãy núi Nham Biền*: Dải Nham Biền có 99 ngọn núi, mỗi ngọn đều mang một tên riêng hàm chứa đầy huyền tích lịch sử như các núi: Non Vua, Vua Bà, Ông Lão, Bành Kiệu, Cột Cờ, Hàm Long, Mâm Xôi, Giếng Tiên... Ngọn núi mang tên Phượng Hoàng - nơi có đỉnh Non Vua, ở độ cao gần 300m so với mực nước biển. Đường lên Non Vua mùa nào cũng đẹp, hai bên trái dài những trảng cây bụi sim, mua, rành rành và rừng thông ngút ngàn reo trong gió. Thiền viện Trúc lâm Phượng Hoàng được xây dựng tại lưng chừng ngọn Non Vua, một điểm sơn thủy giao hòa, nhìn sông tựa núi, cảnh sắc, không gian nhuốm màu huyền thoại, có tầm nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn. Đường từ chân núi đến Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng khá thuận lợi với độ dốc thoải thoải, hai bên đường là những hàng thông gió reo vi vút. Dưới chân núi có khe Hang Dầu được biết đến là nơi quy tụ nguồn nước dồi dào. Dải núi Nham Biền được ví như chiếc đòn gánh, gánh hai dải bạc Nhật Đức và Nguyệt Đức (dòng sông Thương và sông Cầu). Vùng đất Phượng Hoàng này lại từng là thái ấp của Thái sư Trần Thủ Độ - vị công thần có công lao sáng lập nhà Trần.

Hình 6: Một số hình ảnh đỉnh Non Vua thuộc dãy núi Nham Biền



(7) *Khu du lịch sinh thái Suối Mơ*: Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, cách

thành phố Bắc Giang khoảng 20km. Khu du lịch có diện tích 1.065,32 ha³ rừng và đất lâm nghiệp. Nơi đây được thiên nhiên ưu đãi với những dòng thác quanh năm tung bọt trắng xóa tạo ra nhiều bồn tắm thiên nhiên kỳ thú, đặc biệt là đoạn suối có năm bậc thác mẹ con từ đền Thượng xuống đền Trung. Khu du lịch không chỉ biết đến với cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn, mà còn nổi tiếng linh thiêng với 3 ngôi đền Hạ, đền Trung và đền Thượng, theo các tài liệu, đền Suối Mỡ là nơi thờ Công chúa Quế My Nương thời Hùng Vương, người có công mở dòng Suối Mỡ, dạy nhân dân làm ruộng, làm nương rẫy. Khu du lịch tổ chức lễ hội vào ngày 30/3 - 1/4 âm lịch, hàng năm thu hút rất đông du khách đến tham quan, tế lễ, tại đây đã phát triển nhiều loại hình du lịch: Tham quan, nghỉ dưỡng, tắm suối, cắm trại, leo núi, khám phá thiên nhiên, ẩm thực... với các điểm tham quan: Thác Thùm Thùm; vọng Ngắm Trăng; đỉnh Rông Khé; hồ Suối Mỡ, du lịch tâm linh tại đền Suối Mỡ (đền Hạ, đền Trung, đền Thượng); đền Trần; đền Quan; đền Cô Bé Cây Xanh... hiện do Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ quản lý.

Hình 7 Một số hình ảnh Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, huyện Lục Nam



(8) *Hồ Khuôn Thần*: Xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn. Là quần thể thiên nhiên bao gồm rừng và hồ: Rừng có diện tích khoảng 800 ha, trong đó có 300 ha rừng tự nhiên và 500 ha là rừng trồng, rừng tái sinh và đồng cỏ. Hồ Khuôn Thần rộng 240 ha, được bao bọc bởi những rừng thông, tràm, keo tai tượng tươi tốt quanh năm. Lòng hồ có 5 đảo nhỏ là những vùng đồi bát úp nổi lên giữa làn nước xanh, các đảo đều được trồng thông có tuổi từ 15 - 20 năm. Khuôn Thần còn nổi tiếng với những trang trại vườn cây ăn quả ngút ngàn tầm mắt. Đặc biệt, vào mùa mưa, du khách còn có cơ hội được chiêm ngưỡng vẻ đẹp hùng vĩ của dòng thác nước chảy từ đỉnh đập Khuôn Thần tạo nên vẻ đẹp kỳ vĩ và nên thơ... Hồ chưa được đầu tư khai thác du lịch, hiện chủ yếu khách nội tỉnh và tỉnh lân cận đến câu cá vào dịp cuối tuần. Đường giao thông tiếp cận thuận lợi, cảnh quan đẹp, yên bình, có khả năng khai thác phát triển du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng.

³ Theo Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao đất, giao rừng cho Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hình 8: Một số hình ảnh Hồ Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn



(9) *Hồ Cẩm Sơn*: Huyện Lục Ngạn, cách thành phố Bắc Giang khoảng 70km. Hồ có diện tích hơn 2.600 ha, dài khoảng 30 km, gồm nhiều đảo và được bao bọc bởi những ngọn núi tạo nên cảnh quan sơn thủy hữu tình, không gian yên bình, hoang sơ, làn nước trong xanh, cùng cảnh quan hấp dẫn, Hồ Cẩm Sơn hiện lên như một bức tranh thủy mặc, làm say đắm lòng người. Tuy nhiên hiện nay chưa thu hút được nhà đầu tư khai thác phát triển du lịch, trên hồ mới đầu tư 1 bến thuyền, hiện có khoảng 5 thuyền hoạt động trên hồ phục vụ du khách, chủ yếu là khách trong tỉnh, đối tượng trẻ đi dã ngoại, “phượt” vào dịp cuối tuần với các hoạt động đi thuyền ngắm cảnh, leo núi, câu cá, tham quan bản làng trên các đảo,... Nơi đây có khả năng khai thác thành điểm du lịch sinh thái, khám phá, dã ngoại, điểm du lịch cuối tuần.

Hình 9 Một số hình ảnh Hồ Cẩm Sơn, huyện Lục Ngạn



(10) *Hồ Khe Chảo*: Xã Long Sơn, huyện Sơn Động. Hồ nằm ngay dưới chân đèo Hạ My cách thị trấn An Châu khoảng 25 km. Hồ có diện tích mặt nước rộng khoảng 27 ha, trong lòng hồ có nhiều đảo nhỏ nhấp nhô, xung quanh được bao bọc bởi những cánh rừng nguyên sinh thuộc dãy Tây Yên Tử, nơi đây có hệ động, thực vật phong phú, nhiều loài động, thực vật quý hiếm có tên trong sách đỏ. Với cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, bầu không khí trong lành. Hiện đã có nhà đầu tư, nhưng chưa đầu tư, khai thác nhiều hoạt động du lịch, hiện chỉ có hoạt động đi thuyền ngắm cảnh, bắt cá suối, dã ngoại trên các đảo; mới có 2 thuyền quy mô nhỏ hoạt động phục vụ du khách. Tại đây đã tổ chức đua mảng quy mô cấp xã.

Hình 10 Một số hình ảnh hồ Khe Chảo, huyện Sơn Động

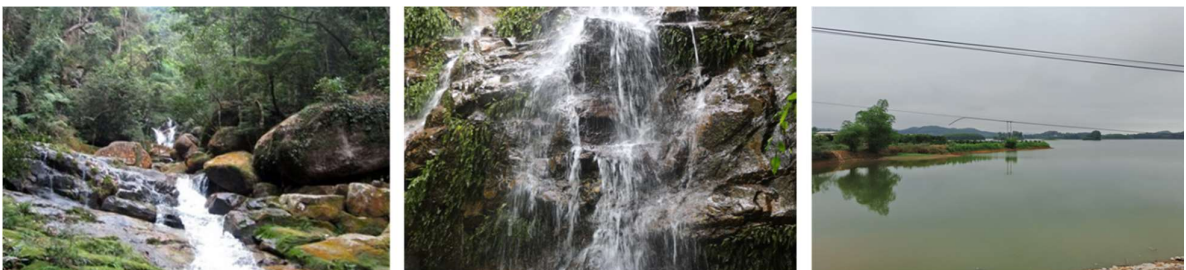


(11) *Thác Ba Tia*: Xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động. Thác Ba Tia chính là đầu nguồn của con suối Nước Vàng yên ả, thanh bình. Dòng nước của thác cũng mang một màu vàng đặc trưng. Nơi đây có cảnh sắc thiên nhiên thơ mộng, yên bình, hoang sơ, không khí trong lành. Khu vực chưa được đầu tư khai thác du lịch, chủ yếu thu hút du khách trong tỉnh đến dã ngoại, ngắm cảnh, tắm thác.

(12) *Thác Ngà*: Thuộc Khu du lịch sinh thái Xuân Lương - Thác Ngà, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế. Thác có 3 tầng, trong những cánh rừng nguyên sinh vẫn còn lưu giữ được hệ sinh thái đa dạng sinh học với hàng trăm loài thực vật và động vật quý hiếm. Khu vực có vẻ đẹp hoang sơ mà kỳ vĩ của núi rừng, cùng không gian mát mẻ, thanh bình với tiếng lá cây xào xạc, tiếng chim hót véo von hòa cùng với tiếng nước chảy róc rách ở khe suối, tiếng thác đổ rào rào... Khu rừng hiện thuộc quản lý của ông Vũ Xuân Quý, đã đầu tư công trình: 01 nhà sàn, 01 hầm rượu, xây 01 bể tắm, sân cầu, làm đường đi, đắp tượng Phật bà quan âm, tượng Thần tài với ý nghĩa tâm linh, cầu mong bình an, may mắn.

(13) *Đập Đá Ong*: Là nơi tiếp giáp giữa hai huyện Yên Thế và huyện Tân Yên. Có diện tích khoảng 1.000 ha, là nơi cung cấp nước cho khoảng 835 ha đất canh tác. Trên hồ có nhiều đảo nổi, mặt nước hồ trong xanh, đường giao thông tiếp cận thuận lợi, đã có đường nhựa chạy bao quanh đập. Nơi đây có thể khai thác phát triển thành điểm du lịch sinh thái, thể thao, dã ngoại, cắm trại.

Hình 11: Hình ảnh thác Ba Tia (huyện Sơn Động), thác Ngà, đập Đá Ong (huyện Yên Thế)



Thác Ba Tia

Thác Ngà

Đập đá ong

(14) *Núi Dành*: Cách thành phố Bắc Giang hơn 15 km, trên núi Dành có nhiều thông, keo vi vu. Đây là địa danh từng được nhắc tới trong sách “Đại Nam nhất thống chí”, trong đó có đoạn: “*Núi Chung Sơn ở xã Bảo Lộc, thuộc địa giới Yên Thế sản*”

xuất ra sâm Nam và cỏ Thi”. Người dân trong vùng thuộc lòng câu ca: "Sâm Nam nổi tiếng núi Dành/Chợ đầy nhan nhản những hành Chung Sơn/Sông Thương uốn khúc lượn quanh/Cá nhiều tôm sắn Lăn Tranh giới chài". Quần thể khu du lịch này gồm nhiều công trình như: Đền Trình, đền Hạ, đền Thượng, chùa Không Bụt, đình Vương và hơn 30 ha rừng thông, keo, bạch đàn có độ tuổi trên chục năm, tạo thành một không gian văn hóa tâm linh, sinh thái thu hút đông đảo người dân đến hành hương, thưởng ngoạn.

Hình 12: Một số hình ảnh núi Dành, huyện Tân Yên



(15) *Cây Dã Hương ngàn năm tuổi*: thuộc xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang. Đây là một trong hai cây Dã Hương đại thụ lớn nhất thế giới. Cây được vua Lê Cảnh Hưng phong cho là “Quốc chúa đô mộc Dã Đại Vương”. Cây nằm trong quần thể cụm di tích quốc gia (gồm cây Dã hương, đình Viễn Sơn, chùa Phúc Quang, đình Thuận Hòa...). Góc cây dã hương vòng đo điểm to nhất của thân cây là 11m, chỗ nhỏ nhất là 8,3m, cây cao khoảng 36m, có đường kính trên 2,5m. Tán cây Dã hương xòe phủ kín mái đình Tiên Lục, tạo ra một cảnh quan đặc sắc, nét đẹp văn hóa, biểu tượng rất đỗi mộc mạc, thân thiết, linh thiêng trong không gian văn hóa Việt.

Hình 13: Một số hình ảnh cây Dã Hương ngàn năm tuổi



(16) *Hồ Suối Nứa*: Hồ suối Nứa rộng 106 ha, dung tích chứa 6.277 triệu m³, được hình thành từ năm 1994 khi Nhà nước cho xây dựng đập ngăn nước từ con suối Nứa thuộc địa phận thôn Hố Nứa, xã Đông Hưng (Lục Nam). Ngoài mục đích cung cấp nước tưới cho 1.070 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp thuộc vùng hạ lưu, hồ Suối Nứa còn đang trở thành điểm đến hấp dẫn cho những du khách muốn khám phá, trải nghiệm trước cảnh thiên nhiên kỳ thú. Mặt hồ rộng lớn, lòng hồ sâu nên nguồn thủy sản ở đây rất đa dạng, phong phú.

Hình 14: Một số hình ảnh hồ Suối Nứa, huyện Lục Nam



(17) Hệ thống Sông Cầu, Sông Thương và Sông Lục Nam:

- Sông Thương: Chảy qua các huyện Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên, thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng với chiều dài 87 km. Sông Thương - dòng sông gắn bó lâu đời, chứng kiến cả ngàn năm lịch sử, buồn vui, hùng tráng của vùng đất Bắc Giang.

- Sông Cầu (sông Như Nguyệt): Chảy qua địa bàn các huyện Hiệp Hòa, Việt Yên và Yên Dũng với chiều dài 101 km; sông Cầu hợp lưu với sông Thương ở ngã ba Lác tại ranh giới huyện Yên Dũng và thị xã Chí Linh (Hải Dương). Đây là nơi diễn ra những trận thủy chiến ác liệt giữa quân nhà Trần và giặc Nguyên; đây chính là dòng sông nối liền vùng đất Quan họ Kinh Bắc (giữa Bắc Ninh và Bắc Giang), với nhiều điểm du lịch du khách có thể dừng chân như làng cổ Thổ Hà, rượu làng Vân, các làng cổ quan họ,...

- Sông Lục Nam: Chảy qua các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, dòng sông từng được ví là “Trường giang đẹp nhất Bắc kỳ”, hai bên sông có rất nhiều địa danh, di tích lịch sử, văn hóa.

Hình 15. Một số hình ảnh về các dòng sông trên địa bàn tỉnh



Sông Thương

Sông Cầu

Sông Lục Nam

2. Tài nguyên du lịch văn hóa

Bắc Giang là vùng đất cổ có bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời với nhiều di tích có giá trị nổi bật, nhiều giá trị văn hóa phi vật thể nổi tiếng, nhiều lễ hội, phong tục tập

quán mang đậm truyền thống văn hóa của cộng đồng người Việt, là tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch lịch sử - văn hóa, văn hóa - tâm linh, du lịch cộng đồng.

2.1. Các di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh:

(1) *Chùa Vĩnh Nghiêm*: Còn gọi là chùa Đức La thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, cách thành phố Bắc Giang 18 km. Chùa có niên đại khoảng 700 năm, được mở rộng từ thế kỷ XIII, với quần thể kiến trúc cổ kiêu “nội vương ngoại vi”. Chùa thờ Phật và Tam Tổ Trúc Lâm là Hương Vân Đại Đầu Đà (Phật hoàng Trần Nhân Tông), Pháp Loa và Huyền Quang. Chùa tọa lạc trên quả đồi đất, tựa núi cô Tiên. Chùa gắn liền với sự hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông sáng lập, chùa được coi là chốn tổ của Thiền phái Trúc Lâm, trường đại học Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam và là trung tâm Phật giáo thời Trần. Hiện chùa còn lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị như: Hệ thống tượng Phật, các bia đá, hoành phi, câu đối, đồ thờ... Đặc biệt năm 2012, kho Mộc bản với 3.050 bản ván khắc đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; năm 2015 Chùa Vĩnh Nghiêm được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Hàng năm, lễ hội chùa được tổ chức vào ngày 13-15/2 âm lịch, thu hút đông đảo người dân địa phương và khách du lịch trong và ngoài nước tới dự.

Hình 16: Một số hình ảnh Chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng



(2) *Chùa Bồ Đà*: xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, chùa tọa lạc bên ngọn núi Bồ Đà, ở phía Bắc dòng Nguyệt Đức (sông Cầu), là một quần thể di tích danh thắng liên hoàn gồm chùa Tứ Ân, Am Tam Đức, Chùa Cao, đền Thạch Linh Thần tướng, khu Ao Miếu... là công trình tôn giáo được xây dựng và phát triển mạnh thời Lê và thời Nguyễn. Ở những giai đoạn này, chùa Bồ Đà đã là trung tâm Phật giáo lớn của xứ Bắc, trung tâm đào tạo tăng đồ dòng thiền Lâm Tế. Nơi đây có vườn tháp cổ nơi lưu giữ xá lị, cốt nhục của hàng ngàn tăng ni dòng thiền Lâm tế; chùa còn lưu giữ khoảng gần 2000 mộc bản kinh Phật cổ được khắc trên gỗ thị vào thời Lê niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), được công nhận là Bảo vật quốc gia. Lễ hội chùa hàng năm tổ chức vào ngày 15-18/01 âm lịch thu hút rất đông du khách. Năm 2016, chùa được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

Hình 17: Một số hình ảnh Chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên



(3) *Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế*: Gắn liền với cuộc khởi nghĩa Yên Thế do người anh hùng dân tộc Hoàng Hoa Thám lãnh đạo nhân dân đứng lên dựng cờ khởi nghĩa chống lại thực dân Pháp xâm lược kéo dài gần 30 năm, từ năm 1884 đến năm 1913. Đây là cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất và kéo dài nhất của dân tộc ta vào cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20 trước khi có Đảng lãnh đạo. Hệ thống di tích gắn với phong trào Khởi nghĩa Yên Thế được phân bố ở 04 huyện (Yên Thế, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng), với nhiều loại hình di tích khác nhau bao gồm: đồn lũy, đình, đền, chùa, miếu, nghề, điểm và am động... với 41 điểm, trong đó 23 điểm được xếp hạng là di tích lịch sử quốc gia đặc biệt và 13 điểm di tích được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Trong đó trung tâm của cuộc khởi nghĩa là Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế, thuộc huyện Yên Thế gồm các di tích: Đồn Phồn Xương, nhà lưu niệm Hoàng Hoa Thám, tượng đài Hoàng Hoa Thám, đền Thè... Quy hoạch tổng thể Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2014, các điểm di tích hiện đang từng bước đầu tư, xây dựng theo quy hoạch.

Hình 18: Một số hình ảnh Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế, huyện Yên Thế



(4) *Khu di tích lịch sử địa điểm chiến thắng Xương Giang tại Thành cổ Xương Giang*: Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt năm 2019. Đây được xem là trung tâm của chiến trận và có ý nghĩa quyết định trong Chiến dịch Chi Lăng - Xương Giang khi năm 1427, Lê Lợi chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn công thành, phá tan quân Minh do Liễu Thăng cầm đầu. Đây chính là chiến thắng quyết định cho nền độc lập của dân tộc ta ở thế kỷ thứ XV, lật đổ ách thống trị bạo tàn của nhà Minh kéo dài 2 thập kỷ, đồng thời mở ra trang mới trong lịch sử dựng nước và giữ nước vinh quang của dân tộc. Để kỷ niệm lịch sử chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn tại thành Xương Giang, hàng năm tỉnh Bắc Giang tổ chức lễ

hội vào ngày 6-7 tháng Giêng, thu hút đông đảo khách thập phương dự hội. Trong lễ hội có nhiều nghi lễ và trò vui đặc sắc.

Hình 19: Một số hình ảnh Khu di tích địa điểm chiến thắng Xương Giang



(5) *Chùa Quang Phúc, Đình Tiên Lục (huyện Lạng Giang) có cây Dã Hương nghìn năm tuổi:* Là một trong những điểm dừng chân lý tưởng cho du khách gần xa. Nằm cách thành phố Bắc Giang khoảng 20km về phía Đông Bắc thuộc xã Tiên Lục huyện Lạng Giang. Cụm di tích Tiên Lục gồm một quần thể di tích nằm trong không gian thoáng đãng, thơ mộng của một vùng trung du tràn đầy sức sống. Cụm di tích Tiên Lục gồm: Cây Dã Hương ngàn năm tuổi, đình Viễn Sơn, Chùa Phúc Quang, đình Thuận Hòa... Cụm di tích Tiên Lục đã được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc Gia và đã trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước.

(6) *Chùa Am Vãi (huyện Lục Ngạn):* cách thị trấn Chũ huyện Lục Ngạn chừng 15 cây số, chùa tọa lạc trên sườn của đỉnh núi Am Ni hay cũng gọi là núi Am Vãi thuộc xã Nam Dương huyện Lục Ngạn. Cảnh đẹp ở đây sơn thủy hữu tình và được đánh giá là một điểm linh tụ của trời đất. Chùa có cái thế lưng tựa núi, mặt ngoảnh nhìn ra thung lũng rộng mênh mông, nơi có con sông Lục Nam uốn mình như dải lụa. Tương truyền Chùa Am Vãi được xây dựng từ thời Lý và nằm trong hệ thống các chùa tháp được phát triển ở thời Trần dọc theo sườn Đông dãy Yên Tử khi đạo phật ở vào giai đoạn cực thịnh. Nơi đây cũng từng là chốn tu thiền nhập định của công chúa nhà Trần.

Hình 20: Một số hình ảnh chùa Am Vãi, huyện Lục Ngạn



(7) *Đình Lỗ Hạnh*: thuộc làng Lỗ Hạnh, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, là ngôi đình cổ có niên hiệu sớm nhất vùng Kinh Bắc xưa- Bắc Giang ngày nay. Đình được khởi dựng thời Lê Trung Hưng, thế kỷ XVI (1576) đã được các triều đại phong kiến ban nhiều sắc phong. Với giá trị điêu khắc trong đình mang tính thẩm mỹ dân gian cao nên đã được Bộ Văn hóa cấp bằng công nhận Di tích Kiến trúc nghệ thuật năm 1990.

(8) *Lăng Dinh Hương*: thuộc làng Dinh Hương, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa là quần thể kiến trúc điêu khắc đá hoành tráng, độc đáo thời Hậu Lê, được công nhận di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia từ 1965. Lăng Dinh Hương xây dựng từ năm 1727 (xuất hiện trước tất cả các lăng mộ vua Nguyễn ở Cố đô Huế). Trong lăng lưu giữ thi hài Quận công La Quý Hầu. Tượng người và vật tại lăng làm bằng đá xanh được chạm khắc rất sống động, tượng có kích thước lớn, hình khối mập, chắc và được tía công phu, được xem là những kiệt tác của nghệ thuật chạm khắc đá.

Hình 21: Một số hình ảnh đình Lỗ Hạnh, huyện Hiệp Hòa



(9) *Khu ATK II huyện Hiệp Hòa*: thuộc huyện Hiệp hòa tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 35 km về phía Tây. Đây là một trong những cơ sở cách mạng trung kiên, nơi hoạt động của nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng trước cách mạng tháng 8 năm 1945, là nơi diễn ra hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ của Trung ương Đảng vào tháng 4/1945 do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang cách mạng giành chính quyền tháng 8/1945.

(10) *Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân (Khu 12)*: tại thôn Chùa Nguộn, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, là "địa chỉ đỏ" giáo dục truyền thống của toàn lực lượng CAND. Khu lưu niệm rộng 33,3 ha, gồm các hạng mục: Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù điêu, sân hành lễ, nhà đón tiếp, nhà truyền thống, nhà ban quản lý, hồ nước, bãi đỗ xe, sân đường nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước... Đây là Khu di tích lịch sử có ý nghĩa đặc biệt, vừa là nơi ghi dấu sự kiện đồng chí Hoàng Mai, Giám đốc Công an khu 12 tiếp nhận lá thư của Bác Hồ trong thư có đoạn Bác nêu 6 điều về “ Tư cách người Công an Cách mệnh” vào đầu năm 1948. Sau này đã trở thành 6 điều Bác Hồ dạy Công An Nhân dân- là kim chỉ nam trong việc rèn luyện, phấn đấu bản thân của người Công an Nhân dân.

Hình 22: Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân (Khu 12)



(11) *Đội văn hóa kháng chiến*: Ấp Cầu Đen- Đồi Cháy, nay là thôn Sâu, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên: là nơi từ cuối năm 1946 đón các văn nghệ sĩ khi được lệnh tản cư vào vùng núi, nông thôn hoạt động bí mật, phục vụ kháng chiến. Tại đây, hàng loạt tác phẩm bất hủ của văn nghệ sĩ đã ra đời. Nhà văn Kim Lân viết truyện ngắn "Làng", "Vợ nhặt", "Con chó xấu xí"... Ngô Tất Tố sáng tác các tác phẩm "Bùi Thị Phác", "Vĩnh Thụy ca" (chèo), "Buổi chợ trung du", "Quà Tết bộ đội", "Anh Lạc" (truyện) và hàng loạt tác phẩm dịch. Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng viết khởi động mấy chương đầu tiểu thuyết "Sống mãi với Thủ đô" và một số bài báo. Nhà văn Nguyễn Hồng sáng tác rất nhiều: "Ấp Đồi Cháy", "Địa ngục và lò lửa", "Đất nước yêu dấu", "Đêm giải phóng"... Tạ Thúc Bình, Trần Văn Cảnh có những tranh cổ động. Khá nhiều tác phẩm của Tố Hữu, Tú Mỡ, Trần Đăng, Nguyễn Đình Thi, Anh Thơ... cũng ra đời từ đây.

2.2. Các loại hình dân ca, nghệ thuật trình diễn dân gian

- Dân ca Quan họ: được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Bắc Giang là một trong 02 tỉnh có di sản dân ca Quan họ). Đến nay Bắc Giang vẫn còn 18 làng quan họ cổ, trong đó có 5 làng quan họ cổ được ghi danh từ năm 1971 (Giá Sơn, Hữu Nghi, Mai Vũ, Sen Hồ, Nội Ninh) và 13 làng được các nhà nghiên cứu ghi nhận vào năm 2006 (Quang Biều, Núi Hiều, Tam Tầng, Thổ Hà, Thượng Lát, Hạ Lát, Thần Chúc, Yên Ninh, Trung đồng, Vân Cốc, Đình Cả, Đông Long, Khả Lý Thượng) ở huyện Việt Yên. Dân ca Quan họ luôn được lưu giữ truyền qua rất nhiều thế hệ, là nét văn hóa đặc sắc của vùng văn hóa Kinh Bắc nổi tiếng, là sợi dây gắn kết cộng đồng, nhất là trong những ngày đầu Xuân, âm thanh và sắc màu đặc trưng vùng kinh bắc, những liền anh liền chị đi chơi quan họ là điều dễ nhận thấy khi đến với những ngôi làng cổ.

Hình 23: Một số hình hát Quan họ tại Bắc Giang



- Ca Trù: được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (Bắc Giang là một trong 15 tỉnh, thành có di sản văn hóa Ca trù). Ca trù được coi là loại thính phòng dân gian quý phái, hấp dẫn, nhiều thời được thăng hoa. Nhạc cụ không thể thiếu của lối hát Ca trù là đàn đáy, phách và trống châu. Tương truyền ngày xưa, các Vua nhà Lý hàng năm đều đi thuyền du xuân, văn cảnh, không quên qua đình Thổ Hà, uống rượu làng Vân, nghe hát Quan họ và Ca trù. Hiện nay, trong hậu cung đình Thổ Hà vẫn còn bia đá ghi các Khoán ước về Ca trù. Có lẽ đây cũng là bia duy nhất về di tích ca trù còn lại ở Việt Nam. Bia đá có khắc chữ Hán ở bốn mặt. Nội dung bia đã khẳng định ý nghĩa to lớn của Ca trù trong đời sống cộng đồng.

- Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có các loại hình nghệ thuật dân gian được công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như: Dân ca Cao Lan hay Sinh ca Cao Lan (xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn), dân ca Sán Chí (xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn). Thực hành Then của người Tày, Nùng ở Bắc Giang (cùng với một số tỉnh vùng Đông Bắc) được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; và một số những làn điệu dân ca được bảo tồn và phát huy rất tốt như Soong hao, Sli, Lượn...

Vào mùa xuân, các ngày lễ hội những làn điệu dân ca mượt mà đậm thắm, dân ca, dân vũ của đồng bào dân tộc tỉnh Bắc Giang được biểu diễn là nét văn hoá độc đáo, mang bản sắc riêng thu hút được người dân địa phương và du khách tham gia trải hội.

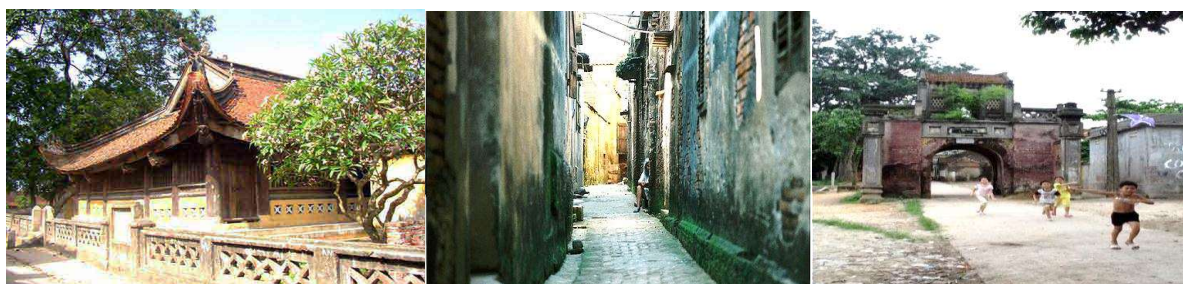
2.3. Các làng bản, dân tộc

Bắc Giang có trên 20 dân tộc anh em chung sống như người Kinh, Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Sán chí..., các dân tộc thiểu số sống tập trung tại các huyện vùng núi cao, tạo sự đa dạng văn hóa, giàu bản sắc các dân tộc cho Bắc Giang, được thể hiện rõ nét trong đời sống hàng ngày tại các bản làng, cũng chính là các điểm đến hấp dẫn với khách du lịch trong và ngoài nước.

- *Làng cổ Thổ Hà*: Cách Hà Nội khoảng 48km, làng cổ Thổ Hà thuộc xã Vân Hà, huyện Việt Yên, được coi là mảnh đất “địa linh nhân kiệt,” nổi tiếng trong cả nước với nghề làm gốm và quần thể kiến trúc cổ thuần Việt mang đậm dấu ấn của văn hóa đồng bằng Bắc Bộ. Đây là một trong ba trung tâm gốm sứ cổ xưa nhất của người Việt, bên cạnh làng gốm Phù Lãng (Quế Võ, Bắc Ninh) và Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội).

Sự hưng thịnh của nghề gốm đã giúp người dân xây dựng một quần thể kiến trúc đình, chùa, văn chỉ, công làng, điểm bê thế uy nghi. Về đẹp cổ kính, thuần Việt, sự hồn hậu, mến khách của người dân và lợi thế cách không xa trung tâm thủ đô, làng cổ Thổ Hà đã và đang tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước, với những người nghiên cứu về kiến trúc và mỹ thuật, những nghệ sĩ và nghệ nhân đến tham quan và tìm cảm hứng.

Hình 24: Một số hình ảnh Làng cổ Thổ Hà, huyện Việt Yên



- *Bản Ven, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế*: Bản Ven xã Xuân Lương là nơi quần cư của khoảng 150 hộ gia đình, trong đó có hơn 90% dân số là người dân tộc Cao Lan. Cảnh quan thiên nhiên của Xuân Lương khá đẹp, hoang sơ, mát mẻ, có nhiều suối, thác có thể tắm mát trong mùa hè. Đến đây du khách được hưởng thụ bầu không khí trong lành mát mẻ của Núi rừng cụ Đề, có thể dạo chơi, chụp ảnh trên những đồi chè xanh mướt, đùa nghịch với những dòng suối thác quanh năm trong vắt, chiêm ngưỡng cây lim cổ thụ, đình làng Xuân Lung...và âm thực tinh tế của người dân tộc Tày như thịt lợn quay, Khau nhục, xôi ngũ sắc...

Hình 25: Một số hình ảnh Bản Ven, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế



- *Bản Nà Ó, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động*: Bản có 52 hộ, trong đó dân tộc Tày chiếm 75%. Khí hậu ở Nà Ó luôn hiền hòa vì xung quanh được bao bọc bởi những cánh rừng nguyên sinh khổng lồ và dòng suối nằm lẫn những khu vườn cây trái và nếp nhà đất đơn sơ. Nơi đây có các món ăn truyền thống và tắm nước lá cây đặc trưng chỉ có ở núi rừng tây Yên Tử; có những thác nước từ trên cao đổ xuống, dòng nước trong vắt nhìn thấu đáy như: Vững Tròn, Vững Soong...Xét về điều kiện tự nhiên, văn hóa và địa lý Vĩnh An rất thích hợp để xây dựng du lịch cộng đồng.

Hình 26: Một số hình ảnh bản Nà Ó, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động



Ngoài ra, Bắc Giang còn có thôn Cẩm Vải, Khuôn Thần, xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn; Bản Mậu, xã Tuấn Mậu, Đồng Cao, xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động; Bản Khe Nghè, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, Bản Xoan, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế với những kiến trúc nhà, trang phục truyền thống, tập quán, nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc ít người cùng với nằm trọn trong những không gian thiên nhiên núi rừng là những tiềm năng để trở thành một điểm đến của những người yêu du lịch khám phá cộng đồng.

2.4. Các lễ hội truyền thống

Là vùng đất cổ giàu truyền thống văn hóa với hơn 500 lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm, trong đó có những lễ hội được công nhận là di sản phi vật thể Quốc gia như lễ hội Thổ Hà, lễ hội Yên Thế, lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm. Hầu hết các lễ hội trên địa bàn tỉnh còn mang đậm nét văn hóa truyền thống với nhiều trò chơi dân gian, các hoạt động thể thao ý nghĩa (đấu võ, vật, vật cầu nước...), kết hợp biểu diễn nghệ thuật dân gian như hát Quan họ, hát Ca trù, dân ca Sán Chí, hát Soong hao, hát Then,... Các lễ hội cũng rất đa dạng về loại hình, nội dung phong phú, hấp dẫn đã đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân và du khách; một số lễ hội nổi bật như: Lễ hội Xương Giang (ngày 6,7/01 âm lịch); lễ hội Tiên Lục (ngày 09/01 âm lịch); lễ hội Đình Vòng (ngày 15-17/01 âm lịch); lễ hội Thổ Hà (ngày 21-22/01 âm lịch); lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm (ngày 13-15/02 âm lịch); lễ hội chùa Bồ Đà (ngày 17-18/02 âm lịch); lễ hội Yên Thế (ngày 16/03 dương lịch); lễ hội Suối Mỡ (ngày 30/03-01/4 âm lịch), lễ hội Vật cầu nước làng Vân (ngày 12-14/04 âm lịch)...

Hình 27: Một số hình ảnh lễ hội Bắc Giang



2.5. Các làng nghề truyền thống

Bắc Giang cũng là nơi còn nhiều làng nghề truyền thống được lưu giữ, bảo tồn và phát triển đến ngày nay với các ngành nghề đa dạng và phong phú như nấu rượu làng Vân, Mây tre đan xã Tăng Tiến, làng bánh đa, kẹo lạc Thổ Hà (huyện Việt Yên); gốm làng Ngòi (huyện Yên Dũng); làng mỳ Chũ (huyện Lục Ngạn); làng bánh đa Kê, làng bún Đa Mai (TP Bắc Giang),... Hiện nay hầu hết các làng nghề đều chưa được khai thác phục vụ du lịch, các sản phẩm từ làng nghề chưa được nhiều khách du lịch biết đến.

Hình 28: Một số hình ảnh làng nghề Bắc Giang



2.6. Các đặc sản, sản vật địa phương

Đến Bắc Giang, du khách không chỉ tham quan các di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng, du lịch dã ngoại tại các khu bảo tồn thiên nhiên, các hồ, thác nước,... mà còn được thưởng thức đặc sản tươi ngon, hấp dẫn, Bắc Giang được biết đến với nhiều loại đặc sản, món ăn nổi tiếng như: Vải thiều, cam, bưởi, na dai, xôi trứng kiến (huyện Lục Ngạn); bánh đa Kê, chè kho Mỹ Độ (TP Bắc Giang); nham trám Hoàng Vân, gỏi cá mè Lý Viên, bánh chưng làng Vân (huyện Hiệp Hòa); Chè Bản Ven, gà đồi (huyện Yên Thế); Vải sớm Phúc Hòa, Sâm Nam Núi Dành, Nem Liên Chung, Mì gạo Châu Sơn (huyện Tân Yên)...

Hình 29: Một số hình ảnh sản vật địa phương tại Bắc Giang



Phần II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG

I. THỰC TRẠNG MỘT SỐ YẾU TỐ CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG

1. Hiện trạng một số hạ tầng cơ sở

1.1. Hạ tầng giao thông

- Về giao thông đường bộ: Địa bàn tỉnh có 05 tuyến quốc lộ QL.1A (cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn), QL.31, QL.279, QL.37 và QL.17 chạy qua cùng hệ thống 18 tuyến đường tỉnh lộ cơ bản giúp kết nối thuận lợi từ các tỉnh lân cận đến tỉnh và từ trung tâm tỉnh tới các khu, điểm du lịch. Đặc biệt, giai đoạn 2011-2020 đã đầu tư nâng cấp, mở mới được một số tuyến quan trọng như: Tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (QL.1A) được đầu tư nâng lên cấp III đồng bằng toàn tuyến với 02 làn xe chạy và làn dừng xe; mở mới ĐT.293 kết nối từ thành phố Bắc Giang thẳng lên khu vực Tây Yên Tử dài 87km, đạt cấp III toàn tuyến; Đường vành đai IV (kết nối đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn với Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên) đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng; nâng cấp ĐT.289 kết nối Chũ - Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn; xây dựng đường bê tông kết nối từ QL31 đến cao nguyên Đồng Cao, huyện Sơn Động,... Ngoài ra đã xây dựng một số cầu như cầu Yên Dũng, cầu Lãn Chè, cầu Đông Xuyên, cầu Đáp Cầu, cầu Xuân Cẩm kết nối với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hà Nội.

- Đường thủy nội địa: có 3 sông chính phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh, gồm sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam có thể khai thác phát triển sản phẩm du lịch sông nước gắn với không gian quan họ, các làng quan họ cổ, làng cổ dọc ven sông Cầu.

- Đường sắt: Có 3 tuyến đường sắt quốc gia chạy qua, gồm tuyến Hà Nội - Đồng Đăng; tuyến Kép - Hạ Long; tuyến Kép - Lưu Xá nối với tuyến Hà Nội - Đồng Đăng từ ga Kép (hiện nay đang ngừng hoạt động trên địa bàn Bắc Giang) có thể khai thác kết nối Bắc Giang với các khu điểm du lịch của các tỉnh lân cận.

1.2. Hạ tầng điện, nước, viễn thông thụ động

- Hạ tầng điện: Lưới điện tỉnh Bắc Giang có liên kết chặt chẽ với lưới điện khu vực, có thể huy động hỗ trợ cấp điện cho các tỉnh lân cận và có thể huy động nguồn cấp từ lưới điện khu vực khi cần thiết. Hiện tại công suất các nguồn trạm 220kV cấp điện cho tỉnh Bắc Giang đủ đáp ứng nhu cầu phụ tải của tỉnh, cả trong trường hợp không huy động nguồn từ các tỉnh lân cận và trong trường hợp sự cố. Khối lượng trạm biến áp phân phối trung áp lớn, mức độ mang tải của các trạm phân phối ở mức độ vừa phải, khả năng dự phòng cao.

- Hạ tầng cấp nước: Trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay có 166 công trình cấp nước sạch tập trung với tổng công suất khoảng 242.000 m³/ngđ. Nhu cầu cấp nước về cơ

bản đáp ứng yêu cầu tại khu vực đô thị. Tính đến thời điểm hiện nay có 16/16 đô thị có nhà máy cấp nước với tổng công suất thiết kế khoảng 52.210m³/ng.đ, riêng thành phố Bắc Giang đạt 35.000m³/ng.đ. Tỷ lệ người dân được cấp nước sạch là 84,04% (riêng thành phố Bắc Giang đạt tỷ lệ 100% tại khu vực nội thành; đạt tỷ lệ khoảng 80% tại các khu vực ngoại thành). Đối với khu vực nông thôn các công trình cấp nước tập trung đang mới cấp nước cho khoảng 15,22% dân số nông thôn.

- Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động: Bắc Giang hiện có 5 mạng thông tin di động, 1.417 trạm thu phát sóng, bán kính phục vụ 1,15km/cột. Tỷ lệ phủ sóng di động 3G, 4G đạt 100% các xã, phường, thị trấn. Bên cạnh đó, toàn tỉnh có 35 điểm cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp viễn thông, phân bố tại các huyện.

Nhìn chung hạ tầng điện, nước, viễn thông thụ động có thể đáp ứng tốt nhu cầu đầu tư, phục vụ hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

1.3. Một số hạ tầng xã hội khác

Các hạ tầng xã hội khác được quan tâm đầu tư phát triển phục vụ nhu cầu nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Tỉnh duy trì 02 bảo tàng; hệ thống 01 thư viện cấp tỉnh, 10 thư viện cấp huyện; 03 rạp chiếu phim; hệ thống trung tâm văn hóa, nhà văn hóa từ cấp tỉnh đến thôn, bản được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Cơ sở vật chất thể thao được đầu tư phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu tập luyện thể thao thường xuyên của nhân dân và tập luyện thể thao thành tích cao, trong đó nổi bật tỉnh đã đầu tư xây dựng nhà thi đấu thể thao với sức chứa 4.000 chỗ ngồi, đáp ứng việc tổ chức các giải đấu thi đấu thể thao các môn trong nhà tầm quốc gia, quốc tế. Mạng lưới các cơ sở giáo dục - đào tạo, y tế phân bố rộng khắp gắn với địa bàn dân cư phục vụ thuận lợi cho nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 766 cơ sở giáo dục phổ thông; 44 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trong đó có Trường Trung cấp Văn hóa Thể thao và Du lịch); 656 cơ sở y tế (233 cơ sở công lập, 423 cơ sở ngoài công lập). Hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội với 01 cơ sở công lập và 03 cơ sở ngoài công lập, định hướng tương lai phát triển thêm các cơ sở ngoài công lập nhằm phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc người cao tuổi tự nguyện.

2. Kết quả đầu tư hình thành các khu, điểm du lịch

2.1. Về đầu tư công

Giai đoạn 2011-2020, nhiều dự án đầu tư công được triển khai với tổng vốn huy động đạt trên 650 tỷ đồng nhằm để khai thác, phát huy giá trị các tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh. Tiêu biểu là các dự án đầu tư hạ tầng chùa Bồ Đà (56 tỷ đồng); Hạ tầng Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ (80 tỷ đồng); Khu Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Xương Giang (240 tỷ đồng); Đền thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung (33 tỷ đồng); Khu di tích lịch sử lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân -Khu 12 (90 tỷ đồng); Nhà trưng bày mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm (30 tỷ đồng); Tu bổ, tôn tạo chùa Quang Phúc (31 tỷ đồng),...Ngoài ra, còn một số dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 tiếp tục thực hiện như: Dự án Bảo

tôn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế (98 tỷ đồng); Tu bổ, tôn tạo một số di tích trên địa bàn các xã ATK II huyện Hiệp Hòa gồm đền Y Sơn, Đình Xuân Biều, Nhà truyền thống ATKII (40 tỷ đồng)...

2.2. Thu hút đầu tư

Hoạt động thu hút đầu tư các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh có nhiều khởi sắc. Giai đoạn 2011-2020, nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch quy mô lớn đã được phê duyệt chủ trương đầu tư như: Dự án Khu Du lịch Tâm linh - Sinh thái Tây Yên Tử (1.486 tỷ đồng); Dự án Khu sinh thái Khe Hang Dầu, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng (497,7 tỷ đồng); Dự án Khu Tổ hợp khách sạn thông minh và Trung tâm thương mại dịch vụ đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bắc Giang (450 tỷ đồng); Dự án Sân golf, dịch vụ Yên Dũng (1.625 tỷ đồng); Dự án sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang tại huyện Lục Nam (740 tỷ đồng); Dự án sân golf Việt Yên (1.214 tỷ đồng); Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng, huyện Yên Dũng (100 tỷ đồng); Dự án Xây dựng khách sạn Bắc Hà tại xã Song Khê, thành phố Bắc Giang (39,7 tỷ đồng); Dự án Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ Bắc Hà Yên Tử tại xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động (35,9 tỷ đồng); Dự án Khu nghỉ dưỡng Sun Resort, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng (40 tỷ đồng),... Đến nay, một số dự án đã bắt đầu tư đưa vào khai thác tạo điểm nhấn cho du lịch Bắc Giang như: Dự án đầu tư Khu Du lịch Tâm linh - Sinh thái Tây Yên Tử hoàn thành giai đoạn 1 với các hạng mục như cáp treo, quảng trường trung tâm, chùa Hạ, chùa Thượng...; Sân golf, dịch vụ Yên Dũng đã khai thác sân golf 18 lỗ; Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng, huyện Yên Dũng hoàn thành chính điện; Khách sạn Mường Thanh 195 phòng nghỉ đạt tiêu chuẩn 4 sao; Dự án Khu tổ hợp khách sạn thông minh, văn phòng thương mại và dịch vụ của Công ty Cổ phần du lịch Bắc Giang đầu tư,...

Ngoài ra, Tỉnh chấp thuận cho Công ty Cổ phần tập đoàn FLC khảo sát, lập quy hoạch, lập dự án đầu tư “Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái thể thao và vui chơi giải trí FLC Bắc Giang” tại khu vực hồ Khuôn Thần huyện Lục Ngạn với diện tích khoảng 873 ha; ký kết biên bản ghi nhớ đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, đô thị sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí hồ Hồ Cao, huyện Lạng Giang (tổng vốn đầu tư dự kiến 3.495 tỷ đồng) của Công ty Cổ phần tập đoàn FLC; Dự án Xây dựng Khách sạn cao cấp và kinh doanh thương mại tổng hợp thành phố Bắc Giang (dự kiến tổng vốn đầu tư 468 tỷ đồng) của Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai; Dự án Khu du lịch văn hóa Làng cổ Bắc Bộ tại xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên (dự kiến tổng vốn đầu tư 523 tỷ đồng) của Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long. Và một số địa điểm đã hoàn thành công tác lập quy hoạch đề kêu gọi đầu tư như: Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng hồ suối Nứa huyện Lục Nam; Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi, huyện Lục Ngạn; Chùa Bát Nhã (Bình Long cổ tự), huyện Lục Nam; Khu du lịch tâm linh - sinh thái Núi Dành, huyện Tân Yên,...

2.3. Các khu, điểm du lịch được công nhận:

Đến hết năm 2019, toàn tỉnh có 01 khu du lịch cấp tỉnh, và 08 điểm du lịch được công nhận.

Bảng 1: Danh sách các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

stt	Tên khu, điểm du lịch	Địa chỉ
I	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch Suối Mỡ	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam
II	Điểm du lịch	
1	Điểm du lịch Chùa Bồ Đà	Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên
2	Điểm du lịch Chùa Vĩnh Nghiêm	Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng
3	Điểm du lịch Sân golf dịch vụ Yên Dũng	Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng
4	Điểm du lịch Khu di tích lịch Hoàng Hoa Thám	Thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế
5	Điểm du lịch cộng đồng Bản Ven	Xã Xuân Lương, huyện Yên Thế
6	Điểm du lịch Di tích Quốc gia đặc biệt Địa điểm chiến thắng Xương Giang	Phường Xương Giang, TP Bắc Giang
7	Điểm du lịch cụ di tích Cây Dã Hương, đình, đền, chùa xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang	Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang
8	Điểm du lịch Vườn Bonsai Neo Garden – Koifarm Takana	Tiểu khu 1, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng

3. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ du lịch

3.1. Cơ sở lưu trú du lịch

Năm 2011, toàn tỉnh có 235 cơ sở lưu trú du lịch với 2.500 buồng lưu trú; đến năm 2019 tăng lên 460 cơ sở lưu trú với 5.200 buồng lưu trú. Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2011-2019 đạt 19,8% đối với cơ sở lưu trú.

Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch hiện có 460 cơ sở trong đó 29 khách sạn (01 khách sạn 4 sao, 03 khách sạn 3 sao, 08 khách sạn 2 sao và 17 khách sạn 1 sao) và 431 nhà nghỉ, ngoài ra có khoảng 10 hộ làm du lịch cộng đồng tại xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, xã Xuân Lương huyện Yên Thế. Loại hình các cơ sở lưu trú tỉnh chủ yếu là nhà nghỉ với quy mô nhỏ.

Đánh giá hiện trạng khả năng đáp ứng cơ sở lưu trú du lịch: Với công suất sử dụng buồng từ 50-60%, hệ số chung buồng là 2, ngày lưu trú trung bình từ 1-1,5 ngày, nhận thấy số lượng buồng lưu trú hiện trạng từ năm 2011-2019 đủ khả năng đáp ứng lượng khách lưu trú du lịch tỉnh.

Bảng 2: Thực trạng các cơ sở lưu trú từ năm 2011-2019

Danh mục	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số cơ sở lưu trú du lịch	235	330	316	360	360	460

Danh mục	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Khách sạn 4 sao	0	1	1	1	1	1
Khách sạn 3 sao	0	0	0	2	0	3
Khách sạn 2 sao	9	10	7	8	8	8
Khách sạn 1 sao	7	15	16	13	15	17
Nhà nghỉ	219	304	292	336	336	431
Số lượng buồng nghỉ	2500	4160	4250	4700	5000	5200

3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật khác

- Dịch vụ ăn uống: Cơ sở, nhà hàng ăn uống tập trung chủ yếu tại trung tâm các huyện, thành phố phục vụ đa dạng các loại món ăn, đáp ứng nhu cầu thưởng thức ẩm thực của du khách. Một số nhà hàng có quy mô lớn như: Nhà hàng tại Đại Hoàng Sơn Opera Wedding Palace, Nhà hàng Đồng Quê, Nhà hàng Cây Đa, Nhà hàng Rùa Vàng, Nhà hàng Hiền Thi, Nhà hàng Vĩnh Hồ, Nhà hàng Chim trời,...

- Vui chơi giải trí: Hệ thống cơ sở vui chơi giải trí bao gồm các công viên, vườn hoa, phim trường chủ yếu tại khu vực thành phố Bắc Giang như: Công viên Hoàng Hoa Thám, Công viên giải trí Wedding Land, Phim trường Rose Garden, Vườn nghệ thuật Sông Thương Garden, Khu vui chơi Sun City,... Ngoài ra có các hoạt động vui chơi giải trí chủ yếu hoạt động về đêm như: karaoke, phòng nhạc, massage... tập trung ở khu vực đô thị.

- Thương mại dịch vụ: trên địa bàn tỉnh có 08 siêu thị, trong đó tại thành phố Bắc Giang (06 siêu thị); huyện Yên Dũng (01 siêu thị) và huyện Lạng Giang (01 siêu thị). Cả 8/8 siêu thị đều được xây dựng theo quy hoạch; trong đó, có 04 siêu thị nằm trong TTTM (siêu thị BigC, siêu thị điện máy Xanh, siêu thị điện máy mediamart, siêu thị điện máy Pico); 04 siêu thị tổng hợp, 04 siêu thị chuyên doanh. Hàng hoá kinh doanh trong siêu thị, TTTM rất đa dạng, phong phú phục vụ nhu cầu mua sắm người dân và du khách.

- Ngân hàng, tín dụng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 16 chi nhánh ngân hàng thương mại, tăng 7 chi nhánh, 76 phòng giao dịch, tăng 13 phòng so với năm 2010; 20 quỹ tín dụng nhân dân. Hệ thống các cơ sở ngân hàng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu vốn tín dụng cho phát triển kinh tế - xã hội.

4. Thực trạng lao động ngành du lịch

Năm 2011, Bắc Giang có 1.104 lao động ngành du lịch, đến năm 2019 tăng lên 3.250 lao động. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2019 đạt 32,7%.

Về chất lượng lao động ngành du lịch: Lao động qua đào tạo chiếm tỷ lệ khoảng 40% tổng số lao động ngành du lịch, trong đó lực lượng lao động có trình độ đại học chiếm khoảng 5%, tương đối thấp so với nhu cầu phát triển du lịch, trình độ ngoại ngữ,

chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế. Lực lượng lao động hiện chủ yếu làm việc trong các cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống (chiếm khoảng 80%).

Bảng 3: Lao động ngành du lịch

Danh mục	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số công ty lữ hành du lịch	1	3	3	3	4	15
Tổng số lao động ngành du lịch (người)	1104	2427	2715	2900	3000	3250

Về công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã quan tâm, chú trọng hàng năm đều mở các lớp đào tạo, tập huấn cho cán bộ cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; cho cán bộ phụ trách về du lịch của phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thành phố về kiến thức quản lý nhà nước, nghiệp vụ quản lý cơ sở lưu trú, nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn, bar; tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ lữ hành, hướng dẫn viên, thuyết minh viên cho cán bộ phụ trách du lịch của phòng VH TT, trung tâm VH TT các huyện, thành phố, Ban quản lý các khu, điểm du lịch... Ngoài ra, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Sở VH TTDL tổ chức Hội thi Hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch tỉnh Bắc Giang.

5. Thực trạng hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch khác

Về hoạt động kinh doanh lữ hành: Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 doanh nghiệp lữ hành (trong đó có 6 được cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, 7 được cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa, 02 chi nhánh lữ hành nội địa). Các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, cung cấp các dịch vụ trọn gói, dịch vụ từng phần nhằm phục vụ đa dạng đối tượng khách du lịch như: Đặt tour du lịch, đặt phòng khách sạn, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ thương mại, dịch vụ thể thao, dịch vụ văn phòng, dịch vụ đổi tiền,...

Về hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách: Dịch vụ vận tải theo tuyến cố định đường bộ đến được tất cả các bến xe tại trung tâm tỉnh và trung tâm huyện, dịch vụ xe buýt gồm có tuyến liên tỉnh liền kề, tuyến từ trung tâm tỉnh đến một số huyện và một số tuyến liên huyện; dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt trên 2 tuyến Hà Nội - Đồng Đăng và Kép - Hạ Long. Nhu cầu vận chuyển hành khách đi xa hơn có thể chuyển tiếp sang đường sắt tại ga đầu mối Hà Nội (tàu Thống Nhất đi các tỉnh phía Nam), Gia Lâm (tàu liên vận đi Trung Quốc) hoặc/và chuyển tiếp sang hàng không tại sân bay Nội Bài (Hà Nội) và sân bay Vân Đồn (Quảng Ninh). Đã nâng cấp 01 tuyến cố định Bắc Giang đi Mai Sơn, Đứng Đỉnh (Lục Nam) thành tuyến buýt và mở mới 01 tuyến buýt Bắc Giang đi Tây Yên Tử để phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, hoàn thành mục tiêu quy hoạch đề ra.

6. Thực trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch

Nhằm tăng cường quảng bá sản phẩm du lịch, thúc đẩy, thu hút khách du lịch, Bắc Giang đã chú trọng xúc tiến, quảng bá du lịch với nhiều công cụ quảng cáo, truyền thông, xúc tiến được triển khai. Các hoạt động, sự kiện văn hóa, du lịch đã triển khai, tổ chức thành công như: Lễ đón Bằng công nhận di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm; Hội thảo “Đệ nhị Tổ Thiền phái Trúc Lâm Thiền sư Pháp Loa với việc kế thừa và phát triển di sản phật giáo Trúc Lâm” tại chùa Vĩnh Nghiêm; Lễ đón nhận chùa Bồ Đà là di tích Quốc gia đặc biệt, Lễ hội chùa Bồ Đà là bảo vật quốc gia; Lễ khai hội xuân Tây Yên Tử và khai mạc Tuần Văn hóa - Du lịch năm 2019; Lễ đón nhận Bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt địa điểm Chiến thắng Xương Giang và Khai mạc Tuần Văn hóa - Du lịch năm 2020; Hội nghị Xúc tiến đầu tư du lịch năm 2018; Hội thảo phát triển sản phẩm du lịch Tây Yên Tử, xây dựng tour du lịch gắn với vùng cây ăn quả huyện Lục Ngạn Ngạn và khai trương Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh...

Tỉnh cũng thường xuyên phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình Trung ương và địa phương giới thiệu, quảng bá tiềm năng du lịch, các khu, điểm du lịch, di tích lịch sử và các lễ hội truyền thống tiêu biểu của tỉnh trên TTXVN, Báo Nhân dân, Báo Tiếng nói Việt Nam, Báo Du lịch, Tạp chí Du lịch, Trung tâm Thông tin du lịch, Báo Công thương, Đài Truyền hình Việt Nam VTV, Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh...

Các hoạt động xúc tiến, quảng bá thời gian qua đã bước đầu mang lại hiệu quả, góp phần thu hút khách du lịch đến tỉnh.

7. Thực trạng liên kết, hợp tác du lịch

Ngành du lịch Bắc Giang đã tăng cường, hợp tác liên kết nhằm trao đổi kinh nghiệm, mở rộng, kết nối các tour, tuyến du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch mang tính chất liên vùng: Chương trình Hợp tác liên kết du lịch Bắc Giang - Hà Nội - Lạng Sơn; chương trình hợp tác liên kết Thái Nguyên - Bắc Giang - Hải Dương - Quảng Ninh; chương trình hợp tác liên kết Bắc Giang - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Nhờ sự hợp tác, liên kết hiệu quả, trong những năm qua lượng khách Bắc Giang đã có sự tăng trưởng, tuy nhiên các chương trình hợp tác mới chỉ bó hẹp trong phạm vi trong nước, các tỉnh lân cận, chưa có sự hợp tác với các tổ chức nước ngoài trong công tác đào tạo, phát triển sản phẩm du lịch,...

II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG

1. Về hình thành các không gian phát triển du lịch

Không gian phát triển du lịch của tỉnh bước đầu được hình thành tập trung ở các khu vực:

- Khu vực phía Đông tỉnh (huyện Lục Ngạn, Sơn Động): Tập trung khu vực rừng nguyên sinh Khe Rỗ, Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, Đồng Cao, du lịch cộng đồng Vĩnh An, huyện Sơn Động và vườn cây ăn quả huyện Lục Ngạn. Chủ yếu là khách nội địa trong tỉnh và các tỉnh lân cận với các hoạt động chính là dã ngoại, cắm trại, leo núi, tắm suối thường vào dịp cuối tuần; khách quốc tế thường đi

du lịch cộng đồng tại xã Vĩnh An với thời gian khoảng 1 tuần và về Lục Ngạn vào vụ thu hoạch vải thiều để thu mua vải thiều.

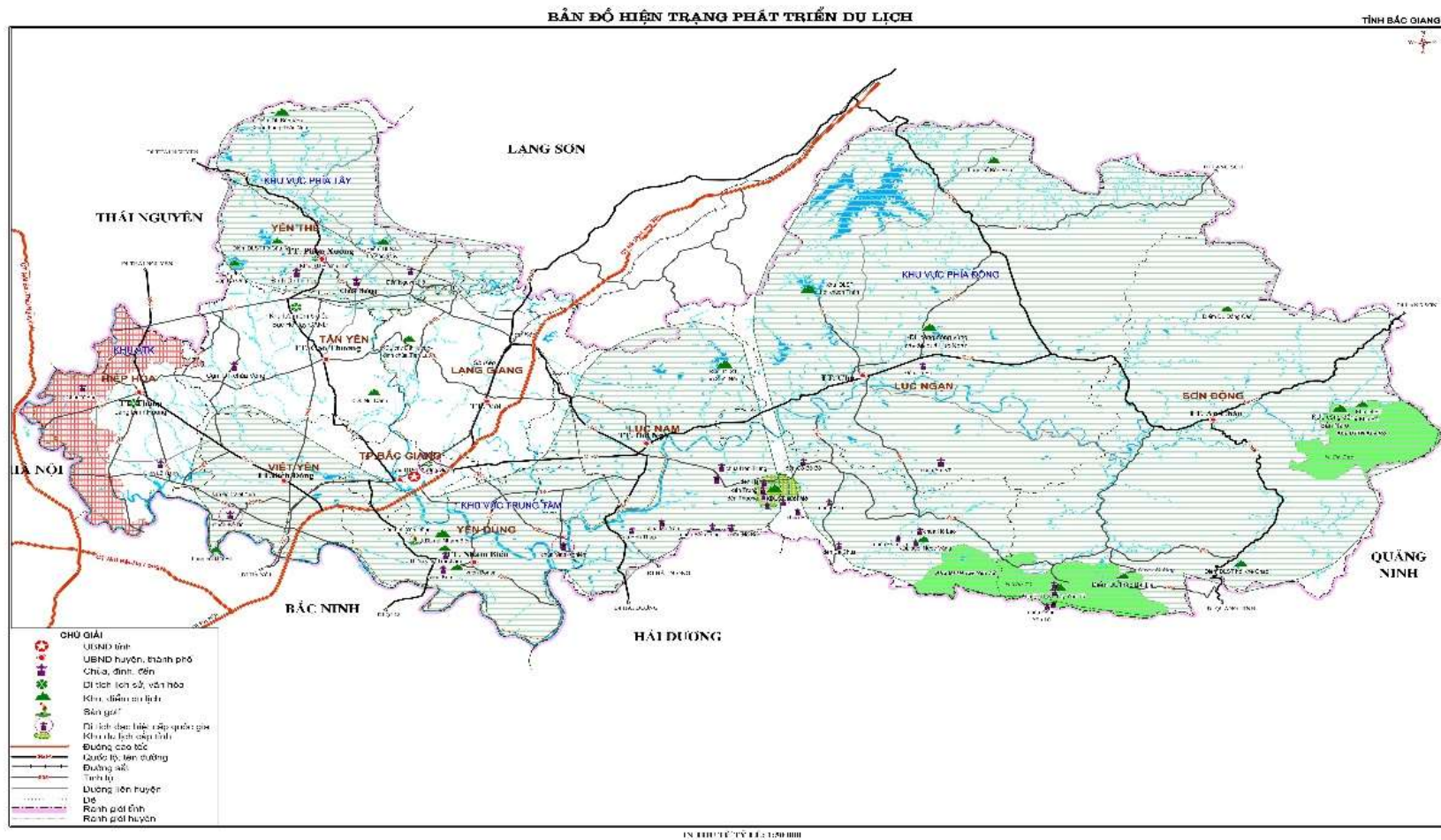
- Khu vực phía Tây tỉnh (huyện Yên Thế, Việt Yên): Tập trung khu vực Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế, chùa Bồ Đà. Khu vực chủ yếu là khách nội địa, tập trung đông vào mùa lễ hội.

- Khu vực trung tâm tỉnh (thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng, Lục Nam): Hoạt động du lịch phát triển tại một số điểm như chùa Vĩnh Nghiêm, Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ.

Hình thành một số tuyến liên tỉnh như Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn; Thái Nguyên - Bắc Giang - Hải Dương - Quảng Ninh. Tuy nhiên, hầu hết du khách chỉ dừng chân tại Bắc Giang để mua sắm, tham quan một số ngôi chùa trong thời gian rất ngắn, chưa trở thành điểm du lịch chính trên các tuyến liên tỉnh.

Các tuyến du lịch nội tỉnh kết nối đến các điểm phục vụ tham quan, đi lễ, ngắm cảnh, leo núi, dã ngoại, ngắm thác... chủ yếu thời gian trong ngày đã được xây dựng, quảng bá, như: Tuyến thành phố Bắc Giang - Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Hồ Khuôn Thần - Vườn cây ăn quả Lục Ngạn - Thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - khu di tích khởi nghĩa Yên Thế - Hồ Suối Cây - Khu lưu niệm nhà văn Nguyễn Hồng - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - cây Dã Hương - Đình, chùa Tiên Lục - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Khu an toàn khu II - đền Y Sơn - đình Lỗ Hạnh - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - chùa Bồ Đà - Đình Thổ Hà; Tuyến thành phố Bắc Giang - Hồ Cẩm Sơn - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - chùa Vĩnh Nghiêm - Suối Mỡ - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - chùa Vĩnh Nghiêm - Suối Mỡ - cụm di tích Tiên Lục - Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - Rừng nguyên sinh Khe Rỗ - Hồ Khuôn Thần - thành phố Bắc Giang; Tuyến thành phố Bắc Giang - chùa Bồ Đà - làng cổ Thổ Hà - khu di tích khởi nghĩa Yên Thế - Cụm di tích Tiên Lục,... Tuy nhiên, các tuyến này cũng chưa phát huy hiệu quả, lượng khách lựa chọn đi theo tuyến rất ít, khách du lịch đến Bắc Giang chủ yếu tự tổ chức, lựa chọn điểm đi theo ý thích.

Hình 30: Bản đồ hiện trạng không gian phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang



2. Thực trạng sản phẩm du lịch

Các sản phẩm du lịch đang khai thác hiện nay chủ yếu là du lịch tham quan, văn hóa - tâm linh và mới bắt đầu phát triển một số sản phẩm mới như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, dã ngoại.

- Du lịch văn hóa - tâm linh: Là sản phẩm thế mạnh, nổi bật nhất của Bắc Giang hiện nay, được nhiều du khách biết đến, thu hút đông du khách vào dịp đầu năm, ngày lễ hội gắn với các điểm du lịch: chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, đền Suối Mỡ, hệ thống chùa Khu du lịch sinh thái - tâm linh Tây Yên Tử, những điểm khởi nghỉ Yên Thế, đền Xương Giang.

- Du lịch sinh thái: Gắn với núi rừng, sông, hồ, thác nước,... tại một số điểm như Suối Mỡ, Khe Rỗ, suối Nước Vàng, Đồng Cao,...

- Du lịch cộng đồng: Bắt đầu được quan tâm định hướng phát triển phát triển tại xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, Bản Ven huyện Yên Thế với các hoạt động chính như: Ăn, ở tại nhà dân, tham quan bản làng, trải nghiệm các hoạt động như làm đồng, nấu ăn, tắm lá thuốc, xem nuôi ong, thưởng thức văn nghệ...

- Tham quan, mua sắm sản vật địa phương: Tập trung vào mùa vải, mùa cam, bưởi, vú sữa... tại huyện Lục Ngạn và Tân Yên.

3. Thực trạng khách du lịch và thị trường khách du lịch

3.1. Số lượng khách du lịch đến tỉnh

Lượng khách du lịch Bắc Giang có sự tăng trưởng qua các năm, năm 2011 có 160 nghìn lượt khách, chiếm 0,44% tổng khách du lịch cả nước. Đến năm 2019, có khoảng 2.026 nghìn lượt khách (chiếm 2,35% tổng khách du lịch cả nước). Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2019 đạt 37,35%/năm.

- Khách quốc tế: Năm 2011 đạt 3,1 nghìn lượt khách, năm 2015 đạt khoảng 8 nghìn lượt khách, năm 2017 đạt 15,2 nghìn lượt khách, đến năm 2019 đạt 32,5 nghìn lượt khách, tốc độ tăng trưởng bình quân 34%/năm.

Số lượng khách quốc tế tăng dần qua các năm nhưng chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong lượng khách du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (dưới 2%/ năm).

Khách quốc tế đến tỉnh chủ yếu là khách Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản,... mục đích chủ yếu là du lịch tham quan một số di tích như chùa Vĩnh Nghiêm, khu du lịch tâm linh sinh thái Tây Yên Tử, chơi golf, tham quan làng cổ Thổ Hà và thăm thân, làm ăn buôn bán kết hợp du lịch.

- Khách nội địa: Là lượng khách du lịch chủ yếu, năm 2011 đạt 156,8 nghìn lượt khách, năm 2015 đạt 400 nghìn lượt khách, năm 2017 đạt 1.192,9 nghìn lượt khách, đến năm 2019 đạt 1.993,9 nghìn lượt khách chiếm tới 98,55% lượng khách du lịch. Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2011-2019 đạt 37,4%/năm.

Khách nội tỉnh chiếm chủ yếu trong tổng số khách nội địa của tỉnh. Năm 2019, khách nội tỉnh đạt 1.606,2 nghìn lượt, chiếm 80,6% trong tổng số khách nội địa, 79,3% tổng số lượt khách toàn tỉnh. Khách ngoài tỉnh đến Bắc Giang chiếm tỷ trọng nhỏ,

năm 2019 đạt trên 388 nghìn lượt người, chiếm 19,4% khách nội địa, chiếm 19,1% tổng lượng khách du lịch của Tỉnh.

Khách nội địa của tỉnh chủ yếu là khách từ Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Dương, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh... mục đích chủ yếu là du lịch tâm linh, tham quan tại các điểm di tích như chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế, khu du lịch Suối Mỡ...., tham gia các lễ hội; khách công vụ, thăm thân và một lượng khách du lịch dã ngoại, cắm trại tại một số điểm như Đồng Cao, Khe Rỗ, hồ Cẩm Sơn,...

3.2. Chi tiêu khách du lịch

Khách du lịch đến tỉnh chủ yếu là khách phổ thông, với mức chi tiêu tương đối thấp, chủ yếu cho dịch vụ ăn uống, phương tiện di chuyển với thời gian trung bình khoảng 1,5 ngày. Theo số liệu điều tra năm 2019, tổng chi tiêu của khách du lịch đến tỉnh 787 tỷ đồng, tính trung bình là khoảng trên 380 nghìn/hành khách. Trong cơ cấu chi tiêu dành cho dịch vụ ăn uống chiếm 25,4%, chi cho văn hóa thể thao vui chơi giải trí là 20,8%, chi mua hàng hóa quà lưu niệm là 12,6%, chi lưu trú là 12,5%, chi vé thăm quan là 10,1% và chi khác là 12,8%.

4. Hiện trạng tổng thu từ khách du lịch

Qua số liệu thống kê, mức chi tiêu bình quân của khách du lịch đến Bắc Giang năm 2019 khá thấp so với mức chi tiêu bình quân khách du lịch tại Việt Nam, do lượng khách đến Bắc Giang chủ yếu là khách tham quan, tham dự lễ hội, lượng khách lưu trú thấp.

- Doanh thu từ khách du lịch: Năm 2011 đạt khoảng 338 tỷ đồng, năm 2019 đạt 787 tỷ đồng, tăng bình quân 12,8%/năm.

- Cơ cấu nguồn thu: Đến nay, do hoạt động lữ hành cũng như các dịch vụ bổ sung khác trên địa bàn tỉnh còn hạn chế và chưa phát triển, nên hầu hết nguồn thu từ hoạt động du lịch là từ các dịch vụ ăn uống, lưu trú và phương tiện đi lại.

- Giá trị gia tăng du lịch: Đóng góp của ngành du lịch năm 2019 đạt 275 tỷ đồng, chiếm 0,26% GRDP toàn tỉnh, 1,03% ngành dịch vụ. Theo cơ cấu khách, doanh thu từ khách nội địa là chủ yếu, khách quốc tế chỉ chiếm khoảng tỷ lệ nhỏ do lượng khách quốc tế còn hạn chế.

Bảng 4: Thực trạng khách du lịch và doanh thu từ dịch vụ du lịch 2011-2019

Danh mục	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Tổng số khách du lịch	160.000	408.000	519.899	1.208.140	1.511.400	2.026.533
Trong đó:						
- Khách nội địa	156.861	400.000	508.859	1.192.960	1.490.850	1.993.998
- Khách quốc tế	3.139	8.000	11.040	15.180	20.550	32.535
2. Doanh thu của khách du lịch (tỷ đồng)	338	516	573	637	708	787

III. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, cơ quan quản lý đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch và đề án như: Đề án tuyên truyền quảng bá, xúc tiến đầu tư du lịch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2020; Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020; Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014-2020; Đề tài nghiên cứu tiềm năng, đề xuất phương án xây dựng mô hình quản lý phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa sinh thái và phát triển kinh tế bền vững tỉnh Bắc Giang... ngành du lịch đã đạt được kết quả như sau:

- Lượng khách du lịch trong giai đoạn có sự tăng trưởng cao đạt 34,8%/năm; tổng thu từ khách du lịch đạt 24,1%/năm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh.

- Công tác đầu tư đã được chú trọng, hạ tầng du lịch dần được cải thiện; bước đầu thu hút được một số dự án đầu tư du lịch lớn như Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, Khu du lịch sinh thái tâm linh khe Hang Dầu, Tổ hợp sân golf, dịch vụ Yên Dũng,...

- Hợp tác, liên kết phát triển du lịch đạt được những hiệu quả nhất định trong công tác quản lý, quảng bá du lịch...

- Bước đầu đã xây dựng được sản phẩm du lịch như Văn hóa - tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Các doanh nghiệp du lịch lữ hành bước đầu đã có sự liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để đón khách.

2. Hạn chế

- Về điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch:

+ Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch chưa đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông. Chất lượng đường giao thông kết nối đối ngoại với các tỉnh lân cận còn hạn chế như chưa có cầu vượt sông Cầu kết nối với Bắc Ninh; cầu Cẩm Lý trên QL.37 kết nối với Hải Dương đã xuống cấp nghiêm trọng. Hệ thống giao thông nội tỉnh kết nối đến các điểm du lịch tiềm năng chưa thuận lợi, quy mô đường còn nhỏ hẹp hạn chế khai thác vận tải hành khách như: đường kết nối từ QL31 đến Đồng Cao, Khe Rỗ; kết nối từ QL 31, QL1A đến khu hồ Khuôn Thần; kết nối Khu du lịch sinh thái, tâm linh Tây Yên Tử với Chùa Am Vãi,... Chưa xây dựng được các trạm dừng nghỉ dọc các QL31, QL37 và QL279; trạm dừng nghỉ dọc theo đường tỉnh 398, 295, 293, đặc biệt các khu vực tiếp cận du lịch tâm linh chùa Vĩnh Nghiêm, Suối Mơ, Tây Yên Tử; chưa khai thác luồng khách theo đường thủy trên sông Cầu, sông Thương.

+ Hạ tầng cấp điện, cấp nước sạch: Hệ thống đường trục điện đáp ứng tải, hệ thống cấp nước sạch tập trung khó kết nối đến các điểm du lịch tiềm năng.

- Về các khu điểm du lịch và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ du lịch:

+ Một số khu, điểm du lịch tiềm năng cơ sở hạ tầng còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn về phát triển du lịch; chưa có sự đầu tư đồng bộ về hạ tầng

văn hoá - thể thao, khu vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm phục, cơ sở lưu trú để thu hút, giữ chân khách du lịch: Khu Tây Yên Tử chưa phát triển dịch vụ lưu trú; các điểm di tích chùa Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, Khởi nghĩa Yên Thế chưa được đầu tư tu bổ, tôn tạo đồng bộ.

+ Cơ sở lưu trú có sự tăng trưởng nhanh vượt mức chỉ tiêu nhưng chủ yếu là nhà nghỉ quy mô nhỏ, chất lượng thấp.

+ Chưa quy hoạch, phát triển được các địa điểm, các hoạt động kinh tế ban đêm giúp bổ trợ, thúc đẩy phát triển các sản phẩm du lịch của tỉnh, thu hút khách du lịch đến tỉnh.

- Về kết quả phát triển du lịch:

+ Không gian du lịch chưa được định hình rõ nét theo quy hoạch. Các trung tâm du lịch trọng điểm, các điểm du lịch chưa được đầu tư phát triển.

+ Chưa có nhiều sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch hấp dẫn, có tính cạnh tranh với các tỉnh trong khu vực; hoạt động kinh doanh du lịch còn mang tính mùa vụ, chủ yếu phát triển loại hình du lịch văn hóa - tâm linh, tham gia các lễ hội, thường đi trong ngày.

+ Sức cạnh tranh của các sản phẩm du lịch của tỉnh còn hạn chế. So với các tỉnh trong vùng và các tỉnh lân cận Bắc Giang là địa phương có lượng khách du lịch thấp, chưa có khu, điểm du lịch phát triển nổi bật, mang tầm quốc gia. Khách du lịch của tỉnh chủ yếu là khách nội tỉnh, chưa thu hút được nhiều khách nội địa ngoại tỉnh và du khách quốc tế.

+ Hình thành một số tuyến liên tỉnh, tuy nhiên hầu hết du khách chỉ dừng chân tại Bắc Giang để mua sắm, tham quan một số ngôi chùa trong thời gian rất ngắn, chưa trở thành điểm du lịch chính trên các tuyến liên tỉnh. Tour nội tỉnh có lượng khách theo tuyến ít, chủ yếu là tự tổ chức với thời gian ngắn.

+ Doanh thu từ ngành du lịch còn rất thấp, chưa tương xứng với tiềm năng. Mức đóng góp của ngành du lịch vào quy mô GRDP của tỉnh còn hạn chế. Mức chi tiêu thấp, bình quân năm 2019 chỉ đạt 380 nghìn đồng/người/lượt; tốc độ tăng chi tiêu thấp hơn tốc độ tăng khách, cho thấy khách du lịch tăng chủ yếu là khách nội tỉnh, chi tiêu rất thấp, chủ yếu đi hội đầu năm...

+ Các giá trị văn hóa phi vật thể của tỉnh, các sản phẩm của làng nghề truyền thống, sản vật địa phương chưa được nghiên cứu đưa vào khai thác, bổ trợ cho các sản phẩm du lịch của tỉnh.

- Về xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển du lịch: Kết quả công tác xúc tiến quảng bá du lịch còn hạn chế. Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn để thu hút được nhiều nhà đầu tư, đặc biệt các nhà đầu tư lớn có uy tín, thương hiệu.

- Nguồn nhân lực du lịch: còn thiếu về số lượng, chất lượng lao động chưa cao, thiếu đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai, đây là thách thức đối với cả các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Bảng 5: Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch

TT	Nội dung	Một số nội dung chính của Quy hoạch phê duyệt đến năm 2020	Tình hình thực hiện Quy hoạch đến năm 2020	Đánh giá
1	Các chỉ tiêu phát triển du lịch			
1.1	Khách du lịch	- Năm 2020, đón 2.7 triệu lượt khách; trong đó 20.000 lượt khách quốc tế	Tổng số khách du lịch ước đạt 1.000.000, trong đó: Khách quốc tế đạt: 12.000 lượt khách, giảm 67,8%) đạt tỷ lệ 37%.	Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc theo NQ số 40 về quy hoạch, tuy nhiên do ảnh hưởng Covid 19 nên các chỉ tiêu về du lịch bị giảm sút.
1.2	Tổng thu từ khách du lịch	- Năm 2020 đạt 2.800 tỷ đồng	Doanh thu từ các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh ước đạt khoảng 400 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 14% do ảnh hưởng Covid 19.	Công tác triển khai thực hiện nghiêm túc theo NQ số 40 về quy hoạch, tuy nhiên do ảnh hưởng Covid 19 nên các chỉ tiêu về du lịch bị giảm.
1.3	Cơ sở lưu trú	- Năm 2020: 6.462 phòng	Đến năm 2020 có tổng số 5.200 buồng lưu trú đạt tỷ lệ 80%	Đạt 80 % quy hoạch, (do một số nhà nghỉ xuống cấp chuyên nhà trọ)
1.4	Lao động ngành du lịch (lao động trực tiếp)	- Năm 2020 khoảng 8.700 lao động trực tiếp	Đến năm 2020 có 3.250 lao động, đạt 37%, do ảnh hưởng Covid 19.	Do ảnh hưởng Covid 19 nên các chỉ tiêu về du lịch bị giảm.
2	Định hướng thị trường khách du lịch	- Thị trường khách quốc tế: Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Tây Âu và Bắc Mỹ - Thị trường khách nội địa: Hà Nội, các tỉnh Bắc Bộ như Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Nguyên và khách nội tỉnh	- Thị trường khách quốc tế chủ yếu là khách Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc - Thị trường khách nội địa: Hà Nội, các tỉnh Bắc Bộ như Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Nguyên và khách nội tỉnh...	Đạt chỉ tiêu quy hoạch

TT	Nội dung	Một số nội dung chính của Quy hoạch phê duyệt đến năm 2020	Tình hình thực hiện Quy hoạch đến năm 2020	Đánh giá
3	Định hướng phát triển sản phẩm du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh - Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái - Du lịch sinh thái gắn với cộng đồng - Du lịch tham quan làng nghề, làng quê - Du lịch thể thao mạo hiểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, nghỉ dưỡng sinh thái gắn với cộng đồng. - Du lịch tham quan làng nghề, làng quê. - Du lịch thể thao mạo hiểm chưa phát triển được vì chưa thu hút được nhà đầu tư. 	Đạt chỉ tiêu quy hoạch
4	Tổ chức không gian phát triển du lịch	<p>Phát triển 4 vùng du lịch chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng Trung tâm du lịch bao gồm Tp.Bắc Giang, huyện Yên Dũng và huyện Lạng Giang. Với trọng tâm du lịch chất lượng cao gắn liền với du lịch công vụ, sự kiện. - Vùng du lịch Đông Bắc bao gồm các huyện Lục Nam, Lục Ngạn & Sơn Động đây là vùng du lịch với trọng tâm là phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, du lịch cộng đồng dân tộc và làng nghề. - Vùng du lịch Tây Bắc bao gồm các huyện Tân Yên; Yên Thế. Trọng tâm là du lịch di tích lịch sử, lễ hội tâm linh và dân ca Quan họ. - Vùng du lịch Tây Nam bao gồm các huyện Hiệp Hòa và Việt Yên. Trọng tâm là du lịch di tích lịch sử, lễ hội tâm linh và dân ca Quan họ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng Trung tâm Tp, huyện Yên Dũng và huyện Lạng Giang. Đã phát triển mới các điểm du lịch tại khu vực như: Phim trường Đa Mai, Song Mai, Thiền Viện Chúc Lam Phượng Hoàng. - Vùng du lịch Đông Bắc; Đã phát triển các điểm du lịch cộng đồng sinh thái, làng nghề tại xã Vĩnh An, Sơn Động, vùng cây ăn quả Lục Ngạn. - Vùng du lịch Tây Bắc. Đã hoàn thiện công nhận 2 điểm du lịch bản Ven xã Xuân Lương và khu di tích lịch sử khởi nghĩa Yên Thế. - Vùng du lịch Tây Nam Đã phát triển hoàn thiện công nhận điểm du lịch chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên, các làng quan họ được phát triển hoạt động ổn định 	<p>Cơ bản đạt chỉ tiêu quy hoạch</p> <p>Đạt chỉ tiêu quy hoạch</p>
5	Định hướng cơ	- Cơ sở lưu trú	- Hoàn thiện công	

TT	Nội dung	Một số nội dung chính của Quy hoạch phê duyệt đến năm 2020	Tình hình thực hiện Quy hoạch đến năm 2020	Đánh giá
	sở vật chất du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Công viên vui chơi giải trí, nhà thi đấu thể thao, câu lạc bộ, nhà văn hóa đa năng, rạp chiếu bóng - Nhà hàng, quán bar 	<ul style="list-style-type: none"> nhận 431 cơ sở lưu trú du lịch - Hoàn thiện, công nhận được 9 khu điểm du lịch; một nhà thi đấu thể thao tầm cỡ Quốc gia. 	
6	Định hướng hạ tầng giao thông du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống giao thông hiện có: Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ - Nâng cấp đường giao thông vào các điểm du lịch: hồ Khe Chảo, thác Ba Tia, suối nước vàng, chùa Yên Tử, hồ Cẩm Sơn. 	<p>Triển khai thi công dự án đường vành đai IV nổi cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn qua các huyện Việt Yên, Hiệp Hòa tạo tuyến giao thông thuận tiện đến chùa Bồ Đà huyện Việt Yên; thi công ĐT.293 kéo dài, đoạn Thanh Sơn - Hạ Mi Km73+298,85 đến Km86+996,28 (giao với QL.279) kết nối Quảng Ninh với Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử... Xây dựng Đền thờ danh nhân Thân Nhân Trung huyện Việt Yên; dự án Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ huyện Lục Nam.</p>	Cơ bản đạt chỉ tiêu quy hoạch

IV. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Đánh giá yếu tố tác động từ tình hình quốc tế, khu vực, trong nước, mối liên hệ vùng có tác động đến phát triển du lịch của tỉnh.

1.1. Đánh giá yếu tố tác động từ tình hình quốc tế, khu vực tác động đến phát triển du lịch của tỉnh

Thế giới đang trải qua giai đoạn với rất nhiều biến động, phức tạp, khó dự báo. Song điều chung nhất thấy rằng, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, là dòng chảy chính và lợi ích chung của tất cả các nước. Xu thế đa cực, đa trung tâm đang hình thành ngày càng rõ nét và chắc chắn sẽ trở thành xu thế chủ đạo, tạo ra mối quan hệ đan xen, tăng cường hợp tác và phụ thuộc. Tác động của toàn cầu hóa, các nước đẩy mạnh tiến trình liên kết kinh tế, với những hình thức ngày càng đa dạng, sâu rộng, trên nhiều lĩnh vực, là động lực phát triển. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội đang là động lực hình thành xã hội

thông tin, nền sản xuất thông minh, kinh tế tri thức, thúc đẩy quá trình cải cách, đổi mới, sáng tạo và tái cấu trúc ở mọi quốc gia, dân tộc, khu vực và thế giới.

- Kinh tế thế giới được dự báo sẽ dần được phục hồi sau đại dịch covid 19 và sẽ có tăng trưởng trở lại nhờ tiêu dùng cá nhân tăng, sự phát triển bền vững của đầu tư toàn cầu, sự cải thiện của thị trường lao động, giá dầu thế giới hồi phục mạnh... tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên toàn cầu đã bắt đầu có đà phục hồi. Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động nhất về kinh tế, là động lực chính cho tăng trưởng toàn cầu và dẫn đầu về hội nhập, các nền kinh tế khu vực đã nỗ lực thúc đẩy liên kết kinh tế và tự do hóa thương mại. Kinh tế Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trở lại, kinh tế châu Âu tiếp tục phục hồi, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc có thể chậm lại nhưng vẫn duy trì khoảng 5 - 6%. Giá dầu thô được dự báo sẽ duy trì ổn định và khá lạc quan (IMF dự báo). Điều này sẽ tạo cơ hội mạnh mẽ cho kinh tế Việt Nam.

- Xu hướng hội nhập quốc tế và liên kết khu vực ngày càng trở nên mạnh mẽ. Một loạt FTA đã và sẽ ký kết cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN sẽ tạo cơ hội rộng mở về thu hút vốn, công nghệ, đẩy mạnh xuất khẩu cho Việt Nam nói chung và Bắc Giang nói riêng. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ký kết ngày 08/3/2018 với 11 nước thành viên sẽ mở ra tạo ra nhiều thuận lợi hơn nữa cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Việc thực hiện có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới sẽ tạo ra cơ hội mở rộng, đa dạng hoá thị trường với mức ưu đãi cao, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, mạng lưới sản xuất toàn cầu; góp phần tích cực vào quá trình đổi mới đồng bộ và toàn diện, khơi dậy tiềm năng của đất nước và sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao trình độ phát triển, giảm dần tỉ trọng gia công lắp ráp của nền kinh tế. Việt Nam cũng có cơ hội tham gia chủ động và sâu hơn vào quá trình định hình và cải cách các định chế, cơ chế, cấu trúc khu vực và quốc tế có lợi cho ta và có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của các tổ chức, cá nhân; bảo đảm độc lập, tự chủ, củng cố và duy trì môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung có cơ hội để phát triển mạnh hơn, sáng tạo hơn và có sức cạnh tranh hơn. Người tiêu dùng có thêm cơ hội lựa chọn hàng hoá, dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường.

- Việc triển khai thực hiện các cam kết quốc tế mới cũng sẽ đặt ra nhiều khó khăn, thách thức không chỉ về kinh tế mà còn cả về chính trị, xã hội. Sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều ngành, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta sẽ gặp khó khăn hơn. Việc thực hiện các cam kết sâu rộng và cao hơn, nhất là vấn đề lao động, việc làm, bảo vệ môi trường... đáp ứng yêu cầu nội luật hoá các cam kết nếu không được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ, có lộ trình, bước đi phù hợp, sẽ tác động tiêu cực đến quá trình đổi mới, hoàn thiện thể chế, giải quyết những vấn đề phức tạp, nhạy cảm.

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang tạo ra cơ hội phát triển và các thách thức đối với Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng. Những đột phá về công nghệ đã làm giảm mạnh áp lực chi phí sản xuất nhờ chuyển đổi sang các hình thức sản xuất hiệu quả, thông minh, sử dụng nguồn lực tiết kiệm

hơn, thúc đẩy nền kinh tế thế giới chuyển từ nền kinh tế tài nguyên sang nền kinh tế tri thức. Cách mạng công nghiệp 4.0 làm thay đổi mạnh mẽ phương thức tổ chức sản xuất xã hội với năng suất cao hơn và sự ra đời của các ngành, lĩnh vực mới. Cuộc cách mạng này cũng làm thay đổi sâu sắc cấu trúc xã hội, có thể làm gia tăng khoảng cách thu nhập giữa nhóm lao động giản đơn với nhóm lao động là những người có kỹ năng cao. Quá trình số hóa, tự động hóa trong mọi mặt đời sống kinh tế xã hội thu hẹp cơ hội việc làm cho những lao động giản đơn, cần ít kỹ năng do có thể bị thay thế bởi người máy.

- Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năng động với nhiều nền kinh tế quy mô lớn, trình độ phát triển cao đang gia tăng hợp tác và phát triển với các nỗ lực thực hiện Kế hoạch tổng thể kết nối APEC (APEC Connectivity Blueprint 2015-2025) cũng như sự tham gia và ký kết Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) của nhiều quốc gia trong khu vực. Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng hòa bình, ổn định và phát triển căn bản được duy trì, song cạnh tranh giữa các nước lớn, chạy đua hiện đại hóa vũ trang, tranh chấp lãnh thổ, biển đảo diễn biến phức tạp.

- Sự bùng nổ của tầng lớp trung lưu Châu Á. Các quốc gia trên khắp khu vực Châu Á đang chứng kiến sự bùng nổ nhanh chóng của tầng lớp trung lưu - ví dụ 90 triệu người Indonesia dự kiến sẽ tham gia vào tầng lớp trung lưu trong giai đoạn 20 năm 2010-2030. Thu nhập cũng tăng lên, với mức thu nhập trung bình ở Trung Quốc tăng 89% (theo giá trị thực) trong giai đoạn 2015-2030. Những lợi ích này sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng và du lịch trong những năm tới. Khả năng kết nối bằng đường hàng không ngày càng tăng, giá cước vận tải cũng giảm dần. Các hãng hàng không trong khu vực tiếp tục bổ sung năng lực phục vụ ở mức cao, với tỷ lệ số dặm chỗ ngồi có sẵn (ASMs) tăng ở mức 7% hàng năm trong khu vực. Với việc các hãng hàng không có giá rẻ (LCCs) tiếp tục gây áp lực giảm giá vé và giá dầu thô dự kiến vẫn ở mức thấp, du khách với ngân sách hạn chế sẽ tiếp tục hưởng lợi từ những lựa chọn kết nối đa dạng. Xu hướng này đặc biệt thuận lợi cho Vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du miền núi Bắc bộ, trong đó có Bắc Giang.

- Sáng kiến vành đai, con đường của Trung Quốc (quốc gia láng giềng với quy mô kinh tế khổng lồ) đã và đang thu hút sự quan tâm và tham gia của nhiều quốc gia trên thế giới cùng với nhiều chủ trương tăng cường kết nối của Trung Quốc với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới qua những tuyến hành lang khác nhau tạo ra những cơ hội mới song cũng tạo ra những thách thức mới và làm thay đổi lợi thế phát triển của nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, trong đó đặc biệt là Việt Nam.

- Các điểm nóng an ninh trên thế giới luôn có nguy cơ cản bước phục hồi, tăng trưởng của nền kinh tế thế giới, tác động tiêu cực đến kinh tế khu vực; làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước.

1.2. Các yếu tố, điều kiện trong vùng, trong nước

- Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành đang quyết tâm đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa nền kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ tạo hành lang pháp lý thông thoáng hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Tình hình kinh tế vĩ mô chuyển biến tích cực. Việt Nam đang có chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường; cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,.. sẽ tạo nhiều cơ hội cho cả nước nói chung và Bắc Giang nói riêng đổi mới, phát triển.

- Trung ương mới ban hành Nghị quyết về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, điều này sẽ ảnh hưởng đến cả hệ thống chính trị cũng như các đơn vị sự nghiệp công lập của đất nước nói chung và Bắc Giang nói riêng.

- Theo Báo cáo Việt Nam 2035, các đô thị phải là những trung tâm đổi mới sáng tạo và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tăng trưởng, phát triển của các cụm liên kết ngành. Các đô thị sẽ phải giữ vai trò thúc đẩy tăng năng suất, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Đây vừa là cơ hội cũng vừa là thách thức đặt ra đối với các địa phương.

- Trong những năm vừa qua, Đảng và Chính phủ đã đưa ra những quyết sách quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội vùng TDMN Bắc Bộ cũng như vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng ĐBSH... có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang.

- Vùng TDMN, vùng ĐBSH, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đang có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài tốt, hệ thống hạ tầng kinh tế khung của vùng được đầu tư và phát triển khá đồng bộ; các tỉnh, thành phố lân cận như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hòa Bình, Bắc Ninh, Lạng Sơn cũng đang trên đà đổi mới, phát triển mạnh mẽ, có tác động lan tỏa, tương hỗ với sự phát triển của tỉnh. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã dần hình thành được các cụm tuyến liên kết sản xuất công nghiệp, trung tâm du lịch lớn với vai trò dẫn dắt là những DN hàng đầu thế giới mở ra cơ hội hợp tác và tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu và các cụm, tuyến du lịch cao hơn không chỉ đối với vùng Bắc bộ nói chung mà còn đối với Bắc Giang.

- Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế cả nước đứng trước những thách thức rất lớn và tiềm ẩn nhiều rủi ro: Tài nguyên thiên nhiên đã và đang được khai thác ở mức cao, cạn kiệt, sản xuất của ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm. Công nghiệp Việt Nam nằm trong chế tạo đòi hỏi phải có đột phá mới, nông nghiệp vẫn đứng trước rủi ro lớn do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu và nước biển dâng...

- Lợi thế về lao động giá rẻ đang mất đi nhanh chóng do tác động của cách mạng công nghiệp 4.0. Yêu cầu có sự đột phá về năng suất lao động, hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế cũng như của cộng đồng doanh nghiệp đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

- Những diễn biến phức tạp khó lường trên trường quốc tế, xu hướng bảo hộ và

đưa sản xuất về trong nước của một số nước phát triển đang diễn ra sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu và dòng vốn đầu tư vào Việt Nam. Đặc biệt, việc cắt giảm thuế xuất nhập khẩu trong khối ASEAN đối với nhiều mặt hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới một số ngành sản xuất nếu các doanh nghiệp Việt Nam không nâng cao được năng lực cạnh tranh cả về giá cả và chất lượng sản phẩm.

- Việt Nam nằm trong vùng phát triển kinh tế được đánh giá là năng động nhất thế giới. Trở thành thành viên thứ 150 của WTO vào năm 2007, là một trong 20 quốc gia có nhiều bãi biển đẹp nhất Châu Á... Đồng thời Việt Nam có chế độ chính trị ổn định, an ninh đảm bảo, đất nước con người Việt Nam mến khách là điểm đến an toàn, thân thiện đối với khách du lịch quốc tế. Nhiều chính sách phát triển xã hội được ban hành như chính sách đối với dân tộc thiểu số, chính sách phát triển kinh tế cửa khẩu, môi trường đầu tư thân thiện... góp phần tạo nên môi trường thân thiện thuận lợi, tạo cơ hội lớn để ngành du lịch trong tương lai phát triển mạnh mẽ, bền vững.

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục thể hiện thế mạnh cơ bản với sự hỗ trợ của nhu cầu trong nước mạnh mẽ của tầng lớp trung lưu đô thị hóa và đang ngày càng vươn lên, dòng vốn FDI lành mạnh và sản xuất định hướng xuất khẩu. Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất tại châu Á, Dự báo GRDP quốc gia có thể sẽ tiếp tục tăng trưởng 4-5% trong những năm tới - tuy nhiên, có thể điều này đòi hỏi phải tăng năng suất lao động.

Trong khi đó, tổng dân số Việt Nam đang tăng trưởng ở mức 1%, và có thể sẽ chậm lại về 0,8% trong 10-15 năm tới. Ước tính 33,1 triệu người Việt Nam đang sinh sống tại các đô thị vào năm 2020, và con số này dự kiến sẽ đạt 47 triệu vào năm 2030. Tại Việt Nam, tầng lớp trung lưu cũng đang nhanh chóng mở rộng và sẽ tăng từ 10 triệu người vào năm 2015 lên 55 triệu người vào năm 2035 (với định nghĩa là đối tượng có sức mua tương đương (PPP) lớn 15 USD/ngày). Sức tăng doanh thu bán lẻ và chi tiêu dùng của người tiêu dùng ở Việt Nam nằm trong số các nước đang phát triển có mức tăng nhanh nhất ở ASEAN, với mức tăng trưởng lịch sử 10% hàng năm, trong khi chi tiêu tiêu dùng tăng 20% hàng năm trong vài năm qua. Sự phổ biến của Internet cũng đang gia tăng, với khoảng 50 triệu người đang sử dụng Internet tại Việt Nam vào năm 2015 và 67 triệu người vào năm 2020. Doanh số bán lẻ trên Internet đang tăng lên ở mức 27% hàng năm và dự kiến sẽ đạt 1,7 tỷ USD vào năm 2019.

Thị trường xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng với tổng giá trị xuất khẩu thực dự kiến sẽ tăng ở mức 8,3% mỗi năm để đạt được mức hơn 300 tỷ USD vào năm 2030. Nhập khẩu cũng được dự báo sẽ tăng với tốc độ tương tự (trùng với mức tiêu dùng đang tăng) và đạt 370 tỷ USD vào năm 2030. Chỉ số hiệu quả hoạt động logistics của Việt Nam đang dần dần tăng lên so với các đối thủ cạnh tranh khu vực và vượt qua Indonesia⁴.

⁴ Tính trung bình giai đoạn 2012-2018, chỉ số LPI của Việt Nam xếp hạng 45 thế giới, và thứ 4 ở Đông Nam Á, sau các nước Singapore (thứ 5 thế giới), Thái Lan (thứ 34 thế giới), Malaysia (thứ 35 thế giới) và xếp trên Indonesia (thứ 51 thế giới). (Nguồn: World Bank (2018) Báo cáo Connecting to Compete 2018 - Trade Logistics in the Global Economy)

Việt Nam là quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Cách mạng Công nghiệp 4.0 mở ra nhiều cơ hội nâng cao năng lực công nghệ, năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản xuất; tạo ra cơ hội đầu tư hấp dẫn và tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ số và Internet... Đồng thời, đây cũng là cơ hội tốt để ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Trong thời đại Công nghiệp 4.0, lợi thế cạnh tranh của các nền kinh tế mới nổi trong đó có Việt Nam, như lực lượng lao động thủ công đông đảo với giá nhân công rẻ sẽ không còn được coi là lợi thế cạnh tranh, mà là bất lợi hoặc thậm chí là mối đe dọa. Trong tương lai, nhiều công nhân tay nghề thấp có thể bị mất việc vì công nghệ mới (tự động hoá, in 3D,...) có thể ảnh hưởng đến nhiều ngành, từ dệt may, dịch vụ, giải trí đến y tế, giao thông, giáo dục...

1.3. Tác động của dịch Covid-19 đối với ngành du lịch Việt Nam nói chung và du lịch tỉnh Bắc Giang nói riêng

Theo dự báo của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), dịch COVID-19 sẽ tác động và khiến ngành Du lịch toàn cầu có thể bị thiệt hại tương đối lớn vì chính phủ các nước phải áp dụng nhiều biện pháp để ngăn chặn lây lan của dịch bệnh như đóng cửa biên giới, dừng các hoạt động vận tải đường hàng không quốc tế và nội địa...

Dự kiến, trong năm 2020, lượng khách du lịch quốc tế sẽ giảm 20-30%, ước tính tổn thất khoảng 300-450 tỷ USD đối với hoạt động du lịch quốc tế, tương đương gần 1/3 trong số 1.500 tỷ USD mà ngành này thu được vào năm 2019.

Ngành Du lịch Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ trong việc chịu sự ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Theo Tổng cục Thống kê, khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 3/2020 giảm mạnh chỉ đạt gần 450.000 lượt khách, giảm 68,1% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 63,8% so với tháng 2. Đặc biệt, 2 thị trường khách quốc tế lớn nhất của du lịch Việt Nam đó là Trung Quốc và Hàn Quốc đều giảm 91,5% và 91,4%. Tổng lượt khách của quý I/2020 đạt 3,7 triệu lượt khách, giảm hơn 18% so cùng kỳ.

Lượng khách sụt giảm dưới tác động của dịch bệnh đã ảnh hưởng đến nguồn thu dịch vụ du lịch trong quý I/2020. Theo Tổng cục Thống kê, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống trong kỳ ước đạt 126.200 tỷ đồng, tương đương 10% tổng doanh thu hoạt động thương mại, dịch vụ của cả nước, giảm 9,6% so với quý I/2019.

Doanh thu du lịch lữ hành quý I/2020 ước đạt 7.800 tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng mức và giảm 27,8% trong khi cùng kỳ do nhiều địa điểm tham quan du lịch ngừng hoạt động, lượng khách hủy tour du lịch do lo ngại dịch bệnh lây lan trên diện rộng. Doanh thu từ hầu hết các thành phố có các địa điểm du lịch nổi tiếng đều sụt giảm. Cụ thể, Thanh Hóa ghi nhận giảm gần 50%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 48,3%; Quảng Ninh giảm 47,1%; Khánh Hòa giảm 43,9%; TP. Hồ Chí Minh giảm 39,9%; Bình Định giảm 24,4%; Đà Nẵng giảm 19,5%; Hà Nội giảm 18,7%; Hải Phòng giảm 14,9%.

Những khó khăn, thách thức trên đòi hỏi ngành Du lịch Việt Nam cần có biện pháp động bộ để kích cầu ngành Du lịch có hướng đi mới trong bối cảnh hiện nay.

2. Dự báo xu thế phát triển ngành du lịch Việt Nam

- Du lịch bền vững: dựa trên ba trụ cột chính là sinh thái, văn hóa và cộng đồng. Du lịch bền vững sẽ hỗ trợ cho sự phát triển của cộng đồng địa phương, bảo tồn di sản và văn hóa đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực lên môi trường.

- Việc phát triển du lịch xanh là thực sự cần thiết, đây cũng nên là định hướng lâu dài cho du lịch Việt Nam trong điều kiện đầy biến động của môi trường. Tổ chức UNWTO đánh giá khu vực Đông Nam Á sẽ trở thành khu vực thu hút khách quốc tế lớn thứ 4 trên thế giới và Việt Nam là một trong 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng du lịch nhanh nhất. Việt Nam là một đất nước có tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch xanh với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp cùng với các di tích lịch sử. Hòa cùng xu thế toàn cầu, ngành du lịch Việt Nam xác định du lịch xanh, du lịch bền vững trên nền tảng du lịch xanh là con đường phát triển xuyên suốt trong 10 năm tới. Du lịch xanh là loại hình du lịch hoạt động theo phương thức giảm thiểu tác động đến môi trường, đóng góp tích cực cho bảo vệ đa dạng sinh học, sử dụng năng lượng tái tạo và phát huy các di sản thiên nhiên và văn hóa, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Văn hóa bản địa - Tương lai của du lịch xanh. Ngày nay, du khách có xu hướng quan tâm hơn tới chất lượng trải nghiệm tại điểm đến. Khách sẽ lưu lại dài ngày hơn nếu điểm đến có nhiều trải nghiệm thú vị. Nếu trước đây, du lịch biển theo trào lưu là phổ biến thì những năm gần đây đã chuyển hướng sang nghỉ dưỡng ở núi, trải nghiệm văn hóa địa phương.

Khách du lịch thế hệ mới là những người yêu môi trường, tôn trọng và có trách nhiệm với môi trường, vì vậy xu hướng tìm về những giá trị văn hóa đặc sắc và sinh thái nguyên sơ cũng đang trở nên thịnh hành.

Với các điểm đến thân thiện môi trường, điểm đến gần gũi với thiên nhiên, con người tìm được vẻ đẹp với cội nguồn cũng như nét văn hóa đặc sắc địa phương.

Các chuyến đi du lịch của những du khách tiên phong dẫn dắt trào lưu đó đã tạo ra xu hướng mới cho dòng khách du lịch xanh, du lịch thân thiện với môi trường. Điều này đòi hỏi các chính quyền địa phương, các doanh nghiệp phải bắt kịp được với du hướng đó trong việc phát triển du lịch xanh.

Phát triển du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm với môi trường, với xã hội là một xu hướng, đồng thời là hướng phát triển của du lịch Việt Nam trong yêu cầu cũng như định hướng chiến lược phát triển.

Tổng cục Du lịch đưa ra những tiêu chí để các địa phương, các điểm đến, các doanh nghiệp phát triển sản phẩm du lịch theo những tiêu chí xanh và trách nhiệm xã hội, trách nhiệm môi trường. Khi các sản phẩm du lịch đạt được các tiêu chí xanh và trách nhiệm môi trường thì sẽ ngày càng được chào đón, thu hút quan tâm và hấp dẫn được du khách.

Định hướng phát triển của du lịch Việt Nam thời gian tới sẽ nhắm vào phát triển những sản phẩm du lịch mang tính văn hóa bản địa, khai thác yếu tố văn hóa địa

phương trở thành thể mạnh khác biệt và độc đáo của từng miền. Chiến lược phát triển này cũng đề cao vai trò người dân với tinh thần tự tôn tình yêu quê hương, đất nước.

Phát triển du lịch xanh được hiểu là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Những năm gần đây, du lịch xanh đã trở thành xu hướng của ngành công nghiệp không khói ở nhiều nước trên thế giới, bởi có vai trò to lớn trong bảo vệ đa dạng sinh học, văn hóa cộng đồng và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Theo một khảo sát gần đây của Trip Advisor - một trang web về du lịch nổi tiếng thế giới cho thấy, 34% số du khách sẵn sàng chi trả thêm để ở những khách sạn thân thiện với môi trường, 50% số du khách sẵn sàng chi trả thêm cho những công ty mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và hoạt động bảo tồn.

Điều này khẳng định, du lịch xanh không những là sự bảo đảm cho phát triển du lịch bền vững, mà còn là giải pháp giúp gia tăng lượng khách có mức chi tiêu cao và có ý thức, hành động văn minh khi tham gia du lịch.

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định: Phát triển sản phẩm du lịch xanh, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương là giải pháp để Việt Nam phát triển du lịch bền vững.

3. Dự báo nhu cầu phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030

- Thị trường khách: Thu hút khách nội địa với mục đích du lịch tham quan, hành hương, dã ngoại, vui chơi giải trí, thể thao golf... từ Hà Nội và các tỉnh lân cận đồng thời khai thác thị trường khách cao cấp, siêu sang trong nước và quốc tế.

- Sản phẩm du lịch: Phát triển các sản phẩm dựa trên tiềm năng sẵn có như:

+ Du lịch văn hóa - tâm linh: Tham quan, hành hương tại các đình, chùa.

+ Du lịch vui chơi giải trí cao cấp, thể thao golf, leo núi, xe đạp địa hình, dù lượn.

+ Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Khu resort, bungalow cao cấp gắn kết với thiên nhiên ven các khu rừng, hồ...

+ Du lịch nghỉ dưỡng dân dã theo mô hình các trang trại nông nghiệp tại các vùng nông thôn.

+ Vui chơi giải trí cao cấp theo mô hình công viên chuyên đề, vui chơi giải trí công nghệ cao.

- Tổng thu từ khách du lịch:

Tổng thu từ khách du lịch bao gồm tất cả các nguồn thu do khách du lịch chi trả trong thời gian đi du lịch ở một địa phương, một điểm đến, đó là nguồn thu nhập từ dịch vụ lưu trú và ăn uống; từ dịch vụ vận chuyển khách du lịch; dịch vụ lữ hành và tư vấn du lịch; mua sắm hàng hóa; từ các dịch vụ khác như Bưu điện, Ngân hàng, Y tế, Bảo hiểm, dịch vụ vui chơi giải trí... trong thời gian tới sẽ tăng. Do cơ sở hạ tầng du lịch trong thời gian tới sẽ được đầu tư hoàn thiện, các khu điểm du lịch cấp

Quốc gia, cấp tỉnh sẽ đi vào hoạt động, hệ thống sân golf, các điểm vui chơi, giải trí, nhà hàng khách sạn được đầu tư ... sẽ là điều kiện thuận lợi để thu hút khách du lịch.

- Dự báo nhu cầu buồng lưu trú du lịch tỉnh Bắc Giang (2021-2030):

Để đảm bảo nhu cầu về cơ sở lưu trú cho khách du lịch khi đến Bắc Giang từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo, vấn đề dự báo và đầu tư xây dựng hệ thống khách sạn là yêu cầu quan trọng. Hiện nay số lượng cơ sở lưu trú tại Bắc Giang đủ khả năng đáp ứng số lượng khách hiện tại, tuy nhiên chất lượng kém, chủ yếu là nhà nghỉ. Việc dự báo nhu cầu về buồng lưu trú được căn cứ vào tổng số khách, số ngày lưu trú trung bình của khách, công suất sử dụng buồng trung bình, cũng như số người nghỉ trong một buồng.

Căn cứ vào các chỉ tiêu trên, theo tính toán nhu cầu về buồng lưu trú phục vụ khách du lịch thì hiện trạng số lượng buồng lưu trú khá nhiều. Do đó, trong giai đoạn đến năm 2030, tập trung thu hút thêm các dự án khách sạn cao cấp (3-5 sao), cơ sở homestay, các khu nghỉ dưỡng (resort, bungalow).

- Dự báo nhu cầu lao động ngành du lịch Bắc Giang (2021 - 2030):

Căn cứ vào số lượng buồng lưu trú được dự báo ở trên, căn cứ vào chỉ tiêu lao động bình quân cho một buồng của cả nước cũng như khu vực (trung bình 1 buồng có 1,5 lao động trực tiếp) và số lao động gián tiếp ngoài xã hội (1 lao động trực tiếp tương ứng với 2 lao động gián tiếp), căn cứ vào nhu cầu buồng lưu trú hiện nay, đến 2030 cần khoảng 19.165 người lao động trực tiếp trong lĩnh vực du lịch.

V. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC (SWOT)

1. Điểm mạnh (S)

Tài nguyên du lịch đa dạng phong phú từ cảnh quan thiên nhiên núi, rừng, sông, hồ đến các di tích văn hóa, lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian, làng nghề truyền thống và sản vật địa phương.

Bắc Giang nằm ở vị trí thuận lợi liền kề các trung tâm kinh tế, du lịch của cả nước như Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn; giao thông kết nối thuận lợi với 5 tuyến quốc lộ chạy qua 1A, 17, 279, 31 và 37; tạo điều kiện mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh trong vùng, cả nước, là tiền đề quan trọng thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển, giao lưu văn hóa, đặc biệt phát triển du lịch.

Là tỉnh nằm liền kề và trong quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội, tạo cơ hội hội nhập kinh tế, phát huy vị trí, vai trò trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo thuận lợi tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, công tác quản lý... của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hệ thống giao thông thuận lợi cả đường bộ, đường sắt và đường thủy; hệ thống hạ tầng đang dần được cải thiện; cơ sở hạ tầng, kiến trúc, cảnh quan, cơ sở vật chất... được quan tâm, chú trọng đầu tư.

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới xu hướng phát triển sản phẩm du lịch trên thế giới trong thời gian tới tập trung vào du lịch thể thao và mạo hiểm đến những nơi có

phong cảnh hoang sơ, hùng vĩ, hoặc các đô thị mới ít người biết đến; du lịch trải nghiệm văn hóa bản địa; du lịch trên sông nước. Tiềm năng du lịch Bắc Giang hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển du lịch Thế giới: Là điểm đến còn nguyên sơ, ít người biết đến với nhiều khu vực có thể phát triển du lịch thể thao mạo hiểm như Đông Cao, khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử,... cũng là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, có tiềm năng khai thác du lịch trên sông với sông Cầu, sông Thương.

Sự ổn định chính trị, an ninh quốc phòng được đảm bảo; chính sách ngoại giao cởi mở; cùng với sự nhận thức đúng đắn, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước là những yếu tố rất thuận lợi mở đường cho phát triển du lịch của tỉnh.

Nhận được sự quan tâm chỉ đạo phát triển, được thể hiện trong các chủ trương, chính sách, nghị quyết của tỉnh, tạo thuận lợi trong đầu tư, thu hút đầu tư phát triển du lịch.

Chính quyền các cấp trong tỉnh đang nỗ lực các biện pháp cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Năm 2019, Bắc Giang đứng thứ 2/63 tỉnh thành phố về chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh. Đây là cơ hội để Bắc Giang tiếp tục đẩy mạnh cải cách, nâng cao uy tín của tỉnh, tạo sức hút đối với nhà đầu tư.

2. Điểm yếu (W)

Tài nguyên đa dạng nhưng không có tiềm năng đặc trưng nổi bật.

Danh tiếng của điểm đến mờ nhạt, chưa tạo lập được thương hiệu du lịch trên thị trường du lịch trong và ngoài nước.

Sản phẩm du lịch đơn điệu, thiếu hấp dẫn và chưa được định hình rõ nét.

Nguồn nhân lực còn hạn chế, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hệ thống hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, kết nối đến các khu, điểm du lịch còn nhiều khó khăn.

Chưa thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, đặc biệt những nhà đầu tư lớn.

Hoạt động xúc tiến du lịch chưa sâu, rộng tới các tỉnh Miền Nam, miền Trung và quốc tế.

Năng lực cạnh tranh thấp, môi trường đầu tư và kinh doanh chậm được cải thiện. Năm 2019, năng lực cạnh tranh của Bắc Giang vẫn chỉ giữ vị trí thứ 40/63 tỉnh, thành phố.

Năng lực quản lý tại các huyện, thành phố còn hạn chế; nhất là thiếu cán bộ chuyên quản lý du lịch tại các Phòng văn hóa, Thông tin huyện, thành phố, hầu hết còn làm việc mang tính kiêm nhiệm cả ba lĩnh vực.

3. Cơ hội (O)

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị ban hành thể hiện sự quyết tâm phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Bắc Giang là điểm đến mới lạ, nguyên sơ... phù hợp với xu hướng của thị trường du lịch quốc tế đến Việt Nam.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, môi trường quốc tế thuận lợi là cơ hội để Bắc Giang phát triển. Xu thế phát triển du lịch trên phạm vi toàn cầu và khu vực vẫn tiếp tục tăng. Hợp tác khu vực, đặc biệt giữa các nước ASEAN tiếp tục được củng cố, tạo môi trường thuận lợi cho khách đi lại giữa các nước, tạo lợi thế lớn cho ngành du lịch.

Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là chương trình nông thôn mới tạo điều kiện nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ bản và cơ sở vật chất.

4. Thách thức (T)

Xung đột lợi ích kinh tế giữa phát triển du lịch và một số ngành nghề khác như khai thác khoáng sản.

Môi trường quốc tế thay đổi liên tục, sự bất ổn của kinh tế thế giới, diễn biến trên Biển Đông tiếp tục phức tạp... ảnh hưởng lớn tới hoạt động du lịch.

Mâu thuẫn giữa phát triển và bảo tồn.

Tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường, dịch bệnh là những nguy cơ và thách thức lớn đối với tỉnh trong thời kỳ quy hoạch sắp tới.

Nằm liền kề các thương hiệu du lịch mạnh như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên vừa là điều kiện thuận lợi để thu hút khách, vừa là thách thức trong việc cạnh tranh phát triển với các địa phương này.

Địa hình Bắc Giang bị chia cắt với các tỉnh lân cận bởi nhiều sông đòi hỏi đầu tư lớn để xây dựng cầu giúp phát triển giao thông kết nối đối ngoại.

Xu hướng đi du lịch nước ngoài có sự tăng trưởng mạnh, gây tác động lớn đến việc thu hút khách du lịch trong nước.

Nếp sống văn minh, các vấn đề xã hội khác như an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm, chèo kéo, ép giá... là những khó khăn thách thức lớn đối với phát triển du lịch.

Phần III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển du lịch phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, chiến lược phát triển Du lịch của cả nước; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vai trò của du lịch. coi trọng phát triển văn hóa để trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, nền tảng phát triển kinh tế bền vững.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực du lịch, nhằm tạo bước đột phá, môi trường hoạt động tốt hơn cho các đơn vị, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

Huy động mọi nguồn lực cho phát triển du lịch, đẩy mạnh xã hội hóa du lịch, đầu tư. Kiên toàn, củng cố tổ chức bộ máy ngành du lịch, chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ sự nghiệp.

Tạo bước chuyên biến mạnh mẽ trong phát triển du lịch của tỉnh, tạo dựng hình ảnh, thương hiệu du lịch; cải thiện cơ sở hạ tầng; xây dựng cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Quy hoạch, thu hút đầu tư phát triển các khu du lịch có quy mô lớn, hình thành các khu du lịch quốc gia, cấp tỉnh có sự khác biệt, nổi trội, các điểm đến hấp dẫn; đa dạng hóa các loại hình du lịch, trọng tâm là du lịch sinh thái, tâm linh, nghỉ dưỡng, thể thao. Xây dựng Bắc Giang trở thành tỉnh có thương hiệu du lịch, có vị trí quan trọng trong vùng Đồng bằng và Trung du Bắc bộ. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Bố trí không gian phát triển 3 khu du lịch quốc gia, 4 khu du lịch cấp tỉnh. Đến năm 2030, ít nhất 01 khu du lịch được công nhận đạt tiêu chuẩn khu du lịch cấp quốc gia, 02 khu du lịch cấp tỉnh.

- Tốc độ tăng khách du lịch giai đoạn 2021-2030 bình quân đạt trên 12,7%/năm, trong đó khách ngoài tỉnh đạt trên 27,3%; năm 2030 tổng khách du lịch đạt 7,5 triệu lượt khách, trong đó trên 4,1 triệu lượt khách ngoài tỉnh; 0,4 triệu lượt khách quốc tế.

- Năm 2030, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 15.700 tỷ đồng; Giá trị gia tăng ngành du lịch (giá hiện hành) đạt trên 6.300 tỷ đồng, chiếm 1,1% GRDP của Tỉnh và chiếm 6,1% GRDP ngành dịch vụ.

- Đến năm 2030 có trên 730 cơ sở lưu trú, với trên 12.700 buồng, trong đó ít nhất 50 khách sạn từ 3 sao trở lên, với trên 4.000 buồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tạo bước đột phá về phát triển du lịch, để du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội nhanh, bền vững. Xây dựng Bắc Giang trở thành điểm du lịch quan trọng trên tuyến du lịch Hà Nội - Lạng Sơn; Thái Nguyên - Quảng Ninh. Xây dựng được thương hiệu du lịch Bắc Giang là điểm đến văn hóa - tâm linh, sinh thái hấp dẫn.

Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như: Du lịch theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông; du lịch trên dòng sông quan họ; du lịch cuối tuần với các khu nghỉ dưỡng sinh thái, làng sinh thái trên núi; du lịch thể thao cao cấp như golf, thể thao khám phá cao cấp... Duy trì và phát triển sản phẩm du lịch chính: Du lịch văn hóa - tâm linh; lịch sử - văn hóa; nghỉ dưỡng sinh thái; du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái; du lịch về nguồn. Phát triển sản phẩm du lịch bổ trợ: Du lịch thể thao mạo hiểm, vui chơi giải trí, lễ hội - sự kiện; du lịch làng nghề; mua sắm; hội nghị, hội thảo...

Tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư, xây dựng 3 khu du lịch có quy mô lớn, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia, gồm: (1) Khu du lịch Tây Yên Tử - theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông với chuỗi các di tích chùa Vĩnh Nghiêm, Bát Nhã, Hàm Long, Nam Biền, Đám Trì, Hòn Tháp, Hòn Trúng, Mã Yên, Hồ Bắc, Khả Lã, suối Mỡ, Am Vãi, Tây Yên Tử; (2) Khu du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí Lục Ngạn với khu vực trung tâm hồ Khuôn Thân; (3) Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí núi Nham Biền.

IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2030

1. Quy hoạch không gian phát triển du lịch

Mở rộng phát triển không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí ngoài trời gắn với các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa lịch sử đặc sắc của tỉnh, các khu vực, địa điểm có điều kiện thuận lợi phát triển các khu nghỉ dưỡng, khu thể thao giải trí ngoài trời phục vụ phát triển du lịch và nhu cầu trong tỉnh, vùng Thủ đô Hà Nội, các khu vực xung quanh. Ưu tiên phát triển các khu du lịch theo hướng liên kết không gian du lịch vùng, các địa phương xung quanh, kết nối hình thành các tuyến, tour du lịch liên vùng (Hà Nội- Bắc Ninh- Bắc Giang- Lạng Sơn, Hà Nội- Bắc Giang- Quảng Ninh- Hà Nội, Hà Nội- Quảng Ninh- Bắc Giang- Hà Nội, Thái Nguyên- Bắc Giang- Quảng Ninh,...). Phát triển 5 không gian du lịch:

(1) Không gian du lịch Tây Yên Tử (Tả ngạn sông Lục Nam), bao gồm một phần huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động - khu vực phía Đông tỉnh.

Phát triển du lịch tâm linh, hành hương, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dã ngoại, kết hợp du lịch cộng đồng, phân bố không gian các khu vực du lịch, nghỉ dưỡng chính gồm:

- Hệ thống các di tích theo con đường bộ hành của Phật tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, gồm chùa Vĩnh Nghiêm, Bát Nhã, Hàm Long, Nam Biền, Đám Trì,

Hòn Tháp, Hòn Trứng, Mã Yên, Hồ Bắc, Khả Lã, suối Mỡ, Am Vãi và Khu Đồng Thông và phụ cận. Khu trung tâm du lịch: thuộc khu vực Thị trấn Tây Yên Tử (Sơn Động);

- Khu suối Nước Vàng (xã Lục Sơn, huyện Lục Nam);
- Khu suối Mỡ (xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam);
- Khu bảo tồn thiên nhiên Khe Rỗ (xã Vĩnh An, huyện Sơn Động);
- Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (Trung tâm thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động);
- Thác Ba tia (thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động);
- Khu cao nguyên Đồng Cao (xã Phúc Sơn, Vân Sơn, huyện Sơn Động);
- Khu hồ Khe Chảo (xã Long Sơn, huyện Sơn Động);
- Khu núi Am Vãi (xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn).

(2) Không gian du lịch sinh thái nông nghiệp, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí (Hữu nghị sông Lục Nam, tả ngạn sông Thương), gồm huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang - khu vực phía Đông Bắc tỉnh.

Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, thể thao giải trí gắn với cảnh quan sinh thái hồ, rừng, kết hợp du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái vườn đồi cây ăn quả đặc sản. Phân bố không gian các khu vực du lịch, nghỉ dưỡng, gồm:

- Khu hồ Khuôn Thần (xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn): trung tâm du lịch khu vực;
- Khu hồ suối Nứa (xã Đông Hưng, huyện Lục Nam);
- Khu hồ Làng Thum (xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn);
- Khu hồ Hồ Cao (xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang);
- Khu sinh thái vườn Cò (xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang);
- Cây Dã Hương nghìn năm tuổi (xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang);
- Khu trung tâm du lịch sinh thái vườn đồi cây ăn quả đặc sản kết hợp du lịch cộng đồng - Lục Ngạn: khu vực các xã Quý Sơn, Trù Hựu, Tân Mộc, Hồng Giang, Giáp Sơn.

(3) Không gian du lịch gắn với Khởi nghĩa Yên Thế (hữu nghị sông Thương-tả ngạn sông Cầu), gồm huyện Yên Thế, huyện Tân Yên - khu vực phía Tây Bắc tỉnh.

Phát triển du lịch thăm quan di tích lịch sử, văn hóa kết hợp du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, ẩm thực đặc sản. Phân bố không gian các khu vực tập trung du lịch, gồm:

- Khu quần thể di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Khởi nghĩa Yên Thế (23 di tích được công nhận, trong đó 21 di tích thuộc huyện Yên Thế, Tân Yên; 2 di tích thuộc Yên Dũng, Việt Yên);
- Khu lưu niệm Sáu điều Bác dạy Công an nhân dân (thị trấn Nhã nam, huyện

Tân Yên);

- Đồi văn nghệ kháng chiến (xã Quang Tiến, huyện Việt Yên);
- Khu thác Ngà - Bản Ven (xã Xuân Lương, huyện Yên Thế);
- Khu núi Dành (xã Liên Chung, Việt Lập, huyện Tân Yên);
- Khu sinh thái hồ Cầu Rễ (xã Tam Tiến, huyện Yên Thế);
- Khu hồ Suối Cáy (xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế);

(4) Không gian văn hóa Quan họ, lịch sử ATK (Nam hữu ngạn sông Thương-tả ngạn sông Cầu), gồm huyện Việt Yên, Hiệp Hòa - khu vực Tây Nam tỉnh.

Phát triển du lịch văn hóa nghệ thuật, thăm quan di tích, đình chùa gắn với an toàn khu; làng nghề, du lịch sinh thái, thể thao giải trí gắn với không gian cảnh quan sinh thái vùng đồng bằng xen gò đồi sông Cầu, sông Thương. Phân bố không gian các khu vực tập trung du lịch, gồm:

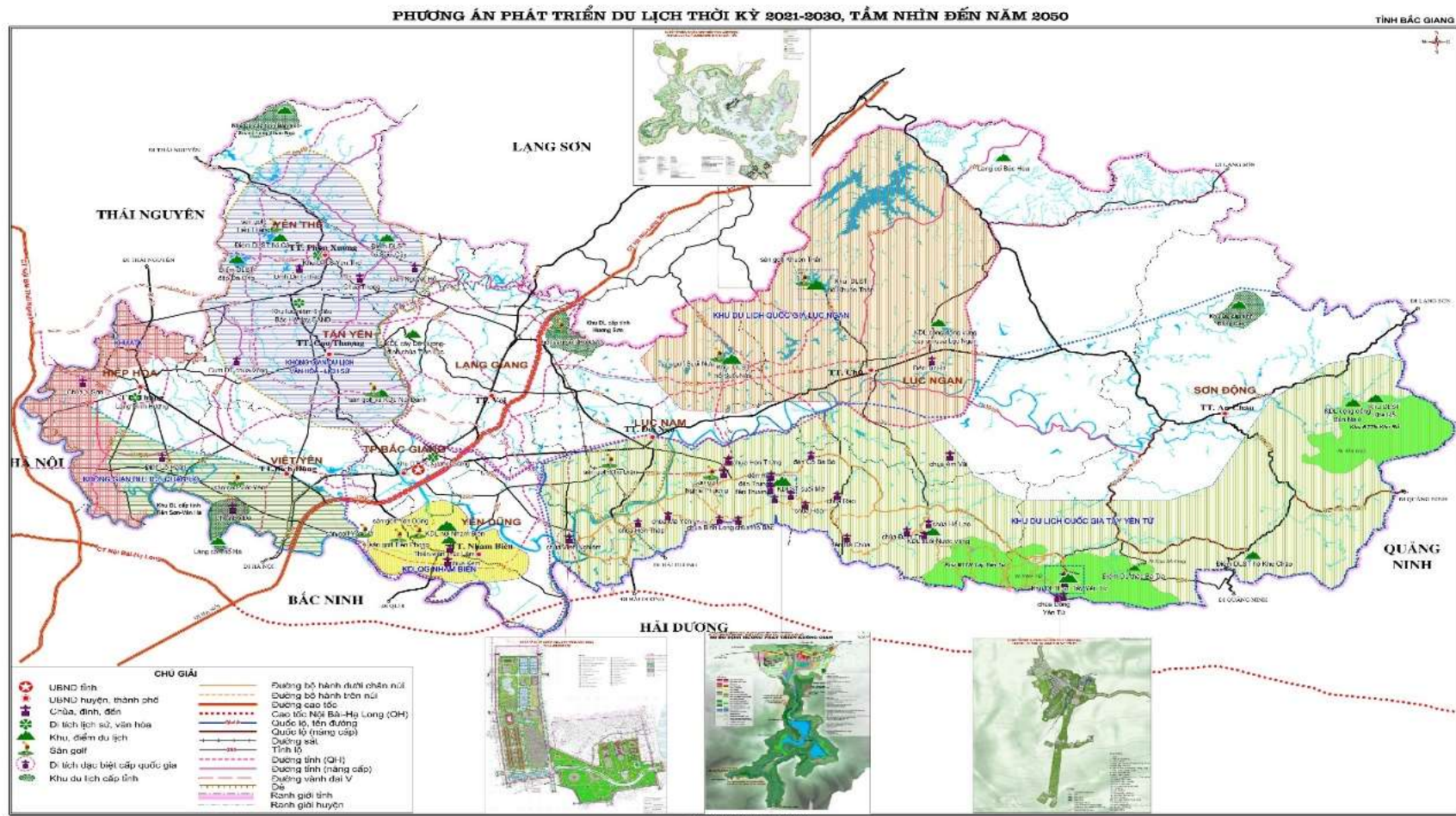
- Khu làng Quan họ, Ca trù Bắc Giang ven sông Cầu;
- Khu chùa Bồ Đà - Di tích quốc gia đặc biệt (xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên);
- Đình Lỗ Hạnh - Di tích quốc gia, danh xưng đệ nhất Kinh Bắc (xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa);
- Đền Y Sơn (xã Hòa Sơn, - Hiệp Hòa), Đình Xuân Biều - Nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đầu tiên của cả nước (xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa);
- Làng nghề Thổ Hà, gắn với rượu làng Vân (xã Vân Hà, huyện Việt Yên);

(5) Không gian dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí, lịch sử, tâm linh, nghỉ dưỡng (tả ngạn sông Cầu, tả - hữu sông Thương), bao gồm thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng - khu vực trung tâm và phía Nam tỉnh.

Phát triển du lịch văn hóa, thể thao giải trí, du lịch mua sắm, ẩm thực, trung tâm cung ứng các dịch vụ du lịch, kết nối thu, phát, trung chuyển các tua du lịch trong tỉnh và liên vùng, du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí gắn với núi Nham Biền, đồi Quảng Phúc. Các khu vực tập trung hoạt động du lịch, gồm:

- Khu di tích quốc gia đặc biệt Chiến thắng Xương Giang - Đền Xương Giang; chùa Kem; Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng (thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng)
- Khu phố du lịch: hình thành khu phố du lịch, phố ẩm thực, phố đi bộ chợ đêm, bán đồ lưu niệm, đặc sản địa phương và vùng miền.
- Khu đô thị công viên sinh thái, thể thao, giải trí Nham Biền (bao gồm cả khu vực xã Tân Tiến và dãy núi Nham Biền nhìn ra sông Thương).
- Sân golf dịch vụ Yên Dũng, sân golf Yên Hà (xã Tiên Phong, Yên Lư, huyện Yên Dũng; Vân Trung huyện Việt Yên).
- Khe Hang Dầu (thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng).

Hình 31: Bản đồ không gian phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050



2. Quy hoạch phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm

2.1. Quy hoạch phát triển các khu du lịch Quốc gia:

Giai đoạn 2021-2030, tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư, xây dựng 3 khu du lịch có quy mô lớn, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia⁵, gồm:

(1) Khu du lịch Tây Yên Tử - theo dấu chân Phật tổ thiên phái Trúc Lâm Yên Tử:

- Lý do lựa chọn: Hiện nay nhu cầu du lịch tâm linh, sinh thái đang tăng nhanh. Miền đất Bắc Giang là nơi gắn liền với Thiên phái Trúc Lâm do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập; đây là đặc trưng riêng có của Bắc Giang. Các di tích của khu du lịch nằm phía Tây của dãy núi Yên Tử thuộc cánh cung Đông Triều hùng vĩ, nơi có chùa Đồng ở độ cao 1.068m và khu Bảo tồn thiên nhiên Yên Tử với cánh rừng nguyên sinh có nhiều giá trị bảo tồn, sinh thái. Khu du lịch có Chùa Vĩnh Nghiêm, được hình thành từ thế kỷ thứ XI, từng là nơi đặt trụ sở của thiên phái Trúc Lâm Tây Yên Tử, di tích đã được công nhận di tích quốc gia đặc biệt; 3.050 mộc bản bằng chữ Hán Nôm đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khu du lịch tâm linh, sinh thái Tây Yên Tử với quy mô trên 136ha, vốn đầu tư gần 1.500 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu 1,2 triệu khách/năm, đã khánh thành giai đoạn 1, có hệ thống cáp treo lên chùa Đồng; các di tích như chùa Bát Nhã, Am Vãi, Hòn Tháp, Hòn Trùng, Mã Yên, Hồ Bắc,... đã và đang được khảo cổ và định hướng phục dựng thời gian tới. Trên tuyến có khu du lịch sinh thái Suối Mỡ với trên 1.000 ha đất rừng đặc dụng có thảm thực vật phong phú, thiên nhiên ưu đãi với những dòng thác nước chảy quanh năm, các di tích gắn với truyền thuyết Công chúa Quế My Nương thời Hùng Vương, đây là địa điểm có nhiều tiềm năng phát triển du lịch. Những năm gần đây các di tích của khu du lịch hàng năm đã đón hàng trăm lượt khách du lịch; với chủ trương tiếp tục khai thác các tiềm năng du lịch, khu du lịch được phát triển, để trở thành khu du lịch quốc gia.

- Tính chất của khu du lịch: Khu du lịch tâm linh, sinh thái gắn với con đường bộ hành của Phật hoàng Trần Nhân Tông.

- Quy mô: Quy hoạch khu du lịch cơ bản bám theo ĐT293 (đường Tây Yên Tử), với hệ thống các di tích gắn với con đường Hoàng dương pháp của Phật hoàng Trần Nhân Tông. Khu du lịch với chuỗi các di tích chùa Vĩnh Nghiêm, Bát Nhã, Hàm Long, Nam Biêng, Đám Trì, Hòn Tháp, Hòn Trùng, Mã Yên, Hồ Bắc, Khả Lã, suối Mỡ, Am Vãi, Tây Yên Tử; khu du lịch nằm trên địa bàn các xã Trí Yên, huyện Yên

⁵Điều 13, Nghị định 168/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 quy định điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia, gồm: Có ít nhất 02 tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên du lịch cấp quốc gia; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực. Có trong danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ chất lượng cao, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm: Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 500.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 300.000 lượt khách lưu trú mỗi năm, trong đó có cơ sở lưu trú du lịch được công nhận hạng từ 4 sao trở lên... Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường..."

Dũng; xã Chu Điện, Khám Lạng, Thị trấn Đồi Ngô, Cẩm Lý, Cương Sơn, Huyền Sơn, Nghĩa Phương, Vô Tranh, Trường Sơn, Bình Sơn, Lục Sơn, huyện Lục Nam; xã Nam Dương, Tân Mộc, huyện Lục Ngạn; thị trấn Tây Yên Tử, xã Thanh Luận, huyện Sơn Động; quy mô vùng trên 95.000 ha.

- Định hướng đầu tư:

+ Đầu tư tôn tạo hệ thống chùa tháp cổ gắn với con đường Hoàng dương Phật pháp thiền phái Trúc Lâm Yên Tử; Tôn tạo cảnh quan các danh thắng Suối Mỡ, Suối nước vàng, các điểm cảnh quan...khôi phục một phần con đường bộ hành theo tư liệu cổ thời Lê Trung Hưng chạy dọc vòng cung Đông Triều thuộc sườn Tây Yên Tử - Bắc Giang với tư tưởng chủ đạo của các hoạt động du lịch là Nhập thế, gắn kết các hoạt động trải nghiệm với tu dưỡng bản thân, rèn luyện ý trí và tinh thần đồng đội (có thể phát triển các loại hình du lịch chekking, teambuilding kết hợp nghỉ dưỡng, golf, trải nghiệm nghề thủ công...ở khu vực biên, ngoài vùng lõi di sản).

+ Khu vực lõi là Con đường bộ hành đi qua các di tích: chùa Hòn Tháp, chùa Mã Yên, chùa Bình Long, chùa Hồ Bắc, chùa Đám Trì và các di tích vệ tinh trong khu vực (khoảng cách mỗi trạm khoảng 8-10 km). Khu vực lõi tập trung hướng hoạt động du lịch gắn với các hoạt động tu thiền, truyền tải những triết lý, tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (gắn đạo với đời, tu dưỡng bản thân...) để phát triển con người, hướng đến mục tiêu tiếp tục Hoàng dương Phật pháp Trúc lâm Yên Tử. Đây là khu vực hạn chế phát triển các loại hình dịch vụ giải trí để tạo giá trị riêng (một số hoạt động tại các trạm: chép kinh, tu thiền, quét dọn các điểm chùa, ăn chay, nghe giảng đạo Phật...).

+ Khu vực biên bao gồm các điểm, khu du lịch dọc tuyến đường tỉnh 293: Thu hút đầu tư phát triển các dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp, các dịch vụ giải trí xanh, thân thiện.

Bảng 6: Quy hoạch các điểm thuộc Khu du lịch Tây Yên Tử

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư (cải tạo hoặc xây dựng mới)	Quy mô	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)
	Khu du lịch quốc gia Tây Yên Tử				807,29
1	Chùa Vĩnh Nghiêm	Đầu tư mở rộng		Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng	40
2	Điểm du lịch Tâm linh, sinh thái Tây Yên Tử	Đầu tư chuyển tiếp	Quy hoạch cấp Quốc gia; Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 (Khách sạn 4 sao, Nhà hàng ăn uống lưu niệm, Khu vui chơi giải trí..)	Thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động	190

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư (cải tạo hoặc xây dựng mới)	Quy mô	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)
3	Chùa Bát Nhã	Phục dựng		Xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	67,39
4	Chùa Mã Yên	Phục dựng		Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	4,8
5	Chùa Hòn Tháp	Phục dựng		Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	4,9
6	Chùa Hòn Trứng	Phục dựng		Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	4,7
7	Chùa Chòi Xoan	Phục dựng		Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	5,0
8	Đền Quan Tuàn	Phục dựng		Xã Nghĩa Phương huyện Lục Nam	4,8
9	Chùa Hóa	Phục dựng		Xã Vô tranh- Lục nam	4
10	Chùa Rào	Phục dựng		Xã Vô tranh- Lục nam	4
11	Chùa Hồ Bắc	Phục dựng	Khu nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	4,9
12	Đền cô bé Bò	Phục dựng		Xã Vô Tranh- Lục nam	4
13	Đền Bà Chúa	Phục dựng		Xã trường Sơn- Lục Nam	4
14	Khu du lịch suối Mỡ	Đầu tư mở rộng	Khu dịch vụ thương mại, khách sạn, nhà hàng ...	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	40

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư (cải tạo hoặc xây dựng mới)	Quy mô	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)
15	Khu du lịch suối Nước Vàng, thác giót, lái cò, khe Nghè gắn với du lịch cộng đồng	Đầu tư mới	Xây dựng nhà trưng bày, bán sản phẩm địa phương; Nhà hàng ăn uống; Du lịch phượt; Xây dựng nhà du lịch cộng đồng.	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	4,8
16	Sân golf và nghỉ dưỡng	Đầu tư mới	Sân golf; khu vui chơi giải trí thể thao	Xã Chu Điện, Khám Lạng, Yên Sơn, huyện Lục Nam	140
17	Sân golf và nghỉ dưỡng	Đầu tư mới	Sân golf; khu vui chơi giải trí thể thao	xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	275
18	Điểm dịch vụ du lịch trên con đường bộ hành	Đầu tư mới	Xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch (trạm dừng nghỉ, nhà hàng ăn uống...) phục vụ khách du lịch	Khu vực các điểm chùa, Lục Nam, Sơn Động	5

(2) Khu du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí Lục Ngạn với trung tâm hồ Khuôn Thần

- Lý do lựa chọn: Hiện nay nhu cầu du lịch đến với thiên nhiên, vui chơi, giải trí đang phát triển mạnh. Huyện Lục Ngạn là huyện miền núi của tỉnh, có điều kiện thiên nhiên ưu đãi, đây là vùng cây ăn quả tập trung với diện tích vài triệu trên 15 nghìn ha, lớn nhất cả nước; vào mùa thu hoạch thu hút lượng lớn khách du lịch tham quan các miệt vườn; du lịch cộng đồng cũng đang được du khách quan tâm khám phá văn hóa các dân tộc ít người trên địa bàn. Đặc biệt hồ Khuôn Thần với diện tích mặt nước trên 145 ha, bao quanh là trên 800 ha rừng phòng hộ, trong hồ có nhiều đảo lớn, nhỏ trồng thông có tuổi trên 20 năm, phong cảnh hữu tình; hiện nay Tập đoàn FLC đang phối hợp với tỉnh Bắc Giang lập quy hoạch, đầu tư dự án khu nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí với diện tích khoảng 873 ha, tổ chức thành 7 khu chức năng, gồm: Khu đô thị và nghỉ dưỡng ven hồ (82,57 ha); khu đô thị sinh thái, biệt thự trên đồi và công viên chuyên đề (141,63 ha); khu trung tâm du lịch nghỉ dưỡng và sân golf (180,15 ha); khu ở - khu công viên vui chơi mạo hiểm (92,92 ha); khu ở - khu safari, công viên chuyên đề (148,72 ha); khu du lịch nghỉ dưỡng (47,19 ha); khu hồ Khuôn Thần (34,33 ha); đây sẽ là dự án tạo đột phá phát triển của vùng. Ngoài ra, huyện Lục Ngạn còn nhiều tiềm năng du lịch khác như hồ Cẩm Sơn diện tích trên 2.600 ha; chùa Am Vãi (xã Nam Dương) gắn với lịch sử thiền phái Trúc Lâm Tây Yên Tử ... sẽ là tiềm năng phát triển mạnh du lịch trong thời gian tới để trở thành khu du lịch quốc gia.

- Tính chất của khu du lịch: Khu du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí Lục Ngạn với khu vực trung tâm hồ Khuôn Thần.

- Quy mô: Đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí Lục Ngạn với khu vực trung tâm hồ Khuôn Thần nằm trên địa bàn xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn với diện tích 873 ha; điểm du lịch cộng đồng gắn với văn hóa các dân tộc thiểu số huyện Lục Ngạn.

Bảng 7: Quy hoạch các điểm thuộc Khu du lịch Lục Ngạn

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư (cải tạo hoặc xây dựng mới)	Quy mô	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)
1	Khu du lịch hồ Khuôn Thần	Đầu tư mới	Khu đô thị và nghỉ dưỡng ven hồ (82,57 ha); khu đô thị sinh thái, biệt thự trên đồi và công viên chuyên đề (141,63 ha); khu trung tâm du lịch nghỉ dưỡng và sân golf (180,15 ha); khu ở - khu công viên vui chơi mạo hiểm (92,92 ha); khu ở - khu safari, công viên chuyên đề (148,72 ha); khu du lịch nghỉ dưỡng (47,19 ha); khu hồ Khuôn Thần (34,33 ha).	Xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn	873
2	Vùng cây ăn quả huyện Lục Ngạn			Huyện Lục Ngạn	

(3) Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí núi Nham Biền

- Lý do lựa chọn: Hiện nay nhu cầu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí đang phát triển mạnh. Dãy núi Nham Biền dài khoảng 12km với 99 ngọn núi nhấp nhô, ngọn núi cao nhất là Non Vua cao khoảng 300m, dãy núi nhìn sang thành phố Bắc Giang và sông Thương thơ mộng, cách Hà Nội 40km; dãy núi gắn với truyền thuyết “đất phượng hoàng bay”, các huyền tích lịch sử như các núi: Non Vua, Vua Bà, Ông Lão, Bành Kiệu, Cột Cờ, Hàm Long, Mâm Xôi, chùa Kem; cảnh quan rừng phòng hộ bạt ngàn, khí hậu mát mẻ, rất phù hợp phát triển du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí. Hiện nay, khu vực có Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1; dự án sân golf dịch vụ Yên Dũng 36 hố, diện tích gần 190 ha, vốn đầu tư trên 1.600 tỷ đồng, đã hoàn thành giai đoạn 1 và đi vào hoạt động; dự án khu du lịch sinh thái khe Hang Dầu đã được phê duyệt chủ trương đầu tư với quy mô trên 50ha, vốn đầu tư gần 500 tỷ đồng, hiện nay đang triển khai thi công; một số nhà đầu

tư tiềm năng như SunGroup, VinGroup đang khảo sát để đầu tư khu nghỉ dưỡng, đô thị, vui chơi, giải trí, thể thao trên núi ... Đây là khu vực có tiềm năng rất lớn để phát triển trở thành khu du lịch quốc gia.

- Tính chất và quy mô khu du lịch: Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí; khu du lịch nằm trên địa bàn Thị trấn Nham Biền, xã Yên Lư, Tiên Phong, Tân Liễu, huyện Yên Dũng; xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang; quy mô vùng trên 8.000 ha.

Bảng 8: Quy hoạch các điểm Khu du lịch Nham Biền

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư (cải tạo hoặc xây dựng mới)	Quy mô	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)
	Khu du lịch quốc gia Nham Biền				1.925,17
1	Khu du lịch sinh thái khe hang đầu	Đầu tư mới	Khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng; Trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, , nhà hàng ăn uống; công trình tôn giáo thiền, Yoga...	Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	54
2	Chùa Kem	Phục dựng		Xã Nham Sơn- Yên Dũng	2,9
3	Thiền viện trúc lâm phượng Hoàng (giai đoạn 2)	Chuyển tiếp	Cơ sở tôn giáo	Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	18
4	Khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao Nham Biền	Đầu tư mới	Xây dựng khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, đô thị sinh thái, thương mại, khách sạn, nghỉ dưỡng, casino	Xã Tân Liễu, Tiên Phong, h. Yên Dũng; xã Tân Tiến, Đồng Sơn, TP. Bắc Giang	1.500
5	Điểm du lịch sân golf dịch vụ Yên Dũng	Chuyển tiếp	Sân golf 36 hố; Biệt thự nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí thể thao	Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng	150,27
6	Sân golf thôn Yên Hà	Đầu tư mới	Sân golf 36 hố; Biệt thự nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí thể thao	Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng; xã Vân Trung,	200

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư (cải tạo hoặc xây dựng mới)	Quy mô	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)
				huyện Việt Yên	

2.2. Quy hoạch phát triển các khu, điểm du lịch cấp tỉnh

Giai đoạn 2021-2030, tỉnh Bắc Giang tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư, xây dựng 4 khu du lịch cấp tỉnh⁶ gồm:

(1) Khu du lịch văn hóa, vui chơi giải trí Đồng Cao, xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động, quy mô khu du lịch trên 1.000ha. Khu Đồng Cao là được ví như cao nguyên nhỏ, nằm ở độ cao gần 1.000m so với mặt nước biển, khí hậu quanh năm mát mẻ cùng hệ thống đá độc đáo, hang Vua trong lòng núi, cảnh quan nguyên sơ, rất phù hợp phát triển du lịch leo núi, thể thao mạo hiểm, cắm trại, cộng đồng ...

(2) Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa Bản Ven - Xuân Lung - Thác Ngà, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, quy mô khu du lịch trên 1.000 ha. Khu vực có trên 400ha rừng tự nhiên, điểm du lịch cộng đồng Bản Ven gắn với văn hóa vùng đồng bào dân tộc Cao Lan, chè Bản ven; khu Xuân Lung với cây Lim cổ thụ, Thác Ngà... phù hợp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, cộng đồng.

(3) Khu du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái nghỉ dưỡng Tiên Sơn - Vân Hà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, quy mô khu du lịch trên 1.000 ha. Khu vực bao gồm chùa Bồ Đà, di tích quốc gia đặc biệt; khu thương mại, dịch vụ, nghỉ dưỡng cạnh chùa Bồ Đà; làng nghề Vân Hà, Thổ Hà, xã Vân Hà; văn hóa quan họ ... phù hợp phát triển du lịch tâm linh, trải nghiệm văn hóa truyền thống kết hợp nghỉ dưỡng.

(4) Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Hương Sơn, huyện Lạng Giang, quy mô trên khu du lịch khoảng 1.000 ha. Khu vực có hồ Hồ Cao và đập Đá Đen có tiềm năng rất lớn về sinh thái, phù hợp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, các hoạt động vui chơi, giải trí, thể thao golf...

⁶Điều 12, Nghị định 168/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 quy định điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh, gồm: Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực. Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm: Có hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch; Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm; Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan; Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch. Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường...”

Bảng 9: Quy hoạch các khu du lịch cấp tỉnh

TT	Danh mục	Hình thức đầu tư (cải tạo hoặc xây dựng mới)	Địa điểm (thôn, xã, huyện)	Diện tích quy hoạch (ha)
1	Khu du lịch văn hóa Đồng Cao	Đầu tư mới	Xã Thạch Sơn, huyện Sơn Động	1.000
2	Khu du lịch Tiên Sơn - Vân Hà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	Đầu tư mới	Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	1.000
3	Khu du lịch bản Ven, Xuân Lung, Thác Ngà		Xã Xuân Lương, huyện Yên Thế	1.000
4	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Hương Sơn; sân golf	Đầu tư mới	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	1.000

2.3. Quy hoạch khu chức năng dịch vụ tổng hợp sân golf và nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí đến năm 2030

Quy hoạch 11 khu chức năng tổng hợp sân golf và nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, trong đó:

a) Sân golf và nghỉ dưỡng đang triển khai thực hiện (03 sân golf):

(1) Khu sân golf và dịch vụ Yên Dũng tại xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng; quy mô 36 hố, diện tích 150,27 ha, đã khai thác giai đoạn 1 (18 hố), đang đầu tư giai đoạn 2.

(2) Khu sân golf Việt Yên tại các xã Hương Mai và Trung Sơn, huyện Việt Yên; quy mô 36 hố, diện tích 140ha (Quyết định 835/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó: Diện tích đất sân golf là 136,82ha, còn lại là đất dịch vụ đô thị.

(3) Khu sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang tại các xã Chu Điện, Khám Lạng và Yên Sơn, huyện Lục Nam; quy mô 36 hố, diện tích 140ha (Quyết định 838/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó: Diện tích đất sân golf là 96,9ha, còn lại là đất dịch vụ đô thị.

b) Bố trí quy hoạch mới 08 khu chức năng tổng hợp sân golf và nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí:

(1) Khu sân golf và nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Khuôn Thần tại xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn: Diện tích 873 ha, trong đó diện tích đất sân golf là 81,5ha, đất du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ, vui chơi giải trí, đô thị 791,5 ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, cạnh hồ Khuôn Thần, cảnh đẹp, rừng bao bọc; Tỉnh Bắc Giang xác định khu vực hồ Khuôn Thần sẽ hình thành khu du lịch quốc gia, với tính chất là khu du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí hàng đầu, trong đó sân golf là một hạng mục đầu tư quan trọng.

(2) Khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao Nham Biền, tại các xã Tân Liễu, Tiên Phong, huyện Yên Dũng; xã Tân Tiến, Đông Sơn, thành phố Bắc Giang. Quy mô 1.500 ha. Tính chất của khu phát triển các dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao (golf), khu đô thị sinh thái ... Đây là khu vực gồm đất nông nghiệp, đất rừng; dự kiến phát triển trở thành một phần khu du lịch quốc gia Nham Biền. Khu vực nối liền nội thị thành phố Bắc Giang, 2 bên dòng sông Thương với dãy Nham Biền... do đó rất có tiềm năng thu hút đầu tư, phát triển khu dịch vụ tổng hợp.

(3) Khu sân golf và nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Cao tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang: Diện tích 420 ha, trong đó diện tích đất sân golf là 75,38 ha, đất dịch vụ, du lịch vui chơi giải trí, đô thị 344,62ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, cạnh hồ Hồ Cao, cảnh đẹp, rừng bao bọc, dự kiến sẽ hình thành khu du lịch cấp tỉnh với tính chất là khu du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí, trong đó có sân golf.

(4) Khu sân golf và nghỉ dưỡng Lục Nam tại xã Đông Hưng, huyện Lục Nam: Diện tích 534 ha (bao gồm cả khu tâm linh sinh thái Cai Vàng), trong đó đất sân golf 82,21 ha, còn lại đất dịch vụ đô thị và quy hoạch đất khác. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, cạnh hồ suối Nứa, cảnh đẹp, rừng bao bọc; Tỉnh đang đầu tư tuyến đường kết nối QL31 với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đi qua, có thể phát triển thành khu du lịch, nghỉ dưỡng, thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf.

(5) Sân golf Yên Thế tại xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế: Diện tích 210ha, trong đó đất sân golf là 180ha, đất dịch vụ đô thị 30ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, xung quanh cạnh hồ Cầu Rễ, có cảnh quan đẹp, có tiềm năng lớn để thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf.

(6) Sân golf và khu nghỉ dưỡng tại Núi Dành, xã Liên Chung, huyện Tân Yên: Diện tích 200ha, trong đó đất sân golf là 160ha, đất du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ, đô thị 40ha. Đây là khu vực có cảnh quan đẹp, tiềm năng để phát triển thành khu du lịch với các dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, golf.

(7) Sân golf Yên Hà tại xã Yên Lư, huyện Yên Dũng và xã Vân Trung, huyện Việt Yên: Diện tích 200 ha, trong đó đất sân golf là 145 ha, đất dịch vụ đô thị, đất quy hoạch khác 55ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, gần các KCN tập trung của tỉnh, đường vành đai IV kéo dài kết nối với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; nằm trong quy hoạch khu du lịch quốc gia Nham Biền; có tiềm năng lớn để thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf.

(8) Khu sân golf và nghỉ dưỡng Lục Nam tại xã Cương Sơn, Nghĩa Phương, huyện Lục Nam: Diện tích 200 ha, trong đó sân golf là 160ha, đất dịch vụ đô thị, đất quy hoạch khác 40ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, gần thị trấn Đồi Ngô, cạnh đường tỉnh 293 trên tuyến du lịch Tây Yên Tử, dự kiến phát triển trở thành khu du lịch quốc gia. Khu vực phát triển tập trung các KCN lớn nhất của tỉnh gồm KCN Yên Sơn, Bắc Lũng, Vũ Xá, Cẩm Lý... do đó rất có tiềm năng thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf gắn với du lịch và nhu cầu thể thao, giải trí nhà đầu tư.

Bảng 10: Quy hoạch sân golf giai đoạn 2021-2030

stt	Danh mục	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Nhu cầu mở rộng thêm đến năm 2030 (ha)
	Tổng số		1448,08	77,8	1370,28
1	Mở rộng sân golf Tiên Phong	Xã Tiên Phong- huyện yên Dũng	150,27	77,8	72,47
2	Sân golf Việt Yên	Xã Hương Mai, Trung Sơn- Việt Yên	136,82		136,82
3	Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang	Xã Chu Điện, Khám Lạng, Yên Sơn, huyện Lục Nam	96,9		96,9
4	Sân golf Khuôn Thần	Xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn	81,5		81,5
5	Sân golf Nham Biền	Tân Liễu, Tiên Phong, huyện Yên Dũng; xã Tân Tiến, Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang	180		180
6	Sân golf Hồ Cao	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	75,38		75,38
7	Sân golf Suối Nứa	Xã Đông Hưng, xã Đông Phú- huyện Lục Nam	82,21		82,21
8	Sân golf Tiên Thắng	Xã Tiên Thắng, xã Tam Tiến Yên Thế	180		180
9	Sân golf Núi Dành	Xã Liên Chung, Việt Lập huyện Tân Yên	160		160

10	Sân golf Yên Hà	Huyện Yên Dũng	145		145
11	Sân golf Cương Sơn - Nghĩa Phương	Xã Cương Sơn, Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	160		160

2.4. Các khu, điểm du lịch cộng đồng

Quy hoạch 07 điểm du lịch cộng đồng, gồm có:

(1) Điểm du lịch cộng đồng xã Vĩnh An (huyện Sơn Động): Homestay; tham quan bản làng tìm hiểu văn hóa, đời sống; trekking và tham gia trải nghiệm vào hoạt động sản xuất làm nương, nấu ăn...cùng người dân; tham gia các trò chơi dân gian và biểu diễn văn nghệ truyền thống...

(2) Điểm du lịch cộng đồng bản Đòng Cao, Bản Mậu (huyện Sơn Động): Homestay; tham quan bản làng tìm hiểu văn hóa, đời sống; trekking và tham gia trải nghiệm vào hoạt động sản xuất làm nương, nấu ăn...cùng người dân; tham gia các trò chơi dân gian và biểu diễn văn nghệ truyền thống...

(3) Điểm du lịch cộng đồng Bản Ven, Bản Xoan (xã Xuân Lương, huyện Yên Thế): Homestay; tham quan bản làng tìm hiểu văn hóa, đời sống; trekking và tham gia trải nghiệm vào hoạt động sản xuất hái chè, sao chè,...cùng người dân; tham gia các trò chơi dân gian và biểu diễn văn nghệ truyền thống...

(4) Điểm du lịch cộng đồng làng cổ Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên: Homestay; tham quan bản làng tìm hiểu văn hóa, đời sống; tham gia các trò chơi dân gian và biểu diễn văn nghệ truyền thống, tham quan nhà cổ, tham quan làng nghề,...

(5) Điểm du lịch cộng đồng khu vực hồ Cẩm Sơn (thôn Bắc Hoa, xã Tân Sơn; 04 xã: Cẩm Sơn, Tân Sơn, Hộ Đáp và Sơn Hải, huyện Lục Ngạn): Homestay, tham quan bản làng tìm hiểu văn hóa, đời sống du thuyền trên hồ Cẩm Sơn; tham gia các trò chơi dân gian và biểu diễn văn nghệ truyền thống,...

(6) Điểm di lịch cộng đồng gắn với vùng cây ăn quả, tham quan bản làng tìm hiểu văn hóa đời sống các xã: Thanh Hải, Quý Sơn, Tâm Mộc, Mỹ An, Trù Hựu, huyện Lục Ngạn.

(7) Điểm du lịch cộng đồng bản Khe Nghè (huyện Lục Nam): Homestay; tham quan bản làng tìm hiểu văn hóa, đời sống; tham gia các trò chơi dân gian và biểu diễn văn nghệ truyền thống,...

2.5. Quy hoạch các khu, điểm du lịch khác

(1) Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế (thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế): Các sản phẩm du lịch chính du lịch lịch sử - văn hóa, du lịch lễ hội, du lịch tâm linh, du lịch giáo dục cộng đồng. Định hướng phát triển thực hiện theo Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gồm: đền Phồn Xương, đền Thè, chùa Lèo, đền Cầu Khoai, đền Hồ Chuôi, đền Hom, đình Dinh thếp, chùa Thông, động Thiên Thai...

(2) Di tích lịch sử động Thiên Thai (xã Hồng Kỳ - huyện Yên Thế): Du lịch lịch sử - văn hóa, du lịch lễ hội, du lịch tâm linh, du lịch giáo dục cộng đồng.

(3) Các di tích lịch sử văn hóa: đền Nguyệt Hồ (xã Hương Vỹ), đền Trắng, đền Thượng (xã Đông Sơn), Đền Cô (đền Cầu Khoai - xã Tam Hiệp): Du lịch lễ hội, du lịch tâm linh gắn với đền chùa.

(4) Các điểm du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng: Hồ Cầu Dẽ, hồ Đá Ong (xã Tiến Thắng), hồ Suối Cây (xã Đồng Hưu), hồ Ngọc Hai (xã Xuân Lương), hồ Quỳnh (xã Canh Nậu, Tam Tiến), đập dâng sông Sỏi Ba Mẫu (Tam Hiệp), hồ Suối Ngà 2.

(5) Các điểm du lịch sinh thái làng nghề: Các làng nghề chế biến chè (Xuân Lương), nuôi ong lấy mật (xã Hồng Kỳ), làng nghề chè lam, bánh khảo (Tam Tiến),... Các khu tại xã Phồn Xương, Bồ Hạ, Khu trung tâm DTLH Hoàng Hoa Thám mở rộng

(6) Khu Di tích chiến thắng Xương Giang (TP Bắc Giang): Du lịch tham quan, du lịch tâm linh. Tiếp tục thực hiện đầu tư giai đoạn 2, đầu tư các hạng mục theo Quy hoạch được phê duyệt, phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt.

(7) Khu di tích đền Từ Hà (xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn) - Di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia: Sản phẩm du lịch lịch sử-văn hóa, du lịch lễ hội, du lịch tâm linh.

(8) Làng cổ Bắc Hoa (xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn): Quy hoạch bảo tồn. Sản phẩm chính là du lịch cộng đồng, tham quan nghỉ dưỡng.

(9) Khu du lịch sinh thái-nghỉ dưỡng hồ Suối Nứa (xã Đông Hưng, huyện Lục Nam: Đã lập quy hoạch chung xây dựng quy mô khoảng 706,5ha. Sản phẩm chính: du lịch tham quan nghỉ dưỡng, vui chơi-giải trí, du lịch dịch vụ.

(10) Điểm du lịch cây Dã Hương nghìn năm tuổi (huyện Lạng Giang): Sản phẩm du lịch tham quan, du lịch tâm linh. Thực hiện lập Quy hoạch mở rộng điểm du lịch cây Dã Hương nghìn năm tuổi gắn với đình, chùa Tiên Lục. Quy mô khoảng 150ha.

(11) Điểm du lịch tâm linh đền Cô Chí Miu và bà chúa Then (xã Hương Sơn, Lạng Giang).

(12) Điểm du lịch tham quan, homestay làng cổ, trồng hoa loa kèn, rau thôn Then, xã Thái Đào, Lạng Giang.

(13) Điểm du lịch sinh thái, tâm linh đình Phù Lão gắn với vườn cò xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang: 10 ha

(14) Điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đập Đá Đen (xã Hương Sen, Lạng Giang): 10 ha.

(15) Khu du lịch thác Ba Tia (xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động): Đã lập quy hoạch với quy mô khoảng 33 ha.

(16) Khu du lịch sinh thái hồ Khe Chảo (xã Long Sơn, huyện Sơn Động) .

(17) Khu di tích lịch sử văn hóa sinh thái Kim Bản (xã Dương Hưu, huyện Sơn Động).

(18) Khu di tích lịch sử văn hóa sinh thái xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động.

(19) Di tích khảo cổ tại xã Thanh Luận, huyện Sơn Động.

(20) Điểm du lịch Khe Râu (xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động) gắn với khu người dân tộc Dao.

3. Hệ thống lưu trú

Tổng số quy hoạch đến năm 2030 toàn tỉnh có 766 cơ sở lưu trú du lịch trong đó: Khách sạn 1 sao có 65; khách sạn 2 sao 52; khách sạn 3 sao 34; khách sạn 4 sao 15; khách sạn 5 sao có 03, với tổng số 12.777 buồng nghỉ.

Bảng 12: Hệ thống cơ sở lưu trú

Stt	Các chỉ tiêu	ĐV tính	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Tổng số cơ sở lưu trú du lịch	Cơ sở	596	766
1.1	<i>Khách sạn</i>	Cơ sở	102	169
	Khách sạn 5 sao	Cơ sở	2	3
	Khách sạn 4 sao	Cơ sở	8	15
	Khách sạn 3 sao	Cơ sở	18	34
	Khách sạn 2 sao	Cơ sở	33	52
	Khách sạn 1 sao	Cơ sở	41	65
1.2	<i>Nhà khách</i>	Cơ sở	1	1
1.3	<i>Nhà nghỉ</i>	Cơ sở	496	596
2	Tổng số buồng	Buồng	8.747	12.777

4. Sản phẩm du lịch

Phát triển theo 4 sản phẩm chính:

4.1. Du lịch văn hóa - tâm linh:

- Tiềm năng và cơ sở phát triển:

+ Trên địa bàn tỉnh có 731 di tích được xếp hạng, trong đó 4 di tích và cụm di tích quốc gia đặc biệt. Đặc biệt hệ thống di tích gắn liền với Thiên phái Trúc Lâm và mối liên kết với Yên Tử, Quảng Ninh – thương hiệu du lịch nổi tiếng.

+ Du lịch văn hóa tâm linh là một loại hình du lịch thu hút được nhiều khách du lịch nội địa.

+ Phát triển du lịch văn hóa tâm linh góp phần bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa.

- Nội dung khai thác phát triển sản phẩm du lịch gồm:

+ Du lịch tâm linh: Tiếp tục phát triển hoạt động tham quan, văn cảnh, hành hương, cầu may, tế lễ tại đình, chùa, đền trên địa bàn tỉnh: Khu du lịch tâm linh Sinh thái Tây Yên Tử, Chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, khu di tích lịch sử Chiến thắng

Xương Giang, khu di tích lịch sử chùa Am Vãi, Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng, Khu du lịch Suối Mỡ, đình Lỗ Hạnh....

+ Du lịch văn hóa: Tham quan nhà cổ tại làng cổ Thổ Hà; tìm hiểu, trải nghiệm (học hát quan họ, biểu diễn hát quan họ) và thưởng thức quan họ tại 18 làng quan họ cổ huyện Việt Yên; tìm hiểu, trải nghiệm và thưởng thức hát Soong hao, Sli lượn tại huyện Lục Ngạn; hát ca trù tại Hiệp Hòa; hầu đồng và hát văn tại Lục Nam, Yên Thế; dân ca Sán Chí, hát then tại các bản làng dân tộc huyện Lục Ngạn.

4.2. Du lịch lịch sử - văn hóa

- Tiềm năng và cơ sở phát triển:

+ Bắc giang là nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử, với nhiều di tích lịch sử nổi bật: Những di tích gắn với khởi nghĩa Yên Thế, ATK II Hiệp Hòa, Khu lưu niệm sáu điều Bác Hồ dạy công an nhân dân, khu di tích lịch sử Chiến thắng Xương Giang, Đồi văn nghệ kháng chiến gắn với khu lưu niệm nhà văn Nguyễn Hồng... Trong đó, nhiều di tích được công nhận di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia.

+ Những di tích gắn với khởi nghĩa Yên Thế.

+ Xu hướng phát triển loại hình du lịch về nguồn, giáo dục thể hệ trẻ.

- Nội dung khai thác:

+ Tham quan, tìm hiểu, tại các di tích: Những di tích gắn với khởi nghĩa Yên Thế, khu lưu niệm 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân gắn với chùa Tứ Giáp, An toàn khu II, khu di tích lịch sử Chiến thắng Xương Giang...

+ Tham gia các lễ hội, các trò chơi dân gian

+ Vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động trải nghiệm tại các khu di tích

+ Tham quan, tìm hiểu tại các bảo tàng, nhà lưu niệm.

4.3. Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái

Phát triển mô hình bungalow, biệt thự nghỉ dưỡng quy mô nhỏ gắn kết với thiên nhiên trên các đảo ven hồ Khuôn Thần, Tây Yên Tử, Xuân Lung – Thác Ngà, khu vực núi Nham Biền..., kết hợp các hoạt động du thuyền ngắm cảnh, tham quan hệ sinh thái hay các hoạt động dã ngoại cắm trại, câu cá... và mô hình khu biệt thự, nhà vườn cao cấp, biệt lập, bungalow kiến trúc gỗ, đá tại khu vực sườn núi.

- Du lịch sinh thái:

+ Du lịch sinh thái nông nghiệp vào mùa hoa vải, hoa bưởi; các vườn cây ăn quả như vải, cam, bưởi, na...(huyện Lục Ngạn, huyện Lục Nam) các hoạt động du lịch: Tham quan, chụp ảnh, mua sắm, trải nghiệm (thu hoạch hái quả).

+ Du lịch sinh thái (Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, suối Nước Vàng, huyện Lục Nam,...) với các hoạt động leo núi, dã ngoại, tắm thác,...

- Du lịch cộng đồng: Phát triển mới các điểm du lịch cộng đồng tại Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế, Lục Nam; tại các làng quan họ cổ, làng Nguyệt Đức huyện Việt Yên...

4.4. Du lịch vui chơi giải trí mua sắm

Chơi golf, neo núi, các trò chơi dân gian, tổ chức tại các điểm, khu du lịch; vui chơi giải trí, thể thao trên nước: đạp xe trên nước, câu cá...; vui chơi giải trí.

Tại các sân golf; phát triển cụm phức hợp biểu diễn nghệ thuật truyền thống, vui chơi giải trí, mua sắm, ẩm thực đêm; tại thành phố Bắc Giang, tổ chức biểu diễn âm nhạc, nghệ thuật...

Phát triển hoạt động kinh tế ban đêm gắn với du lịch vui chơi giải trí, mua sắm tại đô thị có tiềm năng như thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên, huyện Yên Dũng.

5. Các tuyến du lịch nội vùng và liên kết vùng

5.1. Tuyến du lịch liên tỉnh

(1) Hà Nội - Bắc Giang - Quảng Ninh: Tuyến du lịch tâm linh, kết nối Yên Tử, Quảng Ninh. Theo tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 27 (qua thành phố Bắc Giang) hoặc theo tuyến QL 1A, đường tỉnh 293 (qua huyện Lục Nam). Điểm tham quan chính: khu du lịch Tây Yên Tử, Yên Tử - Quảng Ninh, các trung tâm mua sắm tại TP Bắc Giang... Sản phẩm du lịch chính du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, mua sắm. Điểm dừng chân, lưu trú tại Khu du lịch Tây Yên Tử.

(2) Hải Dương - Bắc Giang - Quảng Ninh: Tuyến du lịch kết nối các di tích gắn với thời nhà Trần: Côn Sơn - Kiếp Bạc, chùa Vĩnh Nghiêm, Khu du lịch Tây Yên Tử, Yên Tử - Quảng Ninh. Theo tuyến đường tỉnh 293, QL 279. Sản phẩm du lịch chính du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng. Điểm dừng chân, lưu trú tại Khu du lịch Tây Yên Tử.

(3) Bắc Giang - Hải Dương - Quảng Ninh: Tuyến du lịch kết nối các di tích: chùa Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Yên Tử - Quảng Ninh, khu du lịch Tây Yên Tử. Theo tuyến QL 37, QL 18. Sản phẩm du lịch chính du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng.

(4) Thái Nguyên - Bắc Giang - Hải Dương - Quảng Ninh: Điểm dừng chân chính tại TP Bắc Giang, chùa Vĩnh Nghiêm. Theo tuyến QL 37, QL18. Các điểm du lịch chính: Chùa Vĩnh Nghiêm, các điểm mua sắm tại TP Bắc Giang, Côn Sơn – Kiếp Bạc, Hạ Long. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh, mua sắm, du lịch biển.

(5) Thái Nguyên - Bắc Giang - Quảng Ninh: Điểm dừng chân chính trên tuyến là Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế, Khu du lịch Tây Yên Tử, các điểm mua sắm tại TP Bắc Giang. Theo tuyến đường QL37 hoặc theo đường sắt. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh, mua sắm, du lịch biển.

(6) Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn: Trong đó các điểm dừng chân tại Bắc Giang: Vườn cây ăn quả Lục Ngạn, Khu du lịch tâm linh, sinh thái Tây Yên Tử. Tuyến du lịch theo Quốc lộ 1A, Quốc lộ 279 và theo đường sắt. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch sinh thái nông nghiệp, mua sắm sản vật địa phương, du lịch tâm linh.

(7) Lạng Sơn - Bắc Giang - Quảng Ninh: Trên tuyến du lịch kết nối Lạng Sơn dừng chân tại Khu du lịch Tây Yên Tử, Đồi Cao, kết nối Hạ Long, Quảng Ninh. Theo tuyến đường Quốc lộ 279. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, thể thao, du lịch biển.

(8) Bắc Giang - Bắc Ninh: Qua tuyến đường tỉnh 295. Các điểm tham quan chính: Chùa Bồ Đà, làng nghề, làng cổ Thổ Hà, làng quan họ cổ, đền thờ vua Bà - thủy tổ quan họ. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch văn hóa, tâm linh, du lịch làng nghề.

Theo tuyến du lịch đường thủy qua sông Cầu, xây dựng thành tuyến du lịch “về miền Quan họ”, các điểm du lịch chính trên tuyến là tham quan, tìm hiểu các làng quan họ cổ ven sông Cầu, với các sản phẩm du lịch: Du lịch văn hóa, du lịch tâm linh.

(9) Hải Dương - Bắc Giang: Tuyến du lịch kết nối các di tích gắn với thời Trần Côn Sơn – Kiếp Bạc (Hải Dương), chùa Vĩnh Nghiêm (Yên Dũng, Bắc Giang), kết nối tham quan một số điểm di tích khác như Thiền viện Trúc lâm Phượng Hoàng, đền Xương Giang, khu du lịch Suối Mỡ theo tuyến du lịch trên sông Thương, sông Lục Nam, sông Kinh Thầy. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh (tham quan, văn cảnh, cầu may...), du lịch sinh thái.

5.2. Tuyến du lịch trong tỉnh

(1) Thành phố Bắc Giang - Yên Dũng - Lục Nam - Sơn Động (tuyến du lịch “con đường tâm linh”): Thời gian 2 ngày 1 đêm, các điểm tham quan chính chùa Vĩnh Nghiêm, Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử. Sản phẩm chính là du lịch tâm linh, du lịch sinh thái. Theo tuyến đường tỉnh 293.

(2) Thành phố Bắc Giang - Lục Nam - Sơn Động: Thời gian 2 ngày 1 đêm, các điểm tham quan chính Thành cổ Xương Giang, Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử. Sản phẩm chính du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, thể thao, vui chơi giải trí. Theo tuyến QL 31, QL 279 hoặc đường tỉnh 293.

(3) Thành phố Bắc Giang - Lục Nam - Lục Ngạn - Sơn Động: Thời gian 3 ngày 2 đêm. Các điểm tham quan chính: Thành cổ Xương Giang, Khu du lịch Suối Mỡ, vườn cây ăn quả Lục Ngạn, Khu du lịch Tây Yên Tử, Khu du lịch Đòng Cao, bản du lịch cộng đồng (bản Mậu, bản Đòng Cao). Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, tham quan, dã ngoại. Theo tuyến QL 31, QL 279.

(4) Thành phố Bắc Giang - Lục Ngạn - Sơn Động: Thời gian 3 ngày 2 đêm. Các điểm tham quan chính: Thành cổ Xương Giang, vườn cây ăn quả, chùa Am vãi, Khu du lịch Tây Yên Tử, Đòng Cao, Rừng nguyên sinh Khe Rỗ. Sản phẩm du lịch chính du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, vui chơi giải trí.

(5) Thành phố Bắc Giang - Việt Yên - Hiệp Hòa: Thời gian 2 ngày 1 đêm. Các điểm du lịch chính trên tuyến: Chùa Bồ Đà, làng cổ Thổ Hà, làng quan họ cổ, lăng đá Hiệp Hòa, đền Y Sơn. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh, tham quan, trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa. Theo tuyến đường tỉnh 284, QL 37.

(6) Thành phố Bắc Giang - Tân Yên - Yên Thế (xây dựng thành tuyến du lịch “Khởi nghĩa Yên Thế”): Thời gian 2 ngày 1 đêm. Các điểm tham quan chính: Bảo tàng tỉnh, đền thờ Trung Giáp Hải; vườn cây ăn quả, đền Dành, cụm di tích Đình Vòng, khu lưu niệm Hoàng Hoa Thám; Khu di tích khởi Nghĩa Yên Thế. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch tâm linh; du lịch sinh thái. Theo tuyến đường tỉnh 284.

(7) Thành phố Bắc Giang - Lạng Giang - Yên Thế: Thời gian 2 ngày 1 đêm.

Các điểm du lịch chính: Thành cổ Xương Giang, Dã hương nghìn năm tuổi; đình, chùa Tiên Lục; Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế; điểm du lịch cộng đồng bản Ven, đồi chè, cây lim di sản, đình Xuân Lung,... Sản phẩm du lịch chính: Du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

(8) Sông Thương - Sông Cầu (thành phố Bắc Giang – Yên Dũng - Việt Yên). Các điểm du lịch chính trên tuyến Thành cổ Xương Giang, Vườn văn hóa nghệ thuật Sông Thương, chùa Vĩnh Nghiêm, làng cổ Thổ Hà, làng quan họ cổ. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch văn hóa - tâm linh, du lịch cộng đồng.

(9) Tuyến du lịch đường thủy trên sông Thương (TP Bắc Giang - huyện Yên Dũng): Điểm tham quan chính trên tuyến Thành cổ Xương Giang, đền thờ Trưng nguyên Giáp Hải, đền Bà Chúa Kho, các điểm vui chơi, mua sắm tại TP Bắc Giang; chùa Vĩnh Nghiêm, Thiền viện Trúc lâm Phượng Hoàng, gồm làng Ngòi, huyện Yên Dũng. Sản phẩm du lịch chính: Du lịch tâm linh, du lịch mua sắm, vui chơi giải trí.

(10) Tuyến du lịch dọc theo sông Cầu (Yên Dũng - Việt Yên - Hiệp Hòa): Xây dựng thành tuyến du lịch tham quan làng quan họ cổ Bắc Giang, kết hợp một số điểm di tích. Sản phẩm chính: Du lịch văn hóa, du lịch tâm linh.

5.3 Tuyến du lịch chuyên đề

(1) Tuyến du lịch tâm linh: Tuyến du lịch kết nối các điểm du lịch tâm linh nổi bật của tỉnh: Thành cổ Xương Giang (TP Bắc Giang), chùa Vĩnh Nghiêm, Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng (Yên Dũng), Khu du lịch Suối Mơ (Lục Nam), chùa Am Vãi (Lục Ngạn), Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử (Sơn Động). Trung tâm tuyến tại du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử.

(2) Tuyến du lịch lịch sử: Kết nối các điểm di tích lịch sử gắn với khởi nghĩa Yên Thế trên địa bàn 4 huyện (Yên Thế, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng). Trung tâm của tuyến tại thị trấn Cầu Gồ, huyện Yên Thế gắn với Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế. Ngoài ra kết nối với các điểm di tích khác tạo tuyến du lịch về nguồn: Mai Suu (Lục Nam), Khu lưu niệm 6 điều Bác Hồ dạy (Tân Yên), khu ATKII (Hiệp Hòa)

(3) Tuyến du lịch sinh thái: Tuyến du lịch kết nối giữa du lịch sinh thái gắn với cảnh quan núi rừng, hồ, thác nước và sinh thái nông nghiệp. Các điểm du lịch chính: Đòng Cao, rừng nguyên sinh Khe Rỗ, hồ Cẩm Sơn, vùng cây ăn quả Lục Ngạn, Tân Yên, đập Đá Ong, Khu du lịch Xuân Lung - Thác Ngà...

(4) Tuyến du lịch làng nghề: Tuyến du lịch kết nối các hoạt động tham quan, tìm hiểu, mua sắm. Các điểm đến chính: Rượu làng Vân, mây tre đan xã Tăng Tiến, làng bánh đa, kẹo lạc Thổ Hà (huyện Việt Yên); gồm làng Ngòi (huyện Yên Dũng); làng mỳ Chũ (huyện Lục Ngạn); làng bánh đa Ké, làng bún Đa Mai (TP Bắc Giang), làng điều Song Vân (Tân Yên); bánh trưng làng Vân (Hiệp Hòa)...

5.4. Các tuyến du lịch quốc tế, quốc gia

- Tuyến du lịch quốc gia Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn; Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang - Hải Dương - Quảng Ninh; Thái Nguyên - Bắc Giang - Hải Dương; Hà Nội.

- Tuyên du lịch quốc tế thông qua cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn) và cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) đến Trung Quốc và cảng hàng không quốc tế Nội Bài đến châu Á, châu Âu, châu Mỹ...

6. Các dự án kêu gọi đầu tư

Dự kiến trong giai đoạn 2021-2030 kêu gọi thu hút được khoảng 19.500 tỷ đồng vào các dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

Bảng 13: Danh mục các dự án du lịch ưu tiên kêu gọi đầu tư

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)
	Tổng số			19.500
1	Khu du lịch sinh thái suối Mơ	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	Quy mô 40 ha	600
2	Khu du lịch Nham Biền	Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	Quy mô 250 ha	800
3	Khu du lịch Đồng Cao	Xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động	Quy mô 270 ha	600
4	Khu du lịch bản Ven, Xuân Lung, Thác Ngà	Xã Xuân Lương, huyện Yên Thế	Quy mô 150 ha	300
5	Khu du lịch làng cổ Bắc Bộ	Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	Quy mô 46 ha	500
6	Sân golf và , nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Cao	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	420 ha, trong đó: đất sân golf 75,38ha, đất DVĐT 344,62ha.	3500
7	Sân golf và nghỉ dưỡng Lục Nam tại xã Đông Hưng	Xã Đông Hưng, huyện Lục Nam	534ha, trong đó đất sân golf 82,21ha, đất DVĐT và đất khác 451,79ha.	4500
8	Sân golf và nghỉ dưỡng Tiên Thắng	Xã Tiên Thắng, huyện Yên Thế	Diện tích 210ha, trong đó đất sân golf là 180ha, đất dịch vụ đô thị 30ha.	2000
9	Sân golf và khu nghỉ dưỡng tại Núi Dành	Xã Liên Chung, huyện Tân Yên	Diện tích 200ha, trong đó đất sân golf là 160ha, đất dịch vụ đô thị 40ha	2000

10	Sân golf và nghỉ dưỡng Lục Nam tại xã Cương Sơn và xã Nghĩa Phương	Xã Cương Sơn và xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	200 ha, trong đó sân golf 160ha, đất DVĐT 40ha.	2500
11	Sân golf và nghỉ dưỡng Yên Hà	Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	Diện tích 200ha, trong đó đất sân golf là 145ha, đất dịch vụ đô thị 55ha	1800
12	Khu du lịch sinh thái suối nước Vàng, thác giót, lái cò, khe Nghè gắn với du lịch cộng đồng	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	Quy mô 4,8 ha	150
13	Khu vui chơi giải trí đồi Quảng Phúc - Núi Nghĩa Trung	Song Mai, TP Bắc Giang	Quy mô 30 ha	250

V. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Mục tiêu

Ngành du lịch thực sự trở thành động lực thúc đẩy thương mại, dịch vụ và các ngành, lĩnh vực khác góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại dựa trên nền tảng tăng trưởng xanh bền vững; chú trọng phát triển du lịch văn hóa, du lịch thể thao giải trí, du lịch nghỉ dưỡng; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng số và trí tuệ nhân tạo để hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động du lịch trên cơ sở bảo tồn và làm nổi bật các giá trị truyền thống địa phương Bắc Giang.

2. Phương hướng

Tập trung đầu tư, thu hút đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, hình thành sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu du lịch quốc gia, du lịch cấp tỉnh. Hoàn thành tôn tạo có trọng điểm một số tài nguyên du lịch văn hóa có giá trị, có sức cạnh tranh nội địa. Hình thành và phát triển đô thị du lịch gắn với kinh tế ban đêm để bổ sung, hoàn thiện sản phẩm dịch vụ du lịch của tỉnh. Liên kết chặt chẽ trong hoạt động marketing, điều phối du lịch giữa tỉnh Bắc Giang với Thủ đô Hà Nội và các trung tâm KTXH vùng, các trung tâm công nghiệp Bắc Bộ.

Hoàn thiện cơ bản hệ thống hạ tầng giao thông, đảm bảo đồng bộ phục vụ yêu cầu phát triển du lịch. Hiện đại hóa mạng lưới giao thông công cộng; phát triển không gian công cộng đô thị hướng tới đô thị xanh, thông minh, thân thiện. Nâng cấp phát triển hệ thống hạ tầng xã hội và phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch đảm bảo chất lượng, hiện đại, tiện nghi, đồng bộ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhân lực du lịch phù hợp với nhu cầu phát triển du lịch giai đoạn mới, thực hiện chuẩn hóa nhân lực du lịch hợp chuẩn với khu vực và quốc tế, đặc biệt chú trọng nhân lực quản lý du lịch và lao động có tay nghề cao.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, xúc tiến quảng bá, cung cấp dịch vụ, sản phẩm du lịch. Tăng cường mối liên kết giữa các cơ quan, đơn vị trong việc kiểm soát, quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch địa phương.

3. Phát triển hạ tầng

Đến năm 2050, du lịch Bắc Giang có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, có thương hiệu trong hệ thống du lịch quốc gia, cạnh tranh được và có thị phần khá về du lịch nội địa, có thể mạnh nổi bật và có khả năng thu hút khách quốc tế đối với một số loại hình du lịch đặc trưng.

VI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về đổi mới cơ chế, chính sách

1.1. Cơ chế, chính sách về thuế

- Áp dụng các ưu đãi cho các dự án ưu tiên xây dựng trong quy hoạch gồm:
 - + Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư du lịch.
 - + Cho thuê đất với mức giá thấp nhất trong khung giá Nhà nước và Tỉnh quy định cho tất cả các dự án đầu tư (khu, điểm du lịch, sân golf, sản xuất và mua bán sản vật, đặc sản địa phương...);
 - + Ưu tiên giảm thuế cho các doanh nghiệp vừa hành khai thác, tổ chức được các sản phẩm du lịch mới.
 - + Đối với các dự án phát triển du lịch ở các khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn được miễn giảm tiền thuê đất;
 - + Hỗ trợ tuyển dụng lao động và hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động đối với trường hợp các dự án sử dụng lao động tại địa phương;
 - + Miễn giảm thuế đối với ngành sản xuất hàng lưu niệm cho khách tại các làng nghề truyền thống và cho phép kinh doanh du lịch quốc tế được hưởng các chế độ ưu đãi, khuyến khích của các ngành hàng xuất khẩu.

1.2. Cơ chế, chính sách về đầu tư, huy động vốn đầu tư, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông kết nối các khu, điểm du lịch; nâng cấp, xây dựng hệ thống công trình phụ trợ phục vụ du lịch.
- Đảm bảo được sự công bằng và điều hòa lợi ích trong quá trình đầu tư khai thác kinh doanh giữa cơ quan quản lý, nhà đầu tư và cộng đồng dân cư.
- Tạo cơ chế để các thành phần kinh tế, kể cả kinh tế hộ gia đình, cá nhân có thể tham gia vào đầu tư du lịch.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đặc biệt giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng; kịp thời giải quyết các vướng mắc cho nhà đầu tư và các doanh nghiệp du lịch để thu hút các nhà đầu tư.

- Cơ quan quản lý cần xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp đang hoạt động tại thành phố và các nhà đầu tư tiềm năng (tên, địa chỉ, chủ doanh nghiệp, loại hình kinh doanh), thường xuyên liên lạc, tiếp nhận và giải quyết nhanh những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư. Xây dựng đường dây nóng cho các doanh nghiệp hay hộp thư điện tử dành riêng cho các nhà đầu tư.

- Tạo điều kiện cho các chủ đầu tư khu du lịch trong việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng, cấp phép xây dựng các công trình phục vụ phát triển du lịch: Điềm dừng chân, khu dịch vụ...

- Thực hiện nghiêm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho nhân dân trong vùng có dự án phát triển du lịch, nhằm tạo môi trường tốt để thu hút đầu tư.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình mới trên nền quỹ đất không có tài sản trên đất, tỉnh hỗ trợ giải phóng, bàn giao mặt bằng sạch. Đối với các dự án thuê lại mặt bằng, quỹ đất hiện có tài sản trên đất, Tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí hóa giá tài sản trên đất hiện có.

- Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật về giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc đến chân hàng rào dự án.

- Nghiên cứu cơ chế, chính quyền hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, để nhà đầu tư sớm có mặt bằng đầu tư dự án.

1.3. Chính sách hỗ trợ phát triển, thu hút đầu tư cơ sở lưu trú cao cấp

Sau khi công trình đã được đầu tư, đưa vào sử dụng và được công nhận loại hạng theo quy định, Tỉnh hỗ trợ trực tiếp một lần đối với dự án, công trình xây mới, nâng cấp, cải tạo. Mức hỗ trợ theo buồng, phòng đối với từng dự án, công trình xây mới, nâng cấp, cải tạo đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên.

1.4. Chính sách hỗ trợ phát triển các nhà hàng đạt chuẩn phục vụ du lịch

Sau khi công trình đã được đầu tư, đưa vào sử dụng và được công nhận cấp biển hiệu cơ sở đạt chuẩn phục vụ du lịch theo quy định, Tỉnh hỗ trợ trực tiếp một lần đối với dự án, công trình xây mới, nâng cấp, cải tạo. Mức hỗ trợ theo diện tích xây dựng đối với từng dự án, công trình xây mới, nâng cấp, cải tạo.

1.5. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch cộng đồng

- Hỗ trợ trực tiếp một lần đối với nhà (hộ) cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng Nhà có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay) đạt chuẩn gồm: Các hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú tại gia; các hộ gia đình sản xuất nghề thủ công truyền thống, đồ mỹ nghệ (có đăng ký tham gia phát triển du lịch cộng đồng và có xác nhận của chính quyền địa phương). Thời điểm hỗ trợ: Sau khi công trình đã được đầu tư, đưa vào sử dụng và được công nhận loại hạng theo quy định.

- Dành nguồn ngân sách nhà nước cho việc thực hiện các dự án bảo tồn văn hóa

và bản sắc địa phương, các dự án hỗ trợ phát triển cho cộng đồng địa phương.

- Chính sách khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực địa phương phục vụ hoạt động phát triển du lịch.

1.6. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất du lịch

Hỗ trợ trực tiếp một lần cho các đơn vị doanh nghiệp, cá nhân có thẩm quyền quản lý để đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo công trình vệ sinh hệ thống thu gom xử lý rác thải, khu vui chơi giải trí, công viên, điểm dừng chân, điểm bán sản phẩm lưu niệm.... Thời điểm hỗ trợ sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo đạt tiêu chuẩn và được công nhận theo quy định.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Huy động mọi nguồn vốn để giải quyết về nhu cầu đầu tư, đảm bảo nhu cầu tài chính cho việc thực hiện Quy hoạch:

- Tăng cường huy động nguồn vốn ODA thông qua vay ưu đãi nước ngoài hoặc phát hành trái phiếu Chính phủ cho các công trình cơ sở hạ tầng du lịch và tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để kêu gọi, tài trợ không hoàn lại cho các chương trình, dự án phát triển dài hạn.

- Thu hút đầu tư của khu vực tư nhân cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, có các chính sách thu hút đầu tư như: Đổi đất lấy hạ tầng, hình thức BT, hình thức đối tác công - tư (PPP),...

- Vốn từ nguồn tích lũy GDP của các doanh nghiệp du lịch tỉnh; vốn vay ngân hàng; thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong cả nước, vốn trong dân thông qua Luật Đầu tư; vốn thông qua cổ phần hóa các doanh nghiệp du lịch; vốn từ việc “nhượng quyền kinh doanh”; dùng quỹ đất để tạo nguồn vốn thông qua hình thức cho thuê đất trả tiền trước, đổi đất lấy cơ sở hạ tầng có giới hạn thời gian v.v...

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi (có thể xây dựng các cơ chế ưu đãi đặc thù về thuế, về thủ tục hành chính) để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoặc liên doanh với nước ngoài.

- Vốn ngân sách Nhà nước (cả Trung ương và địa phương) ưu tiên sử dụng vào việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch; vào công tác bảo vệ và tôn tạo tài nguyên, xúc tiến quảng bá du lịch và đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Vốn vay ngân hàng với tỷ lệ lãi suất ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp du lịch sử dụng nguồn vốn này vào việc đầu tư tạo ra các sản phẩm du lịch có chất lượng.

- Nguồn vốn xã hội hóa: Tập trung huy động từ các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, tập đoàn, công ty, hộ gia đình, dân cư địa phương để triển khai thực hiện các dự án du lịch trọng điểm.

3. Phát triển một số hạ tầng thiết yếu phục vụ du lịch

3.1. Hạ tầng giao thông kết nối

- Phát triển đồng bộ hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa phục vụ kết nối thuận lợi đến các khu, điểm du lịch của tỉnh. Trong đó giao thông đối ngoại ưu tiên đầu tư mở rộng, xây mới cầu vượt sông kết nối thuận lợi với các tỉnh lân cận như: mở rộng cầu Như Nguyệt, cầu Xương Giang trên tuyến Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; xây mới cầu Cẩm Lý trên QL.37; cầu kết nối đường nhánh ĐT.293 sang Hải Dương; cầu Đồng Việt ĐT. 299 sang Chí Linh, Hải Dương; cầu và đường từ cảng Mỹ An đến QL. 31 đi Lạng Sơn (qua hồ Suối Nứa); cầu kết nối từ Ninh Sơn, Việt Yên sang khu đô thị phía Bắc của Bắc Ninh; cầu từ Việt Yên kết nối sang Yên Phong, Bắc Ninh; cầu kết nối từ Hòa Sơn, Hiệp Hòa sang Phả Yên, Thái Nguyên. Nâng cấp mở rộng mở rộng các tuyến quốc lộ quan trọng hiện nay trên địa bàn tỉnh gồm QL1, QL31, QL37, QL17, QL279. Mở tuyến kết nối các điểm chùa theo con đường Hoàng dương phát pháp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông,... Phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn như: Vĩnh Nghiêm, Vân Hà, Chũ, Tiên Lục nhằm góp phần thúc đẩy phát triển vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa, phục vụ phát triển du lịch tại khu vực chùa Vĩnh Nghiêm, làng cổ Thổ Hà, vùng cây ăn quả trọng điểm huyện Lục Nam, Lục Ngạn, cây Dã Hương ngàn năm tuổi.

- Xây dựng các trạm dừng nghỉ trên các tuyến: cao tốc Hà Nội – Bắc Giang (vị trí đối diện trạm dừng nghỉ Đồng Quê); trên đường tỉnh 293 (tại vị trí đường vào chùa Vĩnh Nghiêm, suối Mỡ, Tây Yên Tử); xây dựng, hoàn thiện các điểm dừng đỗ trên quốc lộ và đường tỉnh: QL31, QL37, QL 279, QL17; đường tỉnh 242; 290; 293; 294; 295; 295B; 296; 297.

3.2. Hạ tầng điện, nước, viễn thông thụ động

Xây dựng hệ thống truyền tải điện năng, cung cấp nước sạch đảm bảo kết nối thuận lợi đến các khu, điểm du lịch tiềm năng của tỉnh. Phát triển hạ tầng mạng thông tin di động 5G, phát triển mới khoảng 5.000 trạm thu phát sóng đảm bảo phủ sóng 100% khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển cơ sở vật chất phục vụ du lịch

- Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại: Đến năm 2030, quy hoạch 36 siêu thị, gồm 8 siêu thị hiện có và quy hoạch mới 28 siêu thị; quy hoạch 14 trung tâm thương mại, gồm 4 TTTM hiện có (BigC, Liên cơ quan, Harpro, thị trấn Vôi) và quy hoạch mới 10 trung tâm thương mại; quy hoạch 01 trung tâm hội chợ - triển lãm tại khu vực phía Nam thành phố Bắc Giang.

- Phát triển các cơ sở dịch vụ ăn uống, giải khát tại các khu vực đô thị, dọc theo các tour tuyến du lịch, trong đó chú trọng cung cấp, phục vụ các món ăn, sản vật nổi tiếng của địa phương. Phát triển các dịch vụ, hoạt động kinh tế ban đêm tại các thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên và Yên Dũng.

- Tài chính, ngân hàng: Nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, ngân hàng theo hướng hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách du lịch; phấn đấu mở thêm ít trên 3 chi nhánh và trên 30 phòng giao dịch của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; mở thêm trên 120 cây ATM, trên 1.500 máy POS.

5. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Liên kết với các doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức cho các học viên đi thực tập thực tế tại các khách sạn lớn trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút lao động có chất lượng cao từ các địa phương và khu vực khác, kể cả lao động nước ngoài cần coi là chiến lược quan trọng trong thời gian trước mắt để nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như nguồn nhân lực của du lịch Bắc Giang.

- Phối hợp với các doanh nghiệp du lịch tổ chức các khóa thực tập cho sinh viên từ các trường du lịch ở Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh đến thực tập tại Bắc Giang, sau khóa đào tạo sẽ tổ chức thi tuyển nhằm tuyển chọn đội ngũ lao động chất lượng cao.

- Đối với nguồn nhân lực du lịch khối doanh nghiệp: Xây dựng hệ thống đào tạo liên kết nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp - người lao động. Khảo sát các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và cơ sở lưu trú trên địa bàn toàn tỉnh, các nhà đầu tư trong tương lai nhằm xác định nhu cầu đào tạo, từ đó xây dựng chương trình đào tạo giáo dục tổng thể theo hướng phối hợp 3 bên: Doanh nghiệp, nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm du lịch cho các chủ nhà hàng, khách sạn tại các khu, điểm du lịch, các huyện, thành phố.

6. Giải pháp về tuyên truyền, quảng bá

- Tổ chức các cuộc thi chọn biểu tượng (logo) và khẩu hiệu (slogan) cho du lịch Bắc Giang, nhằm xây dựng bộ công cụ nhận diện thương hiệu cho du lịch Bắc Giang.

- Tăng cường nguồn kinh phí cho công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Đồng thời kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa, phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trong công tác xúc tiến, quảng bá.

- Thường xuyên mời các đoàn famtrip bao gồm các hãng lữ hành có uy tín trong nước tới khảo sát sản phẩm du lịch Bắc Giang để xây dựng sản phẩm và hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Ngoài ra, chú trọng đến các bloggers, Vlogger nổi tiếng, có sức ảnh hưởng lớn.

- Xây dựng các ấn phẩm chuyên nghiệp, bắt mắt bằng nhiều thứ tiếng để phục vụ công tác quảng bá du lịch, ấn phẩm chuyên đề riêng (du lịch văn hóa - tâm linh, du lịch lịch sử - văn hóa, du lịch sinh thái...) để giới thiệu cho du khách, chuyên gia, các hãng lữ hành tại các buổi đón đoàn famtrip, tham gia Hội chợ, hội thảo xúc tiến du lịch trong nước và quốc tế.

- Nâng cấp trang web du lịch: Bổ sung thêm ngôn ngữ các thị trường trọng điểm (Trung Quốc, Nhật, Hàn), cung cấp đường dẫn đến các trang đặt tour du lịch,...

- Tăng cường, chú trọng công tác xúc tiến, quảng bá ra các thị trường xa như miền Trung, miền Nam, thị trường nước ngoài. Công tác xúc tiến cần chú trọng đến từng thị trường khách, nhằm đưa ra công cụ quảng bá phù hợp, đạt hiệu quả cao.

- Các kênh xúc tiến quảng bá ưu tiên: Các trang mạng xã hội (facebook fanpage;

tài khoản twitter; tài khoản Instagram...), các diễn đàn đánh giá du lịch (Trip Advisor, Booking.com,...), tiếp thị trực tuyến (e-Marketing, google adwords,...), phương tiện truyền thông đại chúng. Ngoài ra, các kênh thông tin khác như các văn phòng lữ hành, đại lý du lịch cũng được ưu tiên sử dụng.

7. Giải pháp ứng dụng khoa học, công nghệ

- Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nước trong dịch vụ du lịch (ứng dụng nhãn hiệu Bông Sen Xanh của Tổng cục du lịch cho các khách sạn).

- Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, doanh nghiệp thông qua các khóa tập huấn ngắn hạn về công nghệ thông tin như: Marketing trực tuyến (e-marketing), khai thác mạng xã hội trong kinh doanh du lịch...

- Hỗ trợ người dân tại các điểm du lịch cộng đồng biết ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kinh doanh thông qua các biện pháp: đưa đào tạo về sử dụng công nghệ thông tin vào nội dung đào tạo cộng đồng, hỗ trợ cập nhật thông tin du lịch cộng đồng..

- Xây dựng phần mềm quản lý, báo cáo tự động để quản lý hoạt động kinh doanh du lịch.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thống kê du lịch để có những thông tin thực tế, giúp quản lý có hiệu quả việc khai thác các điểm du lịch.

- Sử dụng các trang mạng xã hội (Facebook, Instagram, Twitter...) để cung cấp thông tin, quảng bá du lịch.

8. Thực hiện bảo tồn, phát triển nguồn tài nguyên du lịch

Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân ca Quan họ: Xây dựng chính sách đãi ngộ đối với các nghệ nhân; xây dựng, duy trì các câu lạc bộ Quan họ, các cuộc thi hát Quan họ; tổ chức các lớp truyền dạy Quan họ;...

Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Ca trù: Xây dựng câu lạc bộ, điểm sinh hoạt văn hóa Ca trù; truyền dạy cho thế hệ trẻ; xây dựng chương trình hoạt động ngoại khóa cho học sinh tìm hiểu, học Ca trù.

Bảo tồn, nâng cấp, phát huy giá trị các di tích khởi nghĩa Yên Thế, các điểm di tích gắn với Thiên phái Trúc Lâm và các di tích văn hóa, lịch sử khác trên địa bàn tỉnh.

Duy trì và tiếp tục phát triển các hoạt động lễ hội dân gian truyền thống.

Phát triển nghề thủ công truyền thống để du khách có cơ hội tìm hiểu về những nghề truyền thống dân tộc và mua các hàng mỹ nghệ, lưu niệm có chất lượng cao.

Cải tạo môi trường tự nhiên khu vực hoạt động du lịch.

Giáo dục và nâng cao ý thức cộng đồng dân cư về bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch nói riêng và nhận thức về du lịch nói chung.

Đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch và hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch.

9. Giải pháp liên kết phát triển

- Liên kết với các hãng lữ hành trên các lĩnh vực: Xúc tiến, quảng bá, xây dựng sản phẩm du lịch, đào tạo nguồn nhân lực,...

- Tổ chức một số diễn đàn để trao đổi, thống nhất nhận thức về sự cần thiết liên kết trong phát triển du lịch giữa Bắc Giang và các địa phương lân cận, các địa phương trong vùng. Cần có được những bước đi cụ thể hướng đến sự liên kết này sau các hội thảo, sau các lễ ký kết với sự hiện diện của Lãnh đạo các địa phương trong vùng.

- Đa phương hóa, đa dạng hóa các loại hình hợp tác: Mở rộng hợp tác với các quốc gia khác, các vùng lãnh thổ; đa dạng hóa các kênh hợp tác; tăng cường, mở rộng các hoạt động hợp tác với các tổ chức quốc tế: EU, PUM, ADB.

- Chú trọng đầu tư, hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối Bắc Giang với các địa phương lân cận bằng cả đường bộ, đường thủy và đường sắt.

- Tập trung khai thác các tuyến du lịch đã liên kết với các tỉnh, thành phố như Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Ninh... Tiếp tục xây dựng các tour, tuyến du lịch liên kết mới.

Cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để có sự tham gia của các ngành khác nhau như nông nghiệp, thương mại đối với các lĩnh vực phát triển du lịch về: Vốn đầu tư, công tác thị trường, công nghệ, cung cấp lương thực, thực phẩm, phát triển các sản phẩm lưu niệm...

Liên kết giữa ngành du lịch và khoa học, công nghệ trong hợp tác, đầu tư, chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; quảng bá, tuyên truyền.

Xây dựng cơ chế phối hợp để triển khai hoạt động ngoại giao văn hoá. Phối hợp chặt chẽ giữa các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao với quảng bá du lịch và xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư và phát triển sản phẩm du lịch.